

**Ý THỨC ĐỨC TIN**  
**và**  
**THỰC THI ĐỨC TIN**



Biệt tặng  
Phong Trào Tông Đồ Fatima  
để học hỏi trong Năm Đức Tin  
(11/10/2012 - 24/11/2013)

Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL

**Phong Trào Tông Đồ Fatima Việt Nam Hoa Kỳ**

## **Nội Dung**

Lời giới thiệu.....	3
Tông Thư Cửa Đức Tin - Porta Fidei.....	5

### **Phần Một**

#### **Ý Thức Đức Tin**

- 1- Chân Lý Đức Tin:  
Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống.....19
- 2- Mô Phạm Đức Tin: Phúc vì đã tin.....53
- 3- Mầu Nhiệm Đức Tin: Thánh Thể.....81

### **Phần Hai**

#### **Thực Thi Đức Tin**

- 4- Cảm Nghiệm Đức Tin.....97
- 5- Gia Tăng Đức Tin.....123
- 6- Truyền Bá Đức Tin.....141

### **Phụ Bản**

- 7- Mầm Mống Đức Tin nơi các đạo giáo....163
- Gợi ý học hỏi hằng tháng trong Năm ĐT..191

## LỜI GIỚI THIỆU

Đức tin là một vấn đề rất quan trọng cho đời sống con người. Con người cần có đức tin để làm điểm tựa vững chắc cho cuộc sống. Không đức tin, con người sẽ bị chao đảo, không hướng đi. Đối với người công giáo, đức tin lại càng cần thiết và quan trọng hơn nữa nhất là trong thời đại hôm nay, đặc biệt đối với các đoàn viên Phong Trào Tông Đồ Fatima Việt Nam tại Hoa Kỳ, đức tin cần được củng cố vững chắc để có thể chu toàn bổn phận truyền bá Đức Tin cho mọi người.

Để giúp các tín hữu ý thức và sống đức tin, Đức Giáo Hoàng Bênêdictô 16 đã ban hành Tông thư “ Cửa Đức Tin” ngày 11-10-2011 công bố một Năm Đức Tin cho toàn thể Giáo Hội Công Giáo . Người tín hữu cần phải bước vào Cửa Đức Tin để bắt đầu cuộc hành trình Đức Tin của mình nhân dịp mừng ba biến cố là kỷ niệm 50 năm khai mạc Công đồng Vatican II, 20 năm xuất bản sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo và Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế giới vào tháng 10-2012 với chủ đề “Cuộc Tân truyền Bá Phúc Âm Hóa để Truyền Đạt Niềm Tin Kitô giáo.”

Sau đó, Đức TGM Rino Fisichella, chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh tái truyền giảng Tin Mừng đã mở cuộc họp báo giới thiệu lịch trình cử hành năm Đức tin vào ngày 21-06-2012 tại Roma. Ngài nói: *“Chúng ta phải vượt qua sự nghèo tâm linh đang ảnh hưởng quá nhiều người đương thời, họ không nhận biết sự hiện diện của Thiên Chúa trong đời sống, đó là khoảng trống cần được lấp đầy”*.

Đồng thời giáo hội cũng nhắm tới việc đáp ứng lòng mong mỏi của mỗi người tín hữu muốn sống Đức tin của mình một cách

sâu sắc hơn. Người tín hữu muốn thực hành Đức Tin một cách sống động và có hiệu quả tốt, cần phải học hỏi về những chân lý Đức Tin như Đức Kitô là Con Thiên Chúa hằng sống cùng với các mầu nhiệm như Thiên Chúa Nhập Thể, Thiên Chúa Cứu Chuộc và Mầu Nhiệm Thánh Thể. Mặc dầu trí khôn loài người không hiểu được nhưng tin vào sự mạc khải của Thiên Chúa cho Giáo Hội và tin vào lời Chúa Kitô nói với Tông Đồ Thomas “ Phúc cho những ai không thấy mà tin.”

Sau khi đã nắm vững được những chân lý Đức Tin, người công Giáo cần phải sống với Đức Tin để có thể cảm nghiệm được những chân lý Đức Tin bằng chính đời sống của mình. Nhưng trong đời sống hằng ngày, khi gặp những thử thách cam go, người ta cần phải cầu nguyện nhiều để xin gia tăng Đức Tin và truyền bá Đức Tin cho người khác.

Người tín hữu cần xác tín điều này là trước khi về trời, Chúa Giêsu đã trao sứ mệnh rao giảng ơn cứu độ cho các tông đồ và qua các tông đồ, Chúa cũng muốn trao sứ điệp cho mọi tín hữu, đặc biệt cho các đoàn viên Tông Đồ Fatima Việt Nam tại Hoa Kỳ này. Vì thế, tôi rất vui mừng giới thiệu Tập Học Hỏi về Ý Thức Đức Tin và Thực Thi Đức Tin của ông Cao Tấn Tĩnh, Chủ Tịch Phong Trào tông Đồ Fatima Việt Nam tại Hoa Kỳ. Ông là một tín hữu trung kiên của Giáo Hội và là một tông đồ nhiệt thành của Đức Mẹ Maria, đã hy sinh thời giờ và sức lực để soạn thảo tập học hỏi này cho Phong Trào.

Chúng tôi mong mỗi mỗi đoàn viên Phong Trào Tông Đồ Fatima Việt Nam tại Hoa Kỳ, hưởng ứng lời kêu gọi của Đức Thánh Cha Bênêđictô 16, tích cực học hỏi và thực hành Đức Tin trong Năm Đức Tin này.

Philadelphia, ngày 08-09-2012

Lễ Sinh nhật Đức Mẹ.

Linh mục Giuse Đình Công Huỳnh,

*Tổng Linh Hướng*

# Tông Thư

## “Porta Fidei - Cửa Đức Tin”

*Đức Thánh Cha Biển Đức XVI  
cho Năm Đức Tin 11/10/2012-24/11/2013*

*Sau đây là bản tóm lược bức Tông Thư mở Năm Đức Tin của Đức Thánh Cha Biển Đức XVI ban hành ngày 11/10/2011, với những trích đoạn nguyên văn tiêu biểu và quan trọng về nội dung của văn kiện này (người dịch tự ý phân chia văn kiện này với những tiêu đề cho các đoạn để dễ theo dõi tiến trình nội dung của văn kiện, kèm theo một số phụ chú hay biệt chú riêng liên quan tới một số ý tưởng đặc biệt của vị giáo hoàng tác giả thần học gia).*

### **Năm Đức Tin: Cuộc hành trình tiến qua cửa đức tin**

1- “Cửa Đức Tin” (Acts 14:27) bao giờ cũng mở ra cho chúng ta, dẫn đưa chúng ta vào sự sống hiệp thông với Thiên Chúa và mở lối vào Giáo Hội của Người. Việc bước qua ngưỡng cửa này là những gì khả dĩ khi lời Chúa được loan báo và cõi lòng để cho

mình được hình thành bởi ân sủng biến đổi. Việc tiến vào qua cửa này tức là bắt đầu một cuộc hành trình kéo dài suốt cả cuộc đời. Nó bắt đầu bằng phép rửa (cf Rm 6:4), nhờ thế chúng ta có thể thưa với Thiên Chúa là Cha, và nó kết thúc ở cuộc vượt qua sự chết mà vào sự sống đời đời, hoa trái của cuộc Chúa Giêsu phục sinh, Đấng mong muốn, nhờ tặng ân Thánh Linh, kéo tất cả những ai tin vào Người tới với vinh hiển của Người (cf Jn 17:22). Việc tuyên xưng đức tin vào Ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Linh – tức là tin một Thiên Chúa duy nhất là Tình Yêu (cf 1Jn 4:8): Cha, Đấng vào thời điểm viên trọn đã sai Con của Ngài đến cho phần rỗi của chúng ta; Chúa Giêsu Kitô, Đấng trong máu nhiệm tử nạn và phục sinh của mình, đã cứu chuộc thế giới; Thánh Linh, Đấng dẫn Giáo Hội qua các thế kỷ trong khi chúng ta trông đợi cuộc trở lại vinh quang của Chúa.

2- Từ khi bắt đầu thừa tác vụ Thừa Kế Thánh Phêrô, tôi đã từng nói đến nhu cầu cần phải tái nhận thức cuộc hành trình đức tin để chiếu giải ánh sáng rạng ngời hơn nữa về niềm vui và lòng nhiệt thành mới mẻ của cuộc gặp gỡ Chúa Kitô. Trong bài giảng Lễ đăng quang giáo triều của mình, tôi đã nói rằng: “Giáo Hội nói chung và tất cả các vị Chủ Chiên của Giáo Hội, như Chúa Kitô, cần phải bắt đầu dẫn dân chúng băng qua sa mạc mà đến chốn sự sống, đến mỗi thân tình với Con Thiên Chúa, đến với Đấng

ban cho chúng ta sự sống và là một sự sống dồi dào” [[\*Homily for the beginning of the Petrine Ministry of the Bishop of Rome\*](#) (24 April 2005): AAS 97 (2005), 710.]. Thường xảy ra là Kitô hữu quan tâm hơn tới những thành quả về xã hội, văn hóa và chính trị trong việc dẫn thân của họ, tiếp tục nghĩ đến đức tin như là một thứ giả định hiển nhiên đối với cuộc sống trong xã hội. Thực ra, cái giả định này chẳng những không còn là những gì được công nhận nữa, trái lại, nó còn thường bị công khai chối từ [Cf. Benedict XVI, [\*Homily at Holy Mass in Lisbon's "Terreiro do Paço"\*](#) (11 May 2010): *Insegnamenti* VI:1 (2010), 673.]. Trong quá khứ người ta có thể công nhận một cấu trúc thống nhất về văn hóa, phần lớn được chấp nhận ở chỗ nó căn cứ vào nội dung của niềm tin cùng với các thứ giá trị từ niềm tin này, nhưng ngày nay điều ấy dường như không còn là trường hợp được xã hội chấp nhận rộng rãi, vì một cuộc khủng hoảng đức tin sâu xa đã ảnh hưởng nhiều người....

### **Năm Đức Tin: Thời điểm - mừng kỷ niệm 3 biến cố**

4- Trước tất cả những điều ấy, tôi đã quyết định công bố một Năm Đức Tin. Nó sẽ được bắt đầu vào ngày 11 tháng 10 năm 2012, thời điểm kỷ niệm 50 năm biến cố khai mạc Công Đồng Chung Vaticanô II, và sẽ kết thúc vào Lễ Trọng Kính Chúa Giêsu Kitô Chúa Chúng Ta là Vua Vũ Trụ, ngày 24/11/2013 (*phụ chú đặc biệt của người dịch: ngày này cũng chính là ngày lễ Các*

Thánh Tử Đạo trên Đất Việt của Giáo Hội ở Việt Nam, sau 25 năm các vị được Giáo Hội tôn phong hiển thánh bởi vị giáo hoàng chân phước Gioan Phaolô II ngày 19/6/1988). Ngày khai mạc 11/10/2012 cũng đánh dấu 20 năm kỷ niệm việc ban hành cuốn *Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo*, một văn kiện được ban hành bởi vị Tiền Nhiệm của tôi là Chân Phước Gioan Phaolô II [Cf. John Paul II, Apostolic Constitution *Fidei Depositum* (11 October 1992): AAS 86 (1994), 113-118.], với mục đích để chiếu soi cho tất cả mọi tín hữu thấy được cái quyền năng và vẻ đẹp của đức tin.... Ngoài ra, chủ đề của Thượng Nghị Giám Mục Thế Giới tôi đã triệu tập vào Tháng 10/2012 đó là “Cuộc Tân Truyền Bá Phúc Âm Hóa để Truyền Đạt Niềm Tin Kitô Giáo”. Đây sẽ là một cơ hội tốt đẹp để dẫn đưa toàn thể Giáo Hội tiến vào một thời gian đặc biệt suy tư và tái nhận thức về đức tin. Đây không phải là lần đầu tiên Giáo Hội được kêu gọi để cử hành một Năm Đức Tin. Vị Tiền Nhiệm khả kính của tôi là Người Tôi Tớ Chúa Phaolô VI đã công bố năm này vào năm 1967, để tưởng niệm cuộc tử đạo của thánh Phêrô và Phaolô nhân dịp 19 thế kỷ hành động chứng nhân tử đạo cao cả của các vị. Ngài đã nghĩ đến nó như là một thời điểm trọng đại đối với toàn thể Giáo Hội trong việc thực hiện “một việc tuyên xưng đích thực và chân thành của cùng một niềm tin”; hơn nữa, ngài muốn việc này cần phải được vững mạnh ở chỗ “cá nhân và tập thể, tự do và ý thức, bên trong và bên ngoài, khiêm tốn và thẳng thắn” [Paul VI, Apostolic Exhortation *Petrum et Paulum Apostolos* on the XIX



centenary of the martyrdom of Saints Peter and Paul (22 February 1967): *AAS* 59 (1967), 196.]. Ngài nghĩ rằng có thể toàn thể Giáo Hội mới có thể tái xác đáng “kiến thức chính xác về đức tin, để tái củng cố đức tin, thanh tẩy đức tin, khẳng định đức tin, và tuyên xưng đức tin” [*Ibid.*, 198.]. Cuộc đại biến động của năm ấy đã càng hiển nhiên hóa nhu cầu cần phải thực hiện một cuộc cử hành như thế. Năm ấy được kết thúc bằng *Kinh Tin Kính của Dân Chúa* [Paul VI, *Credo of the People of God*, cf. Homily at Mass on the XIX centenary of the martyrdom of Saints Peter and Paul at the conclusion of the “Year of Faith” (30 June 1968): *AAS* 60 (1968), 433-445.], với mục đích để chứng tỏ cho thấy rằng nội dung thiết yếu qua các thế kỷ đã hình thành nên cái gia sản của tất cả mọi tín hữu này cần phải được khẳng định, hiểu biết và đào sâu một cách mới mẻ, để liên li làm chứng trong các hoàn cảnh lịch sử rất khác nhau với những hoàn cảnh ấy trong quá khứ.

5- Ở một khía cạnh nào đó, vị tiên nhiệm khả kính của tôi đã thấy Năm ấy như là “một thành quả và là một nhu cầu của giai đoạn hậu công đồng [Paul VI, *General Audience* (14 June 1967): *Insegnamenti* V (1967), 801.], hoàn toàn nhận thức được những khó khăn trầm trọng vào thời ấy, nhất là đối với việc tuyên xưng đức tin chân thực cũng như việc giải thích đức tin một cách chính xác. Đối với tôi dường như thời điểm khai mở Năm Đức Tin

trùng hợp với thời điểm kỷ niệm 50 năm khai mạc Công Đồng Chung Vaticanô II sẽ cố gắng hiến một cơ hội tốt để giúp dân chúng hiểu được rằng các bản văn kiện được các Nghị Phụ Công Đồng truyền lại, theo lời của Chân Phước Gioan Phaolô II, “*đã không mất đi gì hết cái giá trị hay rạng ngời của chúng*”. Chúng cần phải được đọc một cách chính xác, được biết đến một cách rộng rãi và được yêu quý như những văn kiện quan trọng và qui chuẩn của Huấn Quyền, trong Truyền Thống của Giáo Hội... Tôi cảm thấy hơn bao giờ hết có nhiệm vụ phải cho thấy Công Đồng này như *một đại hồng ân được ban cho Giáo Hội trong thế kỷ 20*: ở đó chúng ta tìm thấy một địa bàn vững chắc nhờ đó chúng ta lãnh nhận các trách nhiệm của chúng ta trong một thế kỷ giờ đây bắt đầu” [John Paul II, Apostolic Letter [\*Novo Millennio Ineunte\*](#) (6 January 2001), 57: AAS 93 (2001), 308.]...

6- Việc canh tân của Giáo Hội cũng đạt được nhờ chứng từ của đời sống tín hữu: bằng chính sự hiện hữu của họ trên thế gian, Kitô hữu cũng được kêu gọi để chiếu tỏa lời chân lý được Chúa Giêsu để lại cho chúng ta...

Năm Đức Tin, theo quan điểm này, là một lời hiệu triệu thực hiện việc hoán cải đích thực và mới mẻ về với Chúa, Đấng Cứu Chuộc duy nhất của thế giới...

**Năm Đức Tin: Tác động – Tuyên Xưng Đức Tin**

7- ... Đức tin gia tăng khi nó được sống như là một cảm nghiệm về tình yêu lãnh nhận và khi nó được truyền đạt như là một cảm nghiệm về ân sủng và niềm vui. Nó làm cho chúng ta trở thành phong phú, vì nó mở rộng tâm can của chúng ta trong hy vọng và giúp chúng ta có thể thực hiện chúng từ ban sự sống: thật vậy, nó mở tâm can và trí óc của những ai lắng nghe để đáp ứng lời mời gọi của Chúa trong việc gắn bó với lời của Người và trở nên môn đệ của Người....

Bởi vậy, chỉ nhờ tin tưởng mà đức tin gia tăng và trở nên mạnh mẽ hơn; không có khả thể nào khác để sở hữu tính chất vững chắc đối với đời sống của con người ngoại trừ tự phó mình, một cách liên tục mạnh dạn, vào bàn tay của một tình yêu dường như liên li gia tăng vì có nguồn gốc nơi Thiên Chúa.

8- Nhân dịp thuận lợi này, tôi muốn mời gọi quý huynh giám mục của tôi khắp nơi trên thế giới hãy liên kết với vị Thừa Kế Thánh Phêrô, trong thời điểm ân sủng thiêng liêng được Chúa cố gắng hiến cho chúng ta đây, để nhắc lại tặng ân đức tin quý báu. Chúng ta muốn cử hành Năm này một cách xứng đáng và thành quả. Việc suy tư về đức tin cần phải được gia tăng, để giúp cho tất cả mọi tín hữu trong Chúa Kitô được gắn bó một cách ý thức và mạnh mẽ hơn với Phúc Âm, nhất là trong một thời điểm hết sức đổi thay như nhân loại đang trải qua. Chúng ta

sẽ có cơ hội để tuyên xưng đức tin của chúng ta vào Chúa Phục Sinh trong các vương cung thánh đường của chúng ta trên toàn thế giới; trong nhà của chúng ta và giữa các gia đình của chúng ta với nhau, để hết mọi người có thể cảm thấy hết sức cần phải hiểu biết hơn và truyền đạt cho các thế hệ tương lai đức tin của tất cả mọi thời đại. Các cộng đồng tu trì cũng như các cộng đồng giáo xứ, và tất cả các cơ cấu giáo hội cũ và mới, cần phải tìm cách, trong Năm này, công khai tuyên xưng *Credo*.

9- Chúng ta muốn Năm này làm bừng lên nơi hết mọi tín hữu niềm thao thức *tuyên xưng* đức tin một cách trọn vẹn và xác tín mới, tin tưởng và hy vọng. Nó cũng là một dịp tốt để gia tăng *việc cử hành* đức tin trong phụng vụ, nhất là vào Thánh Thể là “tột đỉnh hướng về của hoạt động Giáo Hội; ... và cũng là nguồn mạch xuất phát tất cả mọi năng lực của Giáo Hội” [Second Vatican Ecumenical Council, Constitution on the Sacred Liturgy *Sacrosanctum Concilium*, 10.]. Đồng thời chúng ta biến nó thành lời cầu nguyện của chúng ta để *chứng từ* của tín hữu càng trở nên uy tín hơn nữa. Việc tái nhận thức nội dung của một đức tin được tuyên xưng, cử hành, sống động và nguyện cầu [Cf. John Paul II, Apostolic Constitution *Fidei Depositum* (11 October 1992): AAS 86 (1994), 116] và việc suy niệm về tác động của đức tin, là một công việc hết mọi tín hữu

cần phải coi như là việc của mình, nhất là trong thời gian của Năm n ày....

10- ... Việc tuyên xưng bằng môi miệng ngược lại cho thấy rằng đức tin bao gồm việc công khai làm chứng và dẫn thân. Một Kitô hữu có thể không bao giờ nghĩ đến niềm tin như là một tác động riêng tư. Đức tin là việc chọn đứng về bên Chúa để sống với Người (*biệt chú của người dịch: tư tưởng này của Đức Thánh Cha Biển Đức XVI được ngài chủ trương từ khi còn là giáo sư đại học và đã được ngài bày tỏ trong cuốn "Introduction to Christianity" xuất bản từ năm 1968, ở phần I, chương 1, đoạn 5: "Faith as standing firm and understanding"*). Việc "đứng về bên Người" hướng tới một sự hiểu biết về các lý do tin tưởng. Đức tin, chính vì nó là một tác động tự nguyện, cũng đòi hỏi trách nhiệm xã hội nữa đối với những gì người ta tin tưởng. Giáo Hội trong Ngày Lễ Ngũ Tuần chứng tỏ hoàn toàn rạng ngời chiều kích công khai này của việc tin tưởng và loan báo đức tin của con người một cách mạnh mẽ cho hết mọi người. Chính tặng ân Thánh Linh làm cho chúng ta xứng hợp với sứ vụ và kiến cường chứng từ của chúng ta, làm cho nó nên thẳng thắn và dũng cảm.

Việc tuyên xưng đức tin là tác động vừa cá nhân vừa cộng đồng. Chính Giáo Hội là chủ thể chính của đức tin. Theo đức tin của cộng đồng Kitô giáo, mỗi một cá nhân lãnh nhận phép rửa, một dấu chỉ hiệu lực để gia nhập thành phần dân tín hữu để được ơn cứu

độ. Như chúng ta đọc thấy trong *Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo*: “Tôi tin’ là đức tin của Giáo Hội được tuyên xưng riêng tư bởi từng tín hữu, chính yếu khi lãnh nhận phép rửa. ‘Chúng tôi tin’ là đức tin của Giáo Hội được tuyên xưng bởi các vị giám mục họp công đồng hay phổ quát hơn bởi cộng đồng tín hữu cử hành phụng vụ. ‘Tôi tin’ cũng là Giáo Hội, mẹ của chúng ta, khi đáp ứng Thiên Chúa bằng đức tin dạy chúng ta vừa thừa ‘tôi tin vừa thừa ‘chúng tôi tin’” [*Catechism of the Catholic Church*, 167]

....

Một mặt chúng ta không được quên rằng trong bối cảnh về văn hóa của chúng ta, rất là nhiều người, trong khi không công nhận là mình có được tặng ân đức tin, thế mà vẫn chân thành tìm kiếm ý nghĩa tối hậu và sự thật cuối cùng của đời sống họ và của thế giới này. (*Biệt chú của người dịch: ở đây Đức Thánh Cha muốn nói đến một thành phần đã được ngài mới nhắc đến trong chuyến tông du Đức quốc, trong bài giảng cho Thánh Lễ ở Touristic airport, Freiburg im Breisgau Chúa Nhật 25/9/2011, cũng như trong Biện Cố Assisi, ở đoạn kết bài diễn từ ngày Thứ Năm 27/10/2011, đó là thành phần bất khả thần tri - agnosticism*). Việc tìm kiếm này là một ‘tựa đề – preamble’ cho đức tin, vì nó dẫn con người trên con đường dẫn đến mầu nhiệm của Thiên Chúa. Thật vậy, lý trí của con người chất chứa một đòi hỏi về ‘những gì là vĩnh viễn vững chắc và lâu bền’ [Benedict XVI, [Address at the Collège des Bernardins](#), Paris (12 September 2008): AAS 100 (2008), 722.] Cái đòi hỏi này là những gì tạo nên một

hiệu triệu thường xuyên, được in ấn bất khả xóa mờ trong tâm can của con người, trong việc lên đường tìm kiếm Đấng không phải là chúng ta tìm kiếm Ngài mà là Ngài đã đến tìm gặp chúng ta [Cf. Saint Augustine, *Confessions*, XIII:1.]. Đức tin mời gọi chúng ta và mở lòng chúng ta ra một cách trọn vẹn cho cuộc hội ngộ ấy.

### Năm Đức Tin: Năm Vững – Giáo Lý Công Giáo

11- Để tiến đến một thứ kiến thức có hệ thống về nội dung của đức tin, tất cả mọi người có thể tìm thấy trong cuốn *Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo* một dụng cụ quý báu bất khả thiếu. Nó là một trong những hoa trái quan trọng nhất của Công Đồng Chung Vaticanô II...

Theo chiều hướng ấy, Năm Đức Tin sẽ phải thấy được một nỗ lực chung trong việc tái nhận thức và học hỏi nội dung nền tảng của đức tin được tổng luận một cách có hệ thống và bố cục trong cuốn *Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo*....

Trong chính cấu trúc của mình, cuốn *Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo* được khai triển theo đức tin đúng với các vấn đề to lớn của cuộc sống hằng ngày. Từ trang này sang trang khác, chúng ta thấy rằng những gì được trình bày ở đó không phải là lý thuyết mà là một cuộc hội ngộ với Con Người đang

sống trong Giáo Hội. Việc tuyên xưng đức tin được tiếp nối bởi phần về đời sống bí tích, trong đó Chúa Giêsu hiện diện, hoạt động và tiếp tục xây dựng Giáo Hội của Người. Không có phụng vụ và các bí tích, việc tuyên xưng đức tin thiếu mất hiệu năng, vì nó thiếu ân sủng hỗ trợ cho chứng từ của Kitô hữu. Cùng một qui chuẩn như thế, giáo huấn của *Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo* này về đời sống luân lý có được tất cả ý nghĩa của mình nếu được liên hệ với đức tin, phụng vụ và cầu nguyện. *(Biệt chú của người dịch: ở đây Đức Thánh Cha, vị hồng y nguyên Tổng Trưởng Tín Lý Đức Tin đặc trách soạn thảo cuốn Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo, cho biết về bố cục rất chặt chẽ của văn kiện quan trọng này giữa 4 phần chính yếu, theo thứ tự là: Đức Tin, Phụng Vụ, Luân Lý và Cầu Nguyện. Mà riêng phần luân lý lại không ở ngay sau phần tín lý là Đức Tin mà lại được xếp sau cả phần Phụng Vụ bao gồm các bí tích là vì nếu không có ơn Chúa xuất phát từ Phụng Vụ thì Kitô hữu sẽ không thể nào sống đức tin nơi đời sống luân lý, và thậm chí không thể nào sống đời cầu nguyện, vì đời sống cầu nguyện, ở phần cuối cuốn giáo lý, cũng là tác động đáp ứng mạc khải thần linh là những gì được cất chứa nơi phần 1 về tín lý và phần 2 về bí tích).*

12- Trong Năm này, bởi thế, cuốn *Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo* sẽ trở thành một dụng cụ để cung cấp việc trợ giúp thực sự cho đức tin, nhất là đối với những ai quan tâm đến việc giáo huấn Kitô hữu rất quan trọng trong môi trường văn hóa của chúng ta. Để đạt được mục đích ấy, tôi đã mời gọi Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin, bằng việc hòa hợp với các Phân Bộ liên hệ của Tòa Thánh, phác họa một *Ghi Chú*, cung cấp cho Giáo Hội và cá nhân tín hữu một số hướng



dẫn về việc làm sao sống Năm Đức Tin này một cách hiệu nghiệm nhất và thích đáng nhất, để phục vụ niềm tin và việc truyền bá phúc âm hóa.

Giờ đây đức tin, ở một mức độ nhiều hơn trong quá khứ, đang trở thành vấn đề cho một loạt những vấn nạn xuất phát từ một tâm thức thay đổi, một tâm thức, nhất là ngày nay, giới hạn lãnh vực của những gì là vững chắc có tính cách hữu lý vào lãnh vực của các thứ khám phá về khoa học và kỹ thuật mà thôi. Tuy nhiên, Giáo Hội không bao giờ sợ chứng tỏ rằng không thể nào có chuyện xung khắc giữa đức tin và khoa học đích thực, vì cả hai, cho dù có những đường lối khác nhau, vẫn hướng về chân lý [[Cf. John Paul II, Encyclical Letter \*Fides et Ratio\* \(14 September 1998\), 34, 106; AAS 91 \(1999\), 31-32, 86-87\]](#)]

13- Một điều hết sức quan trọng trong Năm này đó là việc hồi tưởng về lịch sử đức tin của chúng ta, một lịch sử được ghi dấu thật sự bởi một màu nhiệm khôn lường đan kết giữa thánh đức và tội lỗi. Trong khi thánh đức đề cao việc đóng góp trọng đại được những con người nam nữ thực hiện cho việc tăng trưởng và phát triển cộng đồng bằng chứng từ đời sống của họ, thì tội lỗi cần phải gọi lên trong mỗi một người công việc chân thành và liên tục hoán cải để cảm nghiệm được tình thương của Chúa Cha giành cho hết mọi người.

## Năm Đức Tin: Sống Đức Ái

14- ... Đức tin thiếu đức ái không sinh hoa trái gì, trong khi đức ái thiếu đức tin sẽ là một cảm thức liên li bản khoản ngờ vực. Đức tin và đức ái đều cần đến nhau, ở chỗ mỗi đức giúp nhau tiến theo con đường thích hợp của mình...

15- ... Điều thế giới đặc biệt cần ngày nay đó là chúng từ khả tín của thành phần được minh thức trong tâm trí nhờ lời Chúa, và có khả năng mở lòng trí của nhiều người ra trong việc ước muốn Thiên Chúa và sự sống chân thực, một sự sống khôn cùng.

Ban hành tại Tòa Thánh Phêrô Rôma ngày 11/10/2011, năm thứ bảy của Giáo Triều tôi.

Giáo Hoàng Biển Đức XVI

*Daminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL, chuyển dịch trực tiếp từ mạng điện toán toàn cầu của Tòa Thánh*

[http://www.vatican.va/holy\\_father/benedict\\_xvi/motu\\_proprio/documents/hf\\_ben-xvi\\_motu-proprio\\_20111011\\_porta-fidei\\_en.html](http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/motu_proprio/documents/hf_ben-xvi_motu-proprio_20111011_porta-fidei_en.html)

# Chân Lý Đức Tin: Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống (x Mt 16:16)

**C**ó thể nói và phải nói rằng lời tuyên xưng của vị trưởng tông đồ đoàn Simon: "*Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống*" (Mt 16:16) là tất cả chân lý đức tin. Lời tuyên xưng này chẳng những là "tảng đá góc tường" cho tòa nhà Giáo Hội mà còn là then chốt cho tất cả các màu nhiệm đức tin nữa. Tại sao?

Bởi vì, nếu nhân vật được gọi là Giêsu Nazarét, con của bác thợ mộc Giuse và bà Maria (x Mt 13:55) vào thời điểm lịch sử ấy của chung loài người và riêng dân Do Thái không phải là "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" thì tất cả mọi màu nhiệm đức tin,

trong đó có cả mâu nhiệm Giáo Hội, được nhân vật lịch sử được gọi là Kitô giáo tổ này mặc khải đều có thể sai lầm, thậm chí cả biến cố quan trọng nhất của nhân vật ấy và về nhân vật ấy là sự kiện nhân vật ấy sống lại từ trong kẻ chết cũng chỉ là một huyền thoại, hoang đường (x Acts 17:32), hay chẳng qua chỉ là một sự kiện gian lận giả trá gây ra bởi thành phần môn đệ đã giấu xác của nhân vật này đi, cho hợp với những gì nhân vật ấy tiên báo trước, chứ không phải nhân vật ấy sống lại thật, đúng như lời truyền tụng trong dân Do Thái (x Mt 28:11-15).

Chính sự kiện dân Do Thái chối bỏ nhân vật Giêsu Nazarét "là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống", đến độ, nếu ai dám công nhận Người hay theo Kitô giáo sẽ bị loại ngay ra khỏi Hội Đường, (như bên Giáo Hội Công Giáo Rôma bị tuyệt thông khi chối bỏ chân lý đức tin "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống"), lại trở thành một chứng cứ hùng hồn cho thấy quả thực có nhân vật lịch sử Giêsu Nazarét, chứ không phải là một nhân vật hoang đường, và sự kiện họ chối bỏ nhân vật Giêsu Nazarét này đã sống lại từ trong cõi chết, bằng cách tuyên truyền sai lạc, đầu sao cũng cho thấy quả thực đã xảy ra sự kiện sống lại từ trong kẻ chết liên quan đến nhân vật Giêsu Nazarét.

Thật vậy, theo Kitô giáo nói chung và Phụng Vụ của Giáo Hội Công Giáo và Chính Thống Giáo nói riêng

thì màu nhiệm phục sinh là màu nhiệm quan trọng nhất và là nền tảng của tất cả mọi màu nhiệm cũng như cho tất cả mọi màu nhiệm khác trong đạo. Thế nhưng, tự bản chất, màu nhiệm phục sinh cũng chỉ là một biến cố lịch sử không thể nào không xảy ra để chứng minh về một sự thật thần linh mà thôi, sự thật đó là nhân vật Giêsu Nazarét, một con người bị dân Do Thái lên án tử và bị thẩm quyền đế quốc Rôma đóng đinh trên thập tự giá, "là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống". Hay nói ngược lại, chính vì nhân vật Giêsu Nazarét "là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" mới xảy ra biến cố phục sinh.

## Đức Kitô

Đối với dân Do Thái, Đức Kitô (tiếng Hy Lạp là *Khristós*), nghĩa là Đấng Được Xức Dầu - The Anointed, và danh hiệu Kitô được dịch từ tiếng Hy Lạp này (nguyên gốc từ tiếng Do Thái là מָשִׁיחַ) nghĩa là Đấng Thiên Sai - The Messiah.

Nói chung, các vị thiên sai đóng một vai trò then chốt trong Lịch Sử Cứu Độ của dân Do Thái, nhất là trong những lúc họ bị quyền lực ngoại bang thống trị, (điển hình nhất vào thời các Quan Án, vào thế kỷ 12-13 trước công nguyên, thời chuyển tiếp sau biến cố vào Đất Hứa và trước thời Các Vua, vào thế kỷ 11 trước công nguyên), để giải cứu họ mỗi khi họ tỏ ra

thật lòng ăn năn thống hối trở về cùng vị Thiên Chúa chân thật duy nhất của họ, vị Thiên Chúa của cha ông họ là Abraham, Issac và Giacóp, vị Thiên Chúa đã tự thiết lập giao ước với tổ phụ Abraham (vào thế kỷ 17 trước công nguyên), và đã tuyệt đối trung thành với những gì Ngài hứa, đặc biệt bằng việc tỏ mình ra cho họ qua việc sai các vị cứu tinh thiên sai đến với họ, trước hết là qua Moisen (vào thế kỷ 13 trước công nguyên) là vị cứu tinh đã được Ngài sai đến để giải cứu họ khỏi tình trạng làm nô lệ ở nước Ai Cập 450 năm (x Acts 13:20).

Theo truyền thống Do Thái giáo thì chỉ có 2 sứ vụ liên quan đến việc được xức dầu, đó là vai trò tư tế trong đạo giáo và vương đế về dân sự. Điển hình nhất là trường hợp Moisen đã xức dầu cho cha con Aaron thuộc giòng dõi Lêvi làm tư tế (x Ex 30:30), và tiên tri Samuel đã xức dầu chọn Đavít làm vua thay cho Saolê (x 1Sam 16:12).

Cũng theo truyền thống Do Thái, kể từ thời Các Vua, thường có 3 vai trò đi với nhau, đó là vai trò tiên tri, tư tế và vương đế, trong đó, vai trò tiên tri được Thiên Chúa trực tiếp tuyển chọn và sai phái, không được xức dầu bởi một ai, trái lại, còn có quyền thay Thiên Chúa xức dầu tấn phong cho các tư tế và các vị vương đế. Ba vai trò này nơi Lịch Sử Cứu Độ của Dân Do Thái có thể tiêu biểu cho ba yếu tố chính nơi con người, đó là lương tâm (tiếng nói

của Thiên Chúa, giữ vai trò tiên tri, vượt lên trên con người và chi phối con người), tình yêu (phẩm chất của con người, giữ vai trò tư tế trong việc trọn hảo hóa tấm vóc con người theo lương tâm), và ý muốn (là tài năng chủ chốt nơi con người, giữ vai trò vương đế, làm chủ bản thân con người, nhưng vẫn cần phải tuân theo lương tâm).

Trong thời Các Vua, tuy dân Do Thái không bị ngoại bang xâm chiếm hay thống trị như vốn xảy ra trong thời Các Quan Án trước đó khi mới vào Đất Hứa, tức trong thời Các Vua tuy không có các vị thiên sai đóng vai trò Quan Án đầy quyền lực giải phóng dân chúng về chính trị, nhưng vẫn có các vị thiên sai đóng vai trò các tiên tri được Thiên Chúa sai đến để cảnh báo về tình trạng băng hoại của dân và tiên báo những hậu quả bất khả tránh gây ra bởi thái độ ngoại tình bỏ Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất cứu tinh của mình mà quay ra tôn thờ các ngẫu tượng tà thần. Tuy nội dung của các lời cảnh báo và tiên báo xuất phát từ thành phần tiên tri thiên sai thường có tích cách tiêu cực (tội lỗi và hủy diệt v.v.), nhưng không phải vì thế mà hoàn toàn thiếu vắng những hứa hẹn rạng ngời của Vị Thiên Chúa vô cùng nhân hậu là chủ tể của lịch sử loài người nói chung và Lịch Sử Cứu Độ của Dân Do Thái nói riêng. Chẳng hạn Ngài đã hứa cứu dân Do Thái khỏi cảnh lưu đày Babylon (từ năm 586 trước công nguyên) 70 năm sau (x Jer 16:15; 25:11-12; 29:10-11;

30:3; 32:36-42), và nhất là hứa sai đến với họ một Đấng Cứu Độ (như sẽ được trích dẫn sau).

Căn cứ vào mạc khải Thánh Kinh Cựu Ước, thì nhân vật quan trọng nhất trong Lịch Sử Cứu Độ của dân Do Thái chính là Moisen, một nhân vật chẳng những được Thiên Chúa trực tiếp sai đi như là một vị tiên tri của Ngài mà còn kiêm cả vai trò cứu tinh dân Do Thái khỏi tình trạng nô lệ ở Ai Cập nữa, một biến cố phải được muôn đời long trọng cử hành hằng năm (x Ex 12:24-27,42) để tưởng nhớ cùng tạ ơn Thiên Chúa và sống xứng với những gì Ngài đã ưu ái thực hiện cho thành phần dân tộc được Ngài nhưng không tuyển chọn như họ. Thật vậy, Moisen chẳng những là nhân vật thiên sai đã đến để cứu dân Do Thái cho khỏi quyền lực trần thế của Vua Pharaon Ai Cập, nhờ đó dân của Chúa có thể tự do tôn thờ Ngài (x Ex 5:1; 10:7-11), mà còn đóng vai trò tiên tri, ở chỗ không ai xúc đầu cho ông, trái lại, ông còn xúc đầu phong tư tế cho cha con của Aaron. Thậm chí ông còn nói tiên tri về biến cố dân Do Thái sẽ bị lưu đày (x Deut 28:63-67), nhất là về một vị tiên tri giống như mình trong vai trò thiên sai để giải phóng dân Do Thái (x Deut 18:15).

Chính vì thế mà cái tâm thức về một vị thiên sai, như qua Moisen hay qua Các Vị Quan Án, hay như được Các Vị Tiên Tri thiên sai báo trước, một vị thiên sai hầu như chỉ liên quan đến chính trị oai



hùng đầy quyền lực về trần thế như vậy đã trở thành một ấn tượng bất khả phai mờ trong lòng của dân Do Thái, nhất là trong những thời điểm họ bị đô hộ bởi quyền lực của ngoại bang, thậm chí nó còn trở thành một đòi hỏi bất khả tránh của dân Do Thái đối với Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất của họ, Vị Thiên Chúa hằng ở với họ để xứng với danh xưng "hiện hữu - I am who am" (Ex 3:14) của Ngài, Vị Thiên Chúa luôn ở với họ, tỏ mình ra cho họ, bằng cách hằng thủy chung với họ trước sau như một, bất chấp những yếu hèn và lầm lỗi của họ. Đó là lý do trong thời gian họ bị đế quốc Rôma cai trị (từ năm 63 trước công nguyên đến 313 sau công nguyên), họ cũng mong thấy một vị cứu tinh thiên sai từ Vị Thiên Chúa của Lịch Sử Cứu Độ (x Acts 1:6).

Rất tiếc, Đấng Thiên Sai cứu thế đã đến với dân Do Thái vào chính thời điểm đó nhưng họ lại không nhận biết, trái lại, còn dùng tay để quốc Rôma để sát hại Người trên cây thập tự giá vô cùng ô nhục. Chỉ vì Người không hợp với tâm thức của họ và lòng mong đợi của họ về một vị thiên sai cứu tinh đầy quyền lực về chính trị, có thể giải phóng họ khỏi quyền lực Rôma, trái lại, Người bất lực đến không thể tự cứu mình, không thể xuống khỏi thập giá (x Mt 27:42-43), cho dù trước đó ít lâu Người đã có thể hồi sinh cho Lazarô đã chết đến xông mùi (x Jn 11:39-44).

Thế nhưng, với Kitô giáo, qua thành phần chứng nhân tiên khởi là các tông đồ, thì Người chẳng phải chỉ là Đấng Thiên Sai của riêng dân Do Thái mà còn là Đấng Cứu Thế của chung nhân loại nữa. Biến cố Người sống lại đã chứng thực như thế. Lời tuyên xưng của tông đồ Tôma: "Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con" (Jn 20:28) đã lập lại lời tuyên xưng của tông đồ Phêrô: "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" (Mt 16:16) với những danh xưng khác. "Thầy là Đức Kitô" đây của tông đồ Phêrô có nghĩa là "Chúa của con" của tông đồ Tôma, và "Con Thiên Chúa hằng sống" của tông đồ Phêrô đây chính là "Thiên Chúa của con" của tông đồ Tôma. Đúng thế, "Thầy là Đức Kitô" của tông đồ Tôma trước Đấng Phục Sinh từ trong cõi chết vẫn còn các dấu vết tử giá trên thân mình của Người ấy chính là "Chúa của con", một vị Chúa đã chiến thắng tội lỗi và sự chết, đã giải thoát chung nhân loại, bao gồm cả dân Do Thái, nơi bản tính nhân loại của mình, cho khỏi tội lỗi và sự chết là những gì ràng buộc con người, biến con người trở thành nô lệ cho tội lỗi (x Jn 8:34) không được tự do để tôn thờ "Thiên Chúa là thần linh trong tinh thần và chân lý" (Jn 4:24), một cuộc giải phóng đã được tiên báo từ cuộc vượt qua của dân Do Thái cho khỏi Ai Cập để có thể tự do tôn thờ Thiên Chúa.

Thật vậy, trong trình thuật về biến cố Phục Sinh của Chúa Kitô, Thánh Ký Luca đã lập lại lời của Người

phán với các các tông đồ, thành phần đang ngỡ ngàng trước sự xuất hiện của Người và Người đang chứng thực rằng Người quả thực đã sống lại, chẳng những bằng các dấu hiệu bề ngoài liên quan đến giác quan của các vị (x Lk 24:40-43), mà còn cả những yếu tố mạc khải liên quan đến tâm linh của họ nữa: "Các con hãy nhớ lại những lời Thầy đã nói với các con khi Thầy còn ở với các con, đó là hết mọi sự viết về Thầy trong lề luật Moisen và các tiên tri cũng như các thánh vịnh đều đã được nên trọn" (Lk 24:44). Qua câu khẳng định này, Đức Kitô cho thấy Người thật sự là tột đỉnh của mạc khải thần linh, của những gì đã được tỏ ra trong quá khứ liên quan đến Người, Đấng Thiên Sai sẽ phải đến đúng như Thiên Chúa muốn vào "thời điểm viên trọn / ấn định" (Gal 4:4).

Trong bốn Phúc Âm, căn cứ vào nội dung của từng Phúc Âm, có thể nói, trong khi Phúc Âm của Thánh Ký Gioan có nội dung về Thần Tính hay về vai trò "Con Thiên Chúa" của nhân vật Giêsu Nazarét, thì bộ Phúc Âm Nhất Lãm (bao gồm Phúc Âm của Thánh Ký Mathêu, Marcô và Luca) có nội dung về nhân tính của nhân vật Giêsu Nazarét này, điển hình nhất là Phúc Âm của Thánh Ký Mathêu, một phúc âm cố ý viết cho dân Do Thái, chất chứa những lời trích dẫn từ Cựu Ước để chứng thực cho thành phần độc giả này thấy rằng nhân vật Giêsu Nazarét quả thực là "Đức Kitô". Những lời trích dẫn từ Cựu

Ước được Thánh Ký Mathêu sử dụng để chứng thực nhân vật Giêsu Nazarét là "Đức Kitô", Đấng Thiên Sai đã đến với dân Do Thái, thứ tự được kể đến ở các câu Phúc Âm sau đây.

- ❖ Đoạn 1 câu 23 về sự kiện nhân vật Giêsu Nazarét được thụ thai và hạ sinh bởi một trinh nữ như được báo trước bởi tiên tri Isaia (7:14);
- ❖ Đoạn 2 câu 6 về sự kiện nơi sinh hạ của Người, như được báo trước bởi tiên tri Mica (5:1);
- ❖ Đoạn 2 câu 15 về sự kiện Người từ Ai Cập trở về đất Do Thái, như được báo trước bởi tiên tri Hosea (11:1);
- ❖ Đoàn 2 câu 18 về sự kiện các bà mẹ than khóc con cái thơ nhi của mình bị quân vương Hêrôđê sát hại để tận diệt "Vua dân Do Thái mới sinh", như được báo trước bởi tiên tri Giêrêmia (31:5);
- ❖ Đoạn 3 câu 3 về sự kiện xuất hiện của Tiên Hô Gioan Tẩy Giả như tiếng kêu trong hoang địa, như được báo trước bởi tiên tri Isaia (40:3);
- ❖ Đoạn 4 câu 4, 7 và 10 về sự kiện Người sử dụng các câu Thánh Kinh để khống chế các chúc cấm dỗ của Satan (Deut 8:3, 6:16, 6:13);
- ❖ Đoạn 4 câu 15-16 về sự kiện Người bắt đầu rao giảng ở miền đất dân ngoại, như được báo trước bởi tiên tri Isaia (9:1);
- ❖ Đoạn 8 câu 17 về sự kiện Người trừ quỷ và chữa lành tất cả những ai bệnh hoạn tật nguyền, như được báo trước bởi tiên tri Isaia (53:4);

- ❖ Đoạn 11 câu 10 về sự kiện nhân vật tiên hô Gioan Tẩy Giả, như được báo trước bởi tiên tri Malachi (3:1);
- ❖ Đoạn 11 câu 17 về lòng thương xót Chúa được tỏ ra qua việc chữa lành, như được báo trước bởi tiên tri Isaia (42:1-4);
- ❖ Đoạn 13 câu 14-15 và 35 về sự kiện Người dùng dụ ngôn mà rao giảng, như được báo trước bởi tiên tri Isaia (6:9) hay bởi Thánh Vịnh (78:2);
- ❖ Đoạn 21 câu 5, 9, 13 và 16 về sự kiện Người vinh hiển vào Thành Giêrusalem và thanh tẩy Đền Thờ, như được báo trước bởi tiên tri Isaia (62:11; 56:7) và bởi tiên tri Zephaniah (9:9), bởi Thánh Vịnh (118:25; 8:2), và bởi tiên tri Giêrêmia (7:11);
- ❖ Đoạn 21 câu 42 về sự kiện Người bị thành phần tá điền là dân Do Thái loại trừ, như được báo trước bởi tiên tri Daniel (2:45), Thánh Vịnh (118:22) và tiên tri Isaia (28:16);
- ❖ Đoạn 22 câu 44 về sự kiện nguồn gốc làm con của Đức Kitô, như được báo trước bởi Thánh Vịnh (110:1);
- ❖ Đoạn 25 câu 46 về sự kiện Người cảm thấy bị bỏ rơi và kêu lớn tiếng lên cùng Thiên Chúa, như được báo trước bởi Thánh Vịnh (22:2).

Trong Phúc Âm của Thánh Ký Gioan cũng có những đoạn Thánh Kinh Cựu Ước liên quan đến "Đức Kitô", chứng thực Người là "Đấng Thiên Sai". Chẳng hạn ở những đoạn và câu sau đây:

- ❖ Đoạn 2 câu 17 liên quan đến sự kiên Người sốt sắng với Nhà Chúa ra tay thanh tẩy Đền Thờ, như được báo trước bởi Thánh Vịnh (69:10);
- ❖ Đoạn 19 câu 24 liên quan đến sự kiện y phục của Người bị quân lính bắt thăm chia nhau, như được báo trước trong Thánh Vịnh (22:19);
- ❖ Đoạn 19 câu 36 và 37 liên quan đến sự kiện Người không bị đánh đập ống chân như hai tên trộm hai bên, như được báo trước bởi Sách Xuất Hành (12:46), Dân Số (9:12, 21:9), Thánh Vịnh (34:21), và Tiên Tri Zechariah (12:10).

Nếu “Đức Kitô” liên quan đến nhân tính của Người, đến danh xưng “Con Người”, thì trong bộ Phúc Âm Nhất Lãm, yếu tố nhân tính này của Người được nổi bật trong Phúc Âm Thánh Ký Luca. Thật vậy, Phúc Âm Thánh Luca là cuốn phúc âm được Giáo Hội liệt kê thứ ba trong bộ 4 Phúc Âm. Phúc Âm của vị thánh ký trở lại Kitô giáo từ dân ngoại này, vị thánh ký cũng viết cả cuốn Tông Vụ về công cuộc truyền giáo (nhất là của Thánh Phaolô) cho Dân Ngoại, đã nhấn mạnh đến nhân tính của Chúa Kitô, như Phúc Âm Thánh Ký Gioan chứng thực về thần tính của “Đức Kitô”, về “Con Thiên Chúa” vậy. Bởi thế, chỉ ở Phúc Âm Thánh Luca mới có các đoạn trình thuật về việc “Đức Kitô” được thụ thai, hạ sinh và thời niên thiếu ẩn dật của Người ở Nazarét mà thôi, liên quan đến cha mẹ trần gian của Người.

Và vì yếu tố nhân tính chính yếu và then chốt này nơi “Đức Kitô” mà phúc âm của Thánh Luca cũng bao gồm cả các dụ ngôn và trình thuật về Chúa Giêsu liên quan đến Lòng Thương Xót Chúa, điển hình là 10 chi tiết thứ tự như sau: 1- Người cảm động trước đám tang của một bà góa đã hồi sinh cho đứa con trai của bà ở gần đầu đoạn 7; 2- Người bênh vực người phụ nữ tội lỗi có tiếng trong thành trước mặt gia chủ người Pharisêu ở đầu đoạn 8; 3- Người nói về dụ ngôn về người Samaritanô nhân lành ở cuối đoạn 9; 4- dụ ngôn về con chiên lạc, về đồng bạc thất lạc, về người con hoang đàng ở đoạn 15; 5- dụ ngôn về người phú hộ và Lazarô ở cuối đoạn 16; 6- dụ ngôn về minh oan cho bà góa và dụ ngôn hai người lên đền thờ cầu nguyện ở đoạn 18; 7- Người tự động đến thăm nhà của người trưởng ban thu thuế Giakêu ở đầu đoạn 19; 8- Người cứu người trộm lành khi Người bị treo trên thập giá ở giữa đoạn 23; 9- Người được vị đại đội trưởng nhận biết “là một con người vô tội” ở gần cuối đoạn 23; 10- sau khi sống lại Người ủy thác cho các tông đồ sứ vụ làm chứng cho Lòng Thương Xót Chúa ở cuối đoạn 14, khác với ở Phúc Âm Thánh Ký Gioan ở gần cuối đoạn 20 Người ủy thác thừa tác vụ tha tội cho các tông đồ liên quan đến quyền bính của Giáo Hội.

Một trong những biến cố liên quan đến “Đức Kitô” không thể bỏ qua đó là biến cố Người biến hình trên núi cao, theo truyền thống gọi là Núi Tabo, một biến

cổ không có trong Phúc Âm Thánh Gioan thì bộ ba Phúc Âm Nhất Lãm đã đồng loạt thuật lại (x Mt 17:1-8; Mc 9:1-7; Lk 9:28-36), một biến cố bao gồm cả hai nhân vật chính yếu và tiêu biểu thuộc Cựu Ước đó là Moisen liên quan đến lề luật và Elia liên quan đến các tiên tri.

Nếu lề luật và lời các tiên tri đều qui về một điểm chung làm nên tâm điểm của tất cả mạc khải thánh kinh Cựu Ước, đó là chân lý về một Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất, mà, theo lề luật, dân Do Thái phải kính mến hết lòng muốn, hết linh hồn và hết sức mình (x Deut 6:4-5), và theo lời của các tiên tri, họ không được tà dâm ngoại tình với bất cứ một thần linh hay ngẫu tượng nào, (hai thứ tội - ngoại tình và tôn thờ ngẫu tượng - là những tội vẫn được các vị tiên tri liên li cảnh giác dân Do Thái và kêu gọi họ trở về với Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất của họ).

Về tội ngoại tình, đặc biệt có tiên tri Giêrêmia đã nhận thấy rằng: *“Dân Ta toàn là một lũ ngoại tình, một bọn bất trung”* (9:1), và *“mảnh đất đây giầy những kẻ ngoại tình”* (23:10). Về tội tôn thờ ngẫu tượng, không phải Thiên Chúa chân thật duy nhấ của họ, như Ngài đã liên li tỏ mình ra cho họ trong suốt giòng Lịch Sử Cứu Độ của họ, bằng cách họ hiến bản thân mình đã được thánh hiến cho Thiên Chúa qua nghi thức cắt bì, cho các thứ ngẫu tượng ấy, ngoại tình với đủ mọi thứ ngẫu tượng giả dối do chính óc



tường tượng của con người nghĩ ra và bàn tay của con người tạo ra, thì đặc biệt có tiên tri Êzêkiên đã đề cập đến nhiều nhất, trong đó, vị tiên tri chẳng những ghi lại lời của Thiên Chúa kêu gọi dân chúng rằng: *"Hãy thống hối và từ bỏ các thứ ngẫu tượng của các người"* (14:6), mà còn cả những lời của Ngài hứa sẽ thanh tẩy họ khỏi mọi thứ ngẫu tượng của họ nữa, khi Ngài mang họ từ nơi lưu đày trở về: *"Ta sẽ vấy nước sạch trên các người để thanh tẩy các người khỏi tất cả mọi thứ nhơ bẩn của các người, và Ta sẽ rửa sạch các người cho khỏi tất cả mọi thứ ngẫu tượng của các người. Ta sẽ ban cho các người một con tim mới mẽ cùng đặt vào các người một thứ tâm linh mới..."* (36:25-26).

Đúng thế, chỉ bao giờ dân Chúa có được một quả tim mới, một tâm linh mới như thế, họ mới có thể nhận ra Đấng Thiên Sai tối hậu của Ngài, đúng như lời kêu gọi của Tiên Hô Gioan Tẩy Giả là vị tiên tri cuối cùng của họ: *"Hãy cải thiện đời sống! Nước Thiên Chúa gần kề"* (Mt 3:2).

## **Con Thiên Chúa**

Nếu Phúc Âm Nhất Lãm viết cho dân Do Thái (Phúc Âm Thánh Mathêu và Marcô) cũng như cho Dân Ngoại (Phúc Âm Thánh Luca) đều nhắm tới việc chứng thực "Đức Kitô" Thiên Sai và khía cạnh nhân

tính của Người, thì Phúc Âm Thánh Ký Gioan viết cho Giáo Hội để Giáo Hội thấy được thần tính của Người, một thần tính chứng tỏ Người là “Con Thiên Chúa hằng sống”.

Trước hết, Phúc Âm của Thánh Ký Gioan viết cho Giáo Hội, như Sách Khải Huyền của ngài cũng thế, vì trong phúc âm này có những yếu tố trực tiếp liên quan đến Giáo Hội. Như yếu tố tái sinh bởi trời (có tính cách bí tích) ở đoạn 3, yếu tố bánh sự sống (nuôi dân Chúa) ở đoạn 6, yếu tố chủ chiên và đàn chiên ở đoạn 10, yếu tố phục vụ và yêu thương cùng hiệp nhất với nhau trong Chúa ở đoạn từ 13 đến hết 17, yếu tố Mẹ Maria là Mẹ Giáo Hội và Giáo Hội được xuất phát từ cạnh sườn tuôn ra máu cùng nước của Tân Adong ở đoạn 19, và yếu tố trao quyền chân đất đàn chiên cho tông đồ Phêrô ở đoạn 21.

Sau nữa, Phúc Âm của Thánh Ký Gioan nhắm vào việc chứng thực thần tính của “Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống”, ở chỗ, ngay trong lời mở đầu, đã có những chi tiết liên quan đến thần tính của Người: “Ngay từ ban đầu đã có Lời, Lời ở nơi Thiên Chúa và Lời là Thiên Chúa... Lời đã hóa thành nhục thể...” (Jn 1:1,14). Và cũng chỉ ở trong Phúc Âm Thánh Ký Gioan mới thấy những lời tuyên bố của Lời Nhập Thể liên quan đến thần tính của Người: “Tôi là ánh sáng thế gian... ánh sáng sự sống” (Jn 8:12); “Tôi là Bánh hằng sống từ trời xuống” (Jn

6:51); "Thầy là sự sống lại và là sự sống" (Jn 11:25); "THầy là đường, là sự thật và là sự sống" (Jn 14:6) v.v.

Tuy nhiên, không phải chú trọng tới chiều kích thần tính của "Con Thiên Chúa hằng sống" mà Phúc Âm của Thánh Ký Gioan không hề nói gì tới chiều kích "Đức Kitô" của Người. Bởi vì "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" chỉ là một chân lý đức tin duy nhất bất khả phân ly, mà Phúc Âm Thánh Ký Gioan đã không thể nào bỏ qua phần đầu của chân lý này, phần về "Đức Kitô".

Đúng thế, nếu cẩn thận theo dõi, người đọc thấy được rằng, trong cuốn Phúc Âm cuối cùng này, nhân vật Giêsu Nazarét dường như tự mình chứng thực mình là "Đức Kitô", tuy không bao giờ công khai và hiển nhiên tuyên bố mình là "Đức Kitô", cho dù có được dân Do Thái năn nỉ Người hãy tự động chính thức tuyên bố cho họ biết về Người là "Đức Kitô": "*Ngài sẽ còn để cho chúng tôi phải thắc mắc cho đến bao lâu nữa đây? Nếu Ngài thực sự là Đấng Thiên Sai thì hãy cứ nói thẳng cho chúng tôi biết đi*" (Jn 10:24).

Nếu trong bộ Phúc Âm Nhất Lãm nói chung và Phúc Âm Thánh Mathêu nói riêng, chúng có về sự thật đức tin Người là "Đức Kitô" đã được vị thánh ký của cuốn phúc âm thứ nhất này sử dụng các câu

Thánh Kinh Cựu Ước để cho dân Do Thái thấy được tất cả sự thật về Người và nơi Người, thì ở Phúc Âm Thánh Gioan, Người đã tự chứng thực về mình là "Đấng Thiên Sai", bằng cách ít khi trích dẫn Thánh Kinh cho bằng sử dụng ngay chứng từ trần gian là những gì đã được Tiền Hô Gioan Tẩy Giả, một nhân vật uy tín được dân tin tưởng, nói về Người: *"Nếu Tôi làm chứng về mình thì quý vị không thể kiểm chứng được chứng từ của Tôi, thế nhưng có một người khác đang làm chứng về Tôi và chứng từ của ông về Tôi là những gì Tôi biết có thể kiểm chứng. Quý vị đã sai người với Gioan, vị đã làm chứng cho chân lý"* (Jn 5:31-33).

Tuy nhiên, chứng từ quan trọng hơn và chính yếu hơn về sự thật đức tin "Thầy là Đức Kitô" đó là chứng từ của chính Thiên Chúa. Đó là lý do, ngay sau khi nại đến chứng từ trần gian của Tiền Hô Gioan Tẩy Giả, như trên trích dẫn, Người đã nói tiếp như thế này: *"(Không phải là chính bản thân Tôi chấp nhận chứng từ loài người ấy - Tôi nói đến những điều này là chỉ vì phân rỗi của quý vị mà thôi).... Tôi còn một chứng từ lớn lao hơn chứng từ của Gioan nữa kia, đó là những công việc Cha đã trao cho Tôi hoàn thành. Chính những việc mà Tôi thi hành ấy là những gì làm chứng rằng Cha đã sai Tôi"* (Jn 5:35-36).

Đó là lý do, ngay sau khi nghe thấy dân Do Thái van nài Người tỏ mình ra cho họ, đừng để họ phải băn khoăn tìm kiếm sự thật về Người là "Đức Kitô" nữa,

những gì Người đã trả lời cho họ liên quan đến chứng từ của Cha Người, liên quan đến các công việc Cha trao cho Người: *"Tôi đã nói với quý vị mà quý vị không tin. Những công việc Tôi làm nhân danh Cha của Tôi đều làm chứng về Tôi, thế nhưng quý vị không chịu tin, vì quý vị không phải là chiên của Tôi"* (Jn 10:25-26). Như thế có nghĩa là Người tự mình làm chứng rằng Người quả thực là "Đấng Thiên Sai", Đấng được Thiên Chúa sai đến với dân Do Thái, bằng chính việc Người làm theo ý Cha là Đấng đã sai Người: *"Tôi từ trời xuống không phải để làm theo ý của Tôi mà là ý của Đấng đã sai Tôi"* (Jn 6:38).

Có một mâu thuẫn hết sức lạ lùng ở đây là, trong khi Người, ở Phúc Âm Thánh Gioan, cố gắng chứng thực mình là "Đức Kitô", thì ở Phúc Âm Nhất Lãm Người lại tỏ ra lo sợ về việc người ta biết đến căn tính "Kitô" của mình. Đó là lý do, khi ma quỷ hô lên rằng "Ngài là Con Thiên Chúa" thì Người "đã trách chúng và không cho phép chúng nói vì chúng đã biết rằng Người là Đấng Thiên Sai" (Lk 4:41). Và cả sau khi được tông đồ Phêrô tuyên xưng rất chính xác rằng: *"Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống"* (Mt 16:16), "Người đã nghiêm nghị truyền lệnh cho các môn đệ của mình không được nói cho bất cứ ai biết rằng Người là Đấng Thiên sai" (Mt 16:20). Trong Tại sao? Tại vì dân Do Thái khó lòng mà chấp nhận được một Đấng Thiên Sai như Người theo tâm thức mong đợi thiên về trần gian của họ.

Sự thật về Người "là Đức Kitô" quả thực là một bí mật siêu việt, trí khôn hạn hẹp của loài người không thể nào thấu suốt và chấp nhận nếu không được mạc khải thần linh. Chính các tông đồ, cho dù đã nhận biết căn tính của Thầy mình "là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" như thế, mà ngay sau đó vẫn bị Thầy thậm tệ quở mắng là "*Đồ Satan, hãy xéo đi cho khuất mắt Ta*" (Mt 16:23), vì họ vẫn còn những phán đoán về Người theo trần gian hơn là theo đúng như phán đoán của Thiên Chúa (x Mt 16:23). Ở chỗ, theo họ, đã "là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" thì một còn ai hay một sự gì có thể đụng chạm tới, trái lại, có mãnh lực trên mọi sự và mọi người v.v. Có thể chính vì cái tâm thức trần tục này mà thậm chí sau này có người còn âm mưu phản nộ Người như tông đồ Giuđa Íchca (x Mk 14:10-11), "tất cả bỏ Người mà thoát thân" (Mk 14:50), hay trắng trợn chối bỏ Người như tông đồ Phêrô (x Mk 14:66-72).

Các tông đồ là thành phần được tuyển chọn để trở thành chứng nhân tiên khởi của Người và cho Người còn như thế trước sự thật "Thầy là Đức Kitô" nơi Người thì thử hỏi dân chúng nói chung và thành phần trí thức như Pharisêu hay luật sĩ hoặc có thẩm quyền như Hội Đồng Đầu Mục Do Thái lại càng bị choáng váng tới đâu, đến độ họ chia rẽ nhau trong chính hàng ngũ của mình. Dưới đây là một số trường hợp điển hình cho thấy dân chúng chia rẽ

hay bị choáng ngợp trước sự thật về "Đức Kitô" nơi nhân vật Giêsu Nazarét.

Trường hợp thứ 1 xảy ra vào Ngày Lễ Lều Tạm và sau những lời (Jn 7:21-24) Người đáp lại câu chạy tội của dân Do Thái nói với Người bấy giờ rằng "Ông mất trí rồi, ai mà muốn giết ông chứ?" (Jn 7:20,21-24), thì Thánh Ký Gioan cho thấy rằng: "*Điều ấy đã khiến cho một số dân Thành Giêrusalem nhận định là 'Đó không phải là người mà họ muốn giết hay sao? Kia ông ta đang nói công khai mà họ lại chẳng hề lên tiếng gì với ông ta cả! Có lẽ các vị có thẩm quyền đều đã quyết định rằng ông ta là Đấng Thiên Sai. Phần chúng ta thì biết người này bởi đâu mà đến. Khi Đấng Thiên sai đến không ai lại không biết được nguồn gốc của Ngài... Nhiều người trong đám đông tỏ ra tin vào Người. Họ lập đi lập lại rằng: 'Khi Đấng Thiên Sai đến, liệu Ngài có thể thực hiện nhiều dấu lạ hơn người này hay chẳng?'"* (Jn 7:25-27,31).

Trường hợp thứ 2 xảy ra, cũng ngay sau đoạn 7 trên đây, khi Người kêu gọi "những ai khát đến cùng Tôi; ai tin vào Tôi thì hãy uống vì Thánh Kinh đã nói: 'Từ trong họ sẽ tuôn chảy những giòng sông chảy nước sự sống'" (Jn 7:37-38), thì Thánh Ký Gioan thuật lại cuộc tranh luận xảy ra như thế này: "*Có một số người trong đám đông nghe thấy những lời ấy thì bắt đầu lên tiếng nói: 'Vị này phải là một tiên tri'. Có những người khác lại tuyên bố: 'Người là Đấng Thiên Sai'. Nhưng có kẻ chống lại mà rằng: 'Đấng Thiên Sai*

*chẳng lẽ lại xuất phát từ Galilêa? Thánh Kinh đã chẳng nói rằng Đấng Thiên Sai, thuộc giòng dõi Đavít, xuất phát từ Bê Lem, quê của Đavít hay sao?' Thế là đám đông trở nên chia rẽ trầm trọng" (Jn 7:40-43).*

Trường hợp thứ 3 xảy ra liên quan đến sự thật về "Đức Kitô" nơi nhân vật Giêsu Nazarét đó là sau khi Chúa Giêsu nói "một khi Tôi được treo lên khỏi đất, Tôi sẽ kéo tất cả mọi người lên cùng Tôi" (Jn 12:32), thì Thánh Ký Gioan cho biết phản ứng của dân chúng bấy giờ như sau: "*Đám đông lên tiếng chống lại những lời Người nói: 'Chúng tôi đã nghe thấy trong lề luật rằng Đấng Thiên Sai sẽ tồn tại mãi mãi. Vậy mà Ngài lại bảo rằng Con Người cần phải được treo lên? Con Người này là ai vậy?'" (Jn 12:31,34).*

Cũng ở bộ ba Phúc Âm Nhất Lãm, nơi trình thuật của cả 3 vị thánh ký về lần gặp gỡ chính thức đầu tiên cũng là cuối cùng giữa nhân vật Giêsu Nazarét với chính Hội Đồng Đầu Mục Do Thái, vấn đề then chốt đã được đặt ra liên quan đến sự thật về "Đức Kitô" nơi con người này: "*Bấy giờ vị thượng tế nói với Người: 'Ta truyền cho ngươi phải nói cho chúng ta biết một cách chân thực trước nhan Thiên Chúa hằng sống rằng ngươi có phải là Đấng Thiên Sai, Con Thiên Chúa hay chăng'" (Mt 26:63); "Vị thượng tế lại chất vấn Người rằng: 'Ngươi có phải là Đấng Thiên Sai, Con của Đấng Thánh hay chăng?'" (Mk 14:61); "Họ lại mang Người*



đến trước hội đồng, họ nói: 'Hãy nói cho chúng ta biết người có phải là Đấng Thiên Sai hay chăng?' (Lk 22:66).

Quả đúng như lời tiên báo của Người về tình trạng choáng váng trước sự thật về "Đức Kitô" của Người đối với cả dân Do Thái lẫn thành phần tông đồ của Người nói chung và biến cố chất vấn cuối cùng này của Hội Đồng Đầu Mục Do Thái. Người đã nói với dân Do Thái trước rằng: "*Quý vị sẽ tìm Tôi nhưng các vị sẽ chết trong tội lỗi của các vị. Nơi Tôi đi các vị không thể nào tới được*". Có nghĩa là chung dân Do Thái muốn biết được đích thực Người là ai hay nguồn gốc của Người từ đâu tới, nhưng một khi họ biết được tất cả sự thật về Người khi Người chính thức công nhận sự thật ấy như lời họ hỏi: "*Phải, rồi quý vị sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Quyền Năng và đến trên mây trời*" (Mk 14:62) thì họ sẽ chẳng những không chấp nhận Người mà còn lên án tử cho Người nữa, đúng như những gì đã xảy ra nơi phiên xử của Hội Đồng Đầu Mục Do Thái về Người. "*Nơi Tôi đi quý vị không thể nào tới được*" đã hoàn toàn ứng nghiệm khi họ chế nhạo và thách thức Người xuống khỏi thập giá để họ tin, nhưng Người vẫn làm theo ý Đấng đã sai Người mà thôi.

Đối với thành phần môn đệ của Người cũng thế, Người cũng lập lại những gì Người đã nói với dân Do Thái: "*Các con nhỏ của Thầy ơi, Thầy không còn ở với các con lâu hơn được nữa. Các con sẽ tìm kiếm Thầy,*

nhưng giờ đây Thầy nói với các con những gì Thầy đã từng nói với người Do Thái đó là 'Nơi Tôi đi quý vị không thể nào tới được'" (Jn 13:33). Lời tiên báo này cũng ứng nghiệm nơi cả các môn đệ của Người, ở chỗ, không một người môn đệ nào đã có mặt trong cuộc khổ nạn và tử giá của Người, ngoại trừ người môn đệ được Chúa Giêsu yêu là Gioan (x Jn 19:25).

Ở Phúc Âm Thánh Ký Gioan, cho dù vẫn mật thiết liên hệ với phần đầu của sự thật đức tin: "Thầy là Đức Kitô" như thế, nhưng trọng tâm của phúc âm này vẫn là "Con Thiên Chúa hằng sống". Có thể nói và phải nói rằng nếu thực sự "Thầy là Đức Kitô" thì thành quả tất yếu hay mục đích tối hậu vẫn hướng tới chỗ Thầy chính là "Con Thiên Chúa hằng sống". Ở chỗ, "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" là Đấng đã hoàn toàn làm theo ý Đấng sai Người, chẳng những nơi những gì Cha muốn mà còn cả cách thức Cha muốn nữa: "*Vì Tôi không tự mình mà nói; không, Cha là Đấng đã sai Tôi truyền cho Tôi nói những gì và nói ra sao*" (Jn 12:49).

Và chính Người đã khẳng định Đấng sai Người chính là Cha của Người, là Thiên Chúa, Đấng đã sai chính Con Một của mình đến, chứ không sai bất cứ con người thuần túy nào đến như trong Cựu Ước nữa. Đó là lý do chỉ trong Phúc Âm của Thánh Ký Gioan mới có các câu chẳng những cho thấy mối liên hệ giữa Cha và Con mà còn giữa Thiên Chúa với

loài người nơi Con của Ngài. Chẳng hạn, điển hình nhất là câu: "*Thiên Chúa đã yêu thương thế gian đến ban Người Con duy nhất của mình để ai tin vào Người thì không phải chết nhưng được sự sống đời đời*" (Jn 3:16).

Trong dụ ngôn về vườn nho và thành phần tá điền ở Phúc Âm Nhất Lãm cả 3 vị thánh ký (x Mt 21:37-39; Mk 12:6-8; Lk 20:13-15) đều nói đến người con rất yêu quý của chủ vườn nho (ám chỉ "Con Thiên Chúa hằng sống" nhập thể) được cha sai đến cuối cùng để thu thành quả của vườn nho từ nhóm tá điền thay cho một số thành phần tội lỗi được sai đến trước đó (ám chỉ các vị tiên tri Cựu Ước) và đều đã bị bọn tá điền bất lương hành hạ và sát hại, nhưng thân phận của người con này cũng không hơn gì nhóm đầy tớ trước đó, tức cũng bị đám tá điền sát hại, vì có sát hại chính người con này của chủ họ mới có thể đoạt trọn gia tài của chủ, (ám chỉ thái độ của Hội Đồng Đầu Mục Do Thái đã nhân danh Thiên Chúa và muốn bảo vệ danh Thiên Chúa mà sát hại Con Thiên Chúa chỉ là một con người thuần túy trước mắt của họ mà đã dám lộng ngôn phạm thượng cho mình là Con Thiên Chúa - Mt 26:63-66; Mk 14:61-64; Lk 22:66-71).

Như thế, nơi sự thật đức tin giữa phần nhất "Thầy là Đức Kitô" và phần hai "Con Thiên Chúa hằng sống", có một móc nối vô cùng chặt chẽ, đó là sự kết hợp

bất khả phân ly giữa ý muốn của Con là Đấng Thiên Sai của Cha nơi nhân tính với ý muốn của Cha là Đấng đã sai Con. Ở đây chúng ta thấy lời nguyện "ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời" trong Kinh Lạy Cha hoàn toàn ứng nghiệm và nên trọn nơi "Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống". Ở chỗ, "ý Cha thể hiện dưới đất" đây là thể hiện nơi nhân tính của Đức Kitô Thiên Sai, và "cũng như trên trời" đây là thể hiện theo đúng như ý muốn của Cha. Nếu "Lời đã hóa thành nhục thể" (Jn 1:14) là "để tỏ Cha ra" (Jn 1:18) thì chính việc Người làm chứng về mình là "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống", bằng cách làm theo ý Cha chứ không phải ý muốn nhân tính của bản thân Người lại là việc Người tỏ Cha ra một cách minh nhiên và sống động nhất, nhờ đó, nhờ mối hiệp nhất "Cha ở trong Con và Con ở trong Cha" (Jn 17:21), được thể hiện nơi Giáo Hội mà "thế gian có thể tin rằng Cha đã sai Con" (Jn 17:21,23).

Tuy vai trò thiên sai giống nhau giữa thành phần đây tớ được sai đến trước và người con được sai đến cuối cùng và số phận bị tàn sát cũng giống nhau giữa cả thành phần tôi tớ lẫn người con, nhưng giữa người con và thành phần tôi tớ của ông chủ vườn nho hoàn toàn khác nhau nơi thân phận của mình. Ở chỗ, người con mới là người được hưởng gia tài của cha chứ không phải thành phần tôi tớ.

Trước hết, gia tài của Thiên Chúa đây có thể hiểu về Danh của Thiên Chúa, Đấng hiện hữu (x Ex 3:14), một Thiên Chúa chân thật duy nhất (x Jn 17:3), một "Thiên Chúa là tình yêu" (1 Jn 4:8,16) muôn đời thủy chung với nhân loại, trong việc hoàn thành những gì Ngài đã hứa, nhất là với chung loài người, ngay từ khi bắt đầu có nguyên tội, bằng cách sai Đấng Cứu Thế đến với loài người sa đọa, trở thành giống dôi của loài người để có thể đạp nát đầu rắn quỉ Satan (x Gen 3:15), "phá hủy các việc làm của ma quỉ" (1Jn 3:8), bằng chính cái chết vô cùng đớn đau và nhục nhã thấp hèn của mình. Trong việc "vâng lời cho đến chết, cho dù chết trên thập tự giá" (Phil 2:8) như thế, "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" đã thực sự tôn vinh Cha hơn bao giờ hết, đã tỏ Danh Cha hơn hết, nhất là cho các môn đệ của Người: "*Cha ơi, xin hãy tôn vinh Danh Cha!*" (Jn 12:28); "*Giờ đây Con Người được tôn vinh và Thiên Chúa được tôn vinh nơi Người*" (Jn 13:31); "*Cha ơi, giờ đã đến, xin hãy tôn vinh Con của Cha để Con của Cha có thể tôn vinh Cha*" (Jn 17:1); "*Con đã tỏ danh Cha cho những ai Cha ban cho Con nơi thế gian*" (Jn 17:6).

Sau nữa, gia tài của Thiên Chúa đây còn có thể hiểu về Thánh Thần tràn đầy nơi "Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống": "*Khi người thấy Thần Linh ngự xuống và đậu trên ai thì đó là vị làm phép rửa bằng Thánh Linh*" (Jn 1:33); "*Ai uống thứ nước Tôi ban cho họ sẽ không bao giờ khát nữa; không, thứ nước Tôi ban sẽ trở*

*thành một mạch nước vọt lên để cung cấp sự sống đời đời trong họ" (Jn 4:14); "Vậy, được tràn đầy Thánh Linh, Chúa Giêsu đã rời sông Đuọc Đãng và được Thần Linh đưa vào sa mạc 40 ngày, nơi Người bị ma quỷ cám dỗ" (Lk 4:1-2); "Hôm nay, đoạn Thánh Kinh này được nên trọn như quý vị nghe thấy" (Lk 4:21), Người có ý nói đến đoạn Sách Tiên Tri Isaia (61:1) nói về Thánh Linh ở nơi Người: "Thần trí của Chúa ở trên tôi..."*

Chính bởi Thánh Linh, chứ không phải bởi loài người, mà Người đã được thụ thai (x Mt 1:20; Lk 1:35), và cũng chính bởi Thánh Linh mà Người đã sống lại từ trong kẻ chết (x Rm 8:11). Vì được sinh ra và phục sinh bởi Thánh Linh như thế mà Người có cùng bản tính với Cha, ngang hàng với Cha, hằng hữu như Cha (x Jn 1:1-2, 8:58, 10:30). Đúng thế, ngay từ giây phút được thụ thai trong lòng Trinh Nữ Maria, tức ngay từ khi nhập thể làm người, bởi mầu nhiệm ngôi hiệp (hypostatic union), hai bản tính - thần tính và nhân tính - đã hiệp nhất và trở nên một Ngôi Vị đó là "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống". Vì chủ thể của Ngôi Vị độc nhất vô nhị này là "Con Thiên Chúa" về thần tính, chứ không phải "Con Người" về nhân tính, mà các việc Người làm với tư cách là "Con Thiên Chúa" nơi nhân tính của Người là một "Con Người" đã có một giá trị vô cùng, và thân xác thuộc nhân tính của Người đã được mặc lấy tính chất vĩnh hằng để nó không bao giờ bị hư nát, trừ phi Người tự ý bỏ nó đi, nhưng

vẫn có quyền lấy nó lại (x Jn 10:18), vì Người muốn sử dụng nó như là một hạt miến mục nát đi trong lòng đất thế gian để nó có thể sinh muôn vàn hoa trái cứu độ (x Jn 12:24).

Sau hết, gia tài của Thiên Chúa đây cũng có thể hiểu là sự sống thần linh, sự sống đời đời. Nếu "sự sống đời đời là nhận biết Cha là Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất và Đấng Cha sai là Đức Giêsu Kitô" (Jn 17:3), thì tất cả những gì "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" làm trên trần gian này đều chỉ có một mục đích duy nhất và trên hết đó là thông ban sự sống thần linh của Người cho con người, tức là thông ban kiến thức thần linh của Người về Cha và về chính bản thân mình cho con người, nhờ đó, con người có thể nhận biết Thiên Chúa qua Người, nhất là qua mầu nhiệm Vượt Qua của Người từ khổ nạn tử giá đến phục sinh vinh hiển. Tuy nhiên, không thể nào ban sự sống thần linh là ý thức thần linh về Thiên Chúa nếu "Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" không có sự sống thần linh nơi chính mình Người. Thánh Ký Gioan, trong Thư Thứ Nhất của mình, đã đồng hóa "Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" với "sự sống", "sự sống đời đời": "Sự sống đã trở nên hữu hình... sự sống đời đời đã ở nơi Cha và đã trở nên hữu hình cho chúng ta" (1Jn 1:2), nên vì thế đã khẳng định rằng: "Thiên Chúa đã ban cho chúng ta sự sống đời đời, và sự sống này ở nơi Con của

Ngài. Ai có Con là có sự sống; ai không có Con Thiên Chúa thì không có sự sống" (1Jn 5:11-12).

Sự sống thần linh nơi "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" đây chính là ý thức thần linh về Cha của Người, như chính Người khẳng định một cách nào đó qua những câu sau đây: "Không một ai đã từng thấy Cha - chỉ có duy Đấng từ Thiên Chúa mà đến đã thấy Cha. Tôi bảo đảm với quý vị rằng ai tin thì có sự sống đời đời. Tôi là bánh sự sống" (Jn 6:46-48); "Như Cha của Tôi là Đấng có sự sống đã sai Tôi, và Tôi có sự sống bởi Cha thế nào, thì ai ăn Tôi sẽ có sự sống bởi Tôi như vậy" (Jn 6:57); "Vậy quý vị biết Tôi và quý vị biết được gốc gác của Tôi ư? Sự thật đó là Tôi không tự mình mà đến. Tôi được sai đến bởi Đấng có quyền sai phái và Ngài là Đấng quý vị không biết. Tôi biết Ngài vì chính từ Ngài mà Tôi đến: Ngài đã sai Tôi" (Jn 7:28-29); "Vấn đề ở đây đó là quý vị đang muốn sát hại Tôi, một người đã nói với quý vị về sự thật mà Tôi đã nghe được từ Thiên Chúa..." (Jn 8:40); "Nếu Tôi nói rằng Tôi không biết Ngài thì Tôi cũng không hơn gì quý vị - chỉ là một kẻ dôi trá thôi! Phải, Tôi biết rõ về Ngài và Tôi tuân giữ lời của Ngài" (Jn 8:55); "Ai thấy Thầy là thấy Cha... Các con chẳng lẽ không tin rằng Thầy ở trong Cha và Cha ở trong Thầy hay sao?" (Jn 14:9-10).

Và để có thể thông ban sự sống thần linh cho loài người nói chung và Giáo Hội nói riêng, "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" đã phải thông ban



Thánh Linh của chính bản thân đây Thánh Linh của Người, vì Thánh Linh mới là Đấng thấu suốt mọi sự, kể cả thâm cung của Thiên Chúa (x Rm 2:10), bởi "*xác thịt thì sinh xác thịt, Thần Linh thì sinh thần linh*" (Jn 3:6), tức là con người phàm nhân không thể nào biết được "Thiên Chúa là thần linh" (Jn 4:24) nếu không có chính Thần Linh của Ngài hay nếu không được Ngài thông ban Thần Linh của Ngài cho. Vì Thánh Linh "là Đấng ban sự sống" (Kinh Tin Kính), sự sống thần linh, kiến thức thần linh về Thiên Chúa như thế, mà "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" đã minh định vai trò bất khả thiếu của Thánh Linh như sau: "*Khi Người đến, là Thần Chân Lý, Ngài sẽ dẫn các con vào tất cả sự thật. Ngài sẽ không tự mình mà nói, nhưng chỉ nói những gì Ngài nghe thấy và sẽ loan truyền cho các con những gì sẽ đến. Làm như vậy, Ngài sẽ tôn vinh Thầy vì Ngài sẽ lãnh nhận từ Thầy những gì Ngài thông đạt cho các con. Tất cả những gì Cha có đều thuộc về Thầy. Đó là lý do Thầy đã nói rằng Ngài sẽ thông đạt cho các con những gì Ngài sẽ lãnh nhận từ Thầy*" (Jn 16:13-15). "*Tất cả những gì Cha có đều thuộc về Thầy*" đây tức là "*Người Con này là phản ánh của vinh quang Cha, là hiện thân của bản thể Cha*" (Heb 1:3), và "*Ngài sẽ thông đạt cho các con những gì Ngài sẽ lãnh nhận từ Thầy*" đây nghĩa là Thánh Thần là Thần Chân Lý sẽ tỏ "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" ra cho chung Giáo Hội cũng như cho riêng Kitô hữu, làm cho Người lớn lên trong họ cho đến khi Người đạt đến tầm vóc viên trọn của Người (x

Eph 4:13,15), nhờ đó, họ có thể trở thành chứng nhân trung thực và sống động của và cho "Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống".



Nếu "Đức Kitô" là tột đỉnh của mạc khải thần linh liên quan đến Cựu Ước, thì "Con Thiên Chúa hằng sống" là tất cả mạc khải thần linh liên quan đến Tân Ước, vì nơi Người, chung nhân loại và riêng Giáo Hội chẳng những thấy được dung nhan vô cùng nhân hậu đáng kính mến của Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất mà còn nhờ Người đạt tới tầm vóc viên trọn của thân phận làm người được dựng nên theo hình ảnh thần linh và tương tự thần linh.

Nếu "Đức Kitô" liên quan đến "Chúa của con" nơi lời tuyên xưng của tông đồ Tôma trước Đấng Phục Sinh, một vị Chúa đã chiến thắng tội lỗi và sự chết bằng Cuộc Vượt Qua của Người, thì "Con Thiên Chúa hằng sống" liên quan đến "Thiên Chúa của con" cũng trong lời tuyên xưng của tông đồ Tôma, một người "Con Thiên Chúa hằng sống", "Đấng là Tiên Khởi và Cùng Tận và là Đấng đang sống. Ta đã từng chết nhưng nay Ta đang sống - muôn thuở muôn đời" (Rev 1:17-18).

Nếu "Đức Kitô" liên quan đến thực tại "Thầy là sự sống lại" (Jn 11:25) thì "Con Thiên Chúa hằng sống" liên quan đến thực tại "Thầy là sự sống" (ibid.). Và nếu "Đức Kitô" liên quan đến việc "Thầy đến cho chiêm được sự sống" (Jn 10:10) thì "Con Thiên Chúa hằng sống" liên quan đến tình trạng "sự sống viên mãn" (ibid.) hơn nơi thành phần chiêm là Giáo Hội được Người yêu thương chân dẫu.

Nếu "Đức Kitô" Thiên Sai liên quan đến Dân Do Thái, vì Người là tột đỉnh của mạc khải thần linh Cựu Ước trong giòng Lịch Sử Cứu Độ của dân tộc được tuyển chọn làm Dân Chúa này, thì "Con Thiên Chúa hằng sống" liên quan đến Dân Ngoại nói chung và Giáo Hội nói riêng, vì Người là tất cả mạc khải thần linh của Thiên Chúa, Vị Thiên Chúa đã nhập thể và vượt qua bằng nhân tính loài người của Ngôi Lời.

Nếu "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" là Đấng Cứu Chuộc Nhân Trần (Redemptor Hominis), nhưng lại xuất phát từ giòng dõi Dân Do Thái (x Jn 4:22), một dân tộc cho đến nay vẫn mong đợi Đấng Thiên Sai của họ, vì họ không công nhận "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" nơi lời tuyên xưng của tông đồ Phêrô hay của Matta (x Jn 11:27) cũng là những người Do Thái như họ. Nếu dân Do Thái chỉ mong đợi một Đấng Thiên Sai đầy quyền lực về chính trị và trần thế thì một khi họ đang làm cho cả

khối Ả Rập Hồi Giáo quanh họ phải nể mặt về lực lượng quân sự như hiện nay thì không biết họ có còn mong đợi Đấng Thiên Sai nữa chẳng, hay cho đến khi nào chính họ bị thống trị bởi quân thù của họ...

Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống đã đến trong thế gian (x Jn 11:27) và ở cùng chúng con mọi ngày cho đến tận thế (x Mt 28:20) – con thờ lạy Chúa, con kính mến Chúa, con cảm tạ Chúa, con xin lỗi Chúa, con cầu khẩn Chúa, con khao khát rước Chúa - nhờ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria, Mẹ của Chúa cũng là Mẹ của chúng con. Amen.

## Mô Phạm Đức Tin: Phúc vì đã tin

(Lk 1:45)

**T**ất cả mọi đặc ân và vai trò cao trọng của Mẹ Maria đều phát xuất từ thiên chức Mẹ Maria là Mẹ của Thiên Chúa. Tức là, vì Mẹ Maria được Thiên Chúa tuyển chọn làm Mẹ của Thiên Chúa mà Mẹ đã được Ngài ban cho các đặc ân khác tương xứng với chức phận và phẩm vị làm Mẹ Thiên Chúa của Mẹ. Đúng thế, vì là Mẹ của Thiên Chúa nên linh hồn của Mẹ Maria ngay từ giây phút được hoài thai không thể nào có thể nhiễm lây nguyên tội, có thể bị Satan cai trị, và thân xác của Mẹ là nơi thụ thai và cưu mang Con Thiên Chúa vô cùng cao cả không thể nào thuộc về một nam nhân nào và không thể nào bị hư nát trong lòng đất trong khi thân xác của Con Mẹ được phục sinh vinh hiển.

Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra ở đây là làm thế nào để Mẹ chỉ là một tạo vật thuần túy, vừa hữu hình và hữu hạn lại có thể sinh ra Đấng hằng hữu vừa vô hình và vô hạn? Đúng thế, về bản chất, Mẹ Maria không thể nào có trước Thiên Chúa để sinh ra Thiên Chúa, bằng không Thiên Chúa sẽ không còn là Thiên Chúa nữa, không còn là Đấng hiện hữu và hằng hữu nữa. Thế nhưng, chính vì "bởi quyền năng Đấng Tối Cao" (Lk 1:35), chứ không phải "bởi huyết nhục, bởi dục tình hay ý muốn nam nhân" (Jn 1:13; Mt 1:20) mà Mẹ đã trở thành một dụng cụ và phương tiện được Thiên Chúa trong việc "thụ thai và hạ sinh một con trai ... và Người sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao" (Lk 1:31-32).

Về phần mình, Mẹ Maria cảm thấy mình quả thực được vô cùng diễm phúc trở nên "Mẹ của Chúa tôi" (Lk 1:43) đến độ Mẹ không thể nào không thốt lên bài ca vịnh Magnificat ngợi khen cảm tạ Thiên Chúa "đã thương đến phận hèn nữ tỳ của Ngài" và "đã làm noi tôi những điều cao trọng vì danh Ngài là thánh" (Lk 1:48-49). Tuy nhiên, cái diễm phúc được làm Mẹ của Thiên Chúa như thế Mẹ chẳng những cảm thấy bất xứng không bao giờ nghĩ đến mà thậm chí còn không muốn nhận vì Mẹ đã khẩn hứa giữ mình đồng trinh, muốn hoàn toàn thuộc trọn về Chúa chứ không muốn mình thuộc về bất cứ tạo vật nào. Thế nhưng Mẹ vẫn tuyệt đối tín phục Thánh ý Chúa, chứ không theo ý mình, nhờ

đó, Mẹ luôn "đầy ân phúc", không bao giờ làm mất lòng Chúa.

Đó là lý do Mẹ Maria chẳng những được "đầy ân phúc" vì "Chúa ở cùng bà" (Lk 1:28) mà còn vì "bà được ơn nghĩa với Thiên Chúa" (Lk 1:30), nghĩa là ở chỗ luôn tin tưởng vào Chúa và sẵn sàng làm trọn Thánh ý Chúa trong tất cả mọi sự. Bởi thế, Mẹ đã được người chị họ Elizabeth đầy Thánh Thần lên tiếng chúc khen rằng: "Em có phúc vì em đã tin rằng những điều Chúa phán cùng em sẽ được nên trọn" (Lk 1:45). Vấn đề được đặt ra ở đây là tại sao Mẹ Maria không "có phúc vì đã yêu" vì tình yêu mới là những gì bất biến vĩnh hằng, mà là "vì đã tin" trong khi đức tin chỉ tồn tại duy ở đời này và nếu tình trạng "có phúc" của Mẹ Maria "vì đã tin" thì cái phúc của Mẹ sẽ chẳng còn một khi đức tin qua đi?

Thế nhưng, đức tin lại là thần đức liên quan mật thiết với đức tuân phục, đến độ được gọi là "đức tin tuân phục - obedience of faith hay obedient faith" (Rm 1:5), và ai tuân phục thì không bao giờ qua đi: "Thế giới cùng với những thú quyến rũ của nó sẽ qua đi, nhưng ai làm theo ý muốn của Thiên Chúa sẽ tồn tại muôn đời" (1Jn 2:17). Đức tin đồng thời cũng không thể tách khỏi đức ái, ở chỗ, "đức tin thể hiện qua đức ái" (Gal 5:6), bằng không "đức tin không viện làm là đức tin chết" (Jam 2:6). Nếu đức cậy được coi như nội tâm của đức tin, như dầu ngọn

đền đức tin, thì đức ái là tâm vóc viên trọn và trọn hảo nhất của đức tin, là ngọn lửa cháy sáng tiêu biểu cho chân lý và sự sống: "ánh sáng sự sống" (Jn 8:12).

## **Đức Tin Tuân Phục**

Trong hai chiều kích chính yếu của Đức Tin, tuân phục và yêu thương, thì chiều kích tuân phục liên quan đến nội tâm của chủ thể tin tưởng, và chiều kích yêu thương liên quan đối tượng của chủ thể tin tưởng.

Đức tin đích thực được tỏ ra ở chỗ tuân phục, đầu tiên bằng việc chấp nhận chân lý đức tin hay mạc khải thần linh, sau đó bằng việc trung thành đáp ứng những đòi hỏi của chân lý đức tin, của mạc khải thần linh, và việc đáp ứng này có liên hệ mật thiết đến chiều kích yêu thương của đức tin.

Về chiều kích đức tin tuân phục, Mẹ Maria đã chấp nhận chân lý đức tin hay mạc khải thần linh như thế nào? Theo Thánh Kinh Tân Ước thì đức tin tuân phục của Mẹ Maria đã được thể hiện tỏ tường nhất nơi hai trường hợp, trường hợp thứ nhất ở biến cố Lời Nhập Thể và trường hợp thứ hai ở biến cố "Đức Kitô, Con Thiên Chúa" Khổ Giá.

Trước hết, nơi trường hợp Lời Nhập Thể, Mẹ Maria đã sống đức tin một cách tuyệt đối tuân phục, bằng lời "Xin hãy thực hiện nơi tôi như lời thiên thần



truyền" (Lk 1:38). Ở chỗ, không phải là Mẹ không biết ý Chúa muốn gì, trái lại, Mẹ biết rõ rằng Ngài muốn Mẹ thụ thai và hạ sinh Con Đấng Tối Cao (x Lk 1:31-32). Và Mẹ cũng không hề lên tiếng từ chối ý định tối cao và toàn hảo của Thiên Chúa.

Thế nhưng, dầu sao, theo trí khôn và khả năng hạn hẹp của loài người, Mẹ vẫn không biết được đường lối thực hiện ý định của Đấng Toàn Năng nơi Mẹ là một trinh nữ "không hề biết đến nam nhân" (Lk 1:34), bởi đó Mẹ muốn biết để nhờ đó Mẹ có thể thực hiện ý muốn của Ngài nơi Mẹ.

Ở đây Mẹ Maria không hề tỏ ra hồ nghi việc Thiên Chúa làm, đến độ, xin dấu chứng như tư tế Giacaria bố của Tiên Hô Gioan Tẩy Giả (x Lk 1:18), người đã cùng vợ mình xin những gì được chính vị sứ thần của Thiên Chúa hiện ra báo tin cho ông hay ở một nơi thánh trong lúc ông đang thi hành thừa tác vụ tư tế thay dân chúng, và dấu chứng cho một người hồ nghi "không tin" (x Lk 1:20) như ông đó là ông bị "câm" (Lk 1:20).

Sau khi nghe lời sứ thần trấn an dẫn giải về sự kiện đang mang thai của người chị họ trong lúc tuổi già (x Lk 1:36), nhất là lời: "không có việc gì Thiên Chúa không làm được" (Lk 1:37), thì bấy giờ, cho dù vẫn không biết được cách thức cụ thể và thực tế liên quan đến vấn đề thụ thai theo kiểu vợ chồng bình

thường, nhưng với tất cả tự do nhân bản và ý thức thần linh của mình, Mẹ đã thốt lên lời "Xin Vâng" (Lk 1:38).

Lời đáp ứng "Xin Vâng" của Mẹ Maria trong giây phút Truyền Tin Lời Nhập Thể, có thể nói là vô cùng khẩn thiết và quan trọng cho cả dự án cứu độ và công cuộc cứu độ của Thiên Chúa này, quả thực đã liên quan đến đức tin tuân phục của Mẹ, đó là, ở khía cạnh thứ nhất, Mẹ đã tỏ ra tin tưởng vào một tạo vật thuần túy như Mẹ, dù bản tính của vị tạo vật này rất ư là cao trọng hơn bản tính loài người của Mẹ, đó là tin tưởng vào vị sứ thần "được Thiên Chúa sai" (Lk 1:26) và thừa lời xin vâng với những gì vị thiên thần này nói, như tin tưởng và xin vâng với chính Thiên Chúa.

Ở khía cạnh thứ hai, từ việc trực tiếp tin tưởng vào những lời thiên sứ dẫn giải cho Mẹ biết khi ngài trả lời vấn nạn của Mẹ, Mẹ Maria còn cho thấy đức tin tuân phục của mình nơi quyền phép toàn năng của Thiên Chúa nữa, Vị Thiên Chúa luôn "hiện hữu" (Ex 3:14) - hiện diện dọc suốt giòng Lịch Sử Ôn Cứu Độ của dân Do Thái như là một vị Thiên Chúa chân thật duy nhất qua những biến cố phi thường của họ, như biến cố vượt qua hay Xuất Ai Cập và biến cố hồi hương sau thời gian lưu đầy ở Babylon.

Đối với việc Mẹ tỏ ra đức tin tuân phục liên quan đến vị sứ thần, một việc không phải là dễ dàng gì. Tư tế Giacaria, thân phụ của vị Tiên Hô Gioan Tẩy Giả tương lai, một tư tế có một người vợ được Thánh Kinh công nhận "là công chính trước nhan Thiên Chúa nghiêm chỉnh tuân giữ tất cả mọi giới răn và chỉ thị của Chúa" (Lk 1:6), đến độ, Thiên Chúa rất hài lòng với hai vợ chồng già tốt lành thánh đức về phần hồn nhưng về phần trần thế vẫn son sẻ không có con cái gì mà vẫn cầu xin cho bằng được này, và "lời cầu xin của các người đã được nhận lời" (Lk 1:13), như người chồng tư tế đã được vị thiên sứ vừa hiện ra báo tin cho biết.

Ấy thế mà vị tư tế này lại không tin lời sứ thần báo tin, phải chăng vì ông ta không tin rằng đó là vị thiên sứ của Thiên Chúa, mà là một thần linh nào đó, đến độ, như Thánh Ký Luca cho biết: "Ông Giacaria hết sức bồn loạn khi trông thấy ngài và bàng hoàng khiếp sợ" (Lk 1:12). Cũng có thể vì hoảng sợ như thế mà ông đã có phản ứng tiêu cực thiếu tin tưởng vào lời sứ thần. Thế nhưng, nếu ông hoảng sợ đến thất kinh và bị mất hết hồn hết vía như vậy thì ông đâu còn lòng trí nào để mà nghe thấy một cách hết sức rõ ràng lời nói của vị thần hiện ra với ông, nhờ đó ông mới có thể nói lại với vị này chứ?

Phải chăng, sau khi, nhờ chính lời thiên thần tràn đầy Thánh Linh bởi trời mà ông đã lấy lại được bình tĩnh, để rồi ông trở nên tỉnh táo hơn, đến độ vì muốn biết chắc xem có phải vị thần bấy giờ thực sự là từ Thiên Chúa mà đến hay chăng, nên ông đã lên tiếng xin dấu lạ - "làm sao để tôi biết được điều ấy chứ?", nhờ đó, với dấu chứng ấy, ông có thể tin đó là vị sứ thần của Thiên Chúa, đáng tin tưởng? Nếu vị tư tế này tin đó là thần sứ của Thiên Chúa thì ông đã không đặt vấn đề dấu chứng với ngài, và ngài cũng đã không cần phải đi đến chỗ tự xưng mình: "Ta là Ga-Biên, vị đứng đầu trước Thiên Chúa. Ta được sai đến để nói cùng người và mang cho người tin vui" (Lk 1:19).

Việc xin dấu chứng của tư tế Giacaria và thái độ ông tỏ ra không tin rằng vị thần hiện ra với ông ấy là thiên sứ của Thiên Chúa, trầm trọng và nặng đến nỗi đã khiến ông bị phạt khá nặng, ở chỗ ông bị câm không nói được nữa, như là chính dấu chứng cho thấy vị thần ấy là thiên sứ của Thiên Chúa. Tính chất trầm trọng và nặng này của thái độ thiếu niềm tin của ông là vị sứ thần Thiên Chúa đã hiện ra với ông ở một địa điểm trang nghiêm là nơi thánh trong Đền Thờ, và vào một thời điểm linh thánh khi ông đại diện dân chúng xông hương kính Chúa, một biến cố hiện ra không thể nào xuất phát từ thần dữ hay từ một vị thần linh ma quái nào ngoại trừ vị sứ thần của Thiên Chúa.

Khi so sánh với trường hợp của tư tế Giacaria, như được phân tích theo suy đoán trên đây mới thấy được đức tin tuân phục của Mẹ Maria như thế nào trong biến cố Truyền Tin Lời Nhập Thể cho Mẹ. Trước hết, về thân phận, Mẹ chỉ là một thiếu nữ tầm thường, vô danh tiểu tốt trong dân, chứ không phải nam nhi, vốn được coi trọng hơn nữ giới, chứ chưa nói gì đến một nam nhi đóng vai tư tế trong dân như tư tế Giacaria.

Sau nữa, về bản thân, Mẹ Maria cũng không được Thánh Ký Luca cho biết về trình độ sống đạo của Mẹ ra sao, như ngài đã cho biết rõ ràng về hai vợ chồng tư tế Giacaria liên quan tới đời sống thánh đức của họ, mà chỉ vồn vện cho biết trạng thái sống bề ngoài của Mẹ kèm theo tên của Mẹ mà thôi: "một trinh nữ đã đính hôn với một nam nhân tên là Giuse thuộc dòng dõi Đavít. Tên của người trinh nữ này là Maria" (Lk 1:27).

Sau hết, về địa điểm và thời điểm hiện ra của cùng vị sứ thần Gabiêl thì chỉ xảy ra ở một căn nhà nghèo hèn, chứ không phải ở Đền Thờ, và vào một lúc tầm thường đến độ không thấy vị Thánh Ký nói đến, chẳng hạn lúc Mẹ đang cầu nguyện ban sáng, hay vào lúc Mẹ đang làm việc v.v., chỉ biết rằng lúc ấy chỉ có một mình Mẹ mà thôi, chứ không có dân chúng đang đợi ở ngoài như trường hợp của tư tế Giacaria (x Lk 1:21).

Chính vì đức tin mạnh mẽ của Mẹ mà Mẹ đã không cảm thấy hoảng sợ khiếp kinh như tư tế Giacaria lúc sứ thần Gabiêl hiện ra với Mẹ. Cho dù, ngay từ ban đầu khi vị sứ thần này vừa hiện ra, Mẹ được Thánh Ký Luca thuật lại rằng Mẹ tỏ ra "rất ư là xao xuyến" (Lk 1:29), nhưng không phải vì bấy giờ Mẹ đối diện với một nam nhân sáng láng tuyệt đẹp, hay một vị thần linh nào đó như tư tế Giacaria tưởng tượng ở trường hợp của ông, mà chỉ sau khi Mẹ nghe lời vị thiên sứ này chào mà thôi. Đó là lý do Thánh Luca đã viết thêm cùng với những lời trên đây rằng: "Vị trinh nữ này tỏ ra rất ư là xao xuyến trước những lời của ngài và ngẫm nghĩ xem lời ngài chào ấy có ý nghĩa gì" (Lk 1:29).

Trong việc Mẹ ngẫm nghĩ về lời vị sứ thần Gabiêl chào: "Kính mừng đây ân phúc! Chúa ở cùng người" (Lk 1:28), hình như Mẹ thắc mắc tại sao trong lời chào của thiên sứ không có tên "Maria" của Mẹ như kiểu chào bình thường trong dân gian, phổ thông ở khắp mọi nơi và ở mọi thời, trong mọi văn hóa, mà lại chào "đây ân phúc" mà thôi. Bởi đó, chính vị là sứ thần của Thiên Chúa, thấu hiểu được tâm trạng của Mẹ bấy giờ, và những gì Mẹ đang ngẫm nghĩ, ngài đã chẳng những trấn an Mẹ rằng: "Hỡi Maria, xin đừng sợ", mà còn giải thích về danh xưng mới "đây ân phúc" của Mẹ như sau: "Người đã được ơn nghĩa trước mặt Thiên Chúa" (Lk 1:30).

Như thế tình trạng hay danh xưng mới "đầy ân phúc" của Mẹ là ở chỗ Mẹ "được ơn nghĩa với Thiên Chúa", nói trắng ra là ở chỗ Mẹ luôn sống đẹp lòng Thiên Chúa, không hề làm mất lòng Ngài một tí nào, ở bất nơi cứ đâu và vào bất cứ lúc nào trong đời sống trần gian của Mẹ, trái lại, Mẹ còn liên li gia tăng tình trạng "đầy ân phúc" của Mẹ, tình trạng làm đẹp lòng Thiên Chúa vô cùng toàn thiện đáng tôn thờ, đáng kính mến của Mẹ trong mọi sự bất cứ giá nào, cho đến độ, theo giới hạn tự nhiên của bản tính loài người nơi Mẹ, Mẹ không còn chịu đựng được tình trạng "đầy ân phúc" nữa nơi Mẹ, một khi Thiên Chúa không tiếp tục gìn giữ Mẹ bằng một ân sủng đặc biệt, mà Mẹ đã nghỉ yên trong Chúa và đã về trời với Ngài.

Sau lời chào và trấn an Mẹ, vị thiên sứ tiếp tục cho Mẹ biết rằng chính vì Mẹ "đầy ân phúc" như vậy, "được ơn nghĩa với Thiên Chúa" như thế, Thiên Chúa đã vô cùng hài lòng về Mẹ và sẽ thực hiện dự án thần linh của Ngài "vào lúc thời điểm viên trọn" (Gal 4:4) nơi Mẹ, đó là dự án "Người sẽ thụ thai và hạ sinh một con trai và đặt tên cho người con này là Giêsu..." Còn vấn đề cách thức làm sao để thực hiện việc sinh con trong khi Mẹ chỉ là một trinh nữ, "không hề biết đến nam nhân" (Lk 1:34), cho dù "đã đính hôn với một người tên là Giuse" (Lk 1:27), vị thiên sứ cho biết rằng: "Thánh Linh sẽ xuống trên

người và quyền phép Đấng Tối Cao sẽ bao phủ người..." (Lk 1:35).

Mẹ đã thưa "xin vâng" tất cả những gì vị thiên sứ nói với Mẹ, vì Mẹ tin rằng vị thiên sứ ấy được Thiên Chúa sai đến và vì thế tất cả những lời ngài nói đều chân thật không thể sai lầm. Và sở dĩ Mẹ tin tưởng trong lòng và chấp nhận bằng ngôn từ tất cả những gì được nói với Mẹ từ vị thiên sứ là vì Mẹ tin rằng ngài từ Thiên Chúa mà đến, là đại diện của Thiên Chúa, và vâng lời ngài là vâng lời chính Thiên Chúa vậy. Ở đây chúng ta thấy Mẹ Maria chẳng những là gương mẫu cho thành phần tu sĩ sau này về lời khẩn động trình mà còn cả lời khẩn tuân phục bề trên một cách tin tưởng và trọn lành nữa.

Tuy nhiên, việc Mẹ Maria tin tưởng và tuân phục vị sứ thần Gabiêl không phải chỉ có thế, mà đó mới chỉ là cửa ngõ dẫn đến việc Mẹ tin tưởng và tuân phục chính Thiên Chúa, chính dự án thần linh của Thiên Chúa là nội dung của sứ điệp được vị thiên sứ từ trời xuống loan báo cho Mẹ. Lời Mẹ thưa cùng vị đại diện của Thiên Chúa truyền tin Lời Nhập Thể cho Mẹ rằng "xin hãy thực hiện nơi tôi như lời ngài truyền" (Lk 1:38) có nghĩa là "xin dự án thần linh của Thiên Chúa hãy nên trọn nơi tôi là tôi tớ của Ngài", hay "xin Thiên Chúa hãy hoàn thành những gì Ngài muốn về việc nhập thể của Đấng Cứu Thế nơi tôi".



Ngay trong lời thân thưa vô cùng dễ thương này của Mẹ Maria, liên quan đến cấu trúc của câu nói, có một cái gì rất đức tin tuân phục được sâu xa chất chứa ở đó, đến độ dường như ngược lại với hai chữ vắn gọn "xin vâng" tóm tắt nguyên cả câu nói của Mẹ. Bởi vì, động từ "xin vâng" tóm gọn này cho thấy chủ thể "xin vâng" mang tính cách chủ động, dẫn thân.

Nhưng nguyên câu thưa của Mẹ Maria lại ở thể thụ động, thụ động không phải ở văn phạm của câu nói mà là ở chính bản thân của người nói là Mẹ Maria: "xin hãy thực hiện nơi tôi như lời ngài truyền", nhưng thụ động một cách tích cực, một cách sẵn sàng, một cách đáp ứng, một cách tuân phục của một người bề dưới, của một "tỳ nữ Chúa" (Lk 1:38), Đấng là chủ thể mọi sự nhất là muốn chủ động nơi lịch sử loại người nói chung và trong các tâm hồn nói riêng.

Theo tiến trình tu đức Kitô giáo, bậc trọn lành cao nhất của Kitô hữu đó là tình trạng họ được hoàn toàn hiệp nhất nên một với "Thiên Chúa là thần linh trong tinh thần và chân lý" (Jn 4:24), một trình độ được tu đức gọi là "thần hiệp" hay "hiệp sinh" (sau bậc tu đức "khởi sinh" ban đầu và "tiến sinh" chuyển tiếp), tức ở mức độ tâm hồn Kitô hữu được Thiên Chúa hoàn toàn chiếm đoạt và làm chủ, muốn làm gì thì làm nơi họ, trong bất cứ sự gì và vào bất cứ lúc

nào, để Thiên Chúa, qua Thánh Linh của Ngài, như "gió muốn thổi đâu thì thổi" (Jn 3:8).

Tâm hồn sống trọn lành bấy giờ chỉ biết luôn ở trong trạng thái (như thể thụ động) lắng nghe tiếng Chúa và mau mắn đáp ứng (một cách tích cực) ý muốn của Ngài ngay khi được Ngài tỏ ra cho qua những dấu chỉ thời đại. Để lên tới bậc tu đức trọn lành cao nhất này, linh hồn chẳng những phải hoàn toàn từ bỏ ý nghĩ của trí khôn và ý riêng của lòng muốn mình, dù những ý nghĩ ấy có đúng mấy và ý muốn ấy có tốt mấy chẳng nữa, mà còn phải tuyệt đối phó thác tất cả mọi sự, bao gồm cả con người lẫn cuộc đời mình cùng những sự thuộc về mình, cho thượng trí vô cùng khôn ngoan của Đấng Quan Phòng thần linh đầy yêu thương của họ.

Như thế, qua câu thưa "xin hãy thực hiện nơi tôi như lời ngài truyền" (Lk 1:38), Mẹ Maria cho thấy trình độ hiệp nhất nên một của Mẹ đối với Thiên Chúa tới đâu. Ở chỗ, Mẹ chẳng những đã tin tưởng chấp nhận dự án thần linh của Thiên Chúa nơi Mẹ, tức là Mẹ chấp nhận làm Mẹ "Con Đấng Tối Cao... Con Thiên Chúa" (Lk 1:32,35), mà nhất là Mẹ còn tuyệt đối phó thác tất cả mọi sự, nhất là thân xác trinh nguyên của Mẹ, cho quyền năng của Thiên Chúa trong việc làm cho một trinh nữ như Mẹ trở thành một người mẹ, có thể thụ thai và sinh con, không cần đến người nam mà Mẹ đã đính hôn, để nhờ đó ứng nghiệm lời tiên tri Isaia đã tiên báo:

"Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh con..." (Is 7:14).

Đức tin tuân phục của Mẹ Maria không phải chỉ được tỏ ra nơi Biển Cỗ Truyền Tin Lời Nhập Thể mà còn nơi Biển Cỗ Khổ Giá của "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" (Mt 16:16) nữa. Nếu đức tin tuân phục của Mẹ chỉ được thể hiện một cách trọn lành ở Biển Cỗ Lời Nhập Thể mà không ở Biển Cỗ Khổ Giá của Con Mẹ thì Mẹ chẳng những không có đức tin tuân phục trọn lành thực sự mà thậm chí Mẹ không còn là "đầy ân phúc" và được "đầy ân phúc" nữa. Thật vậy, chính vì Mẹ là "đầy ân phúc" mà Mẹ liên li tỏ ra đức tin tuân phục của Mẹ cho đến cùng, nhất là lúc Mẹ đứng dưới chân thập giá của Con Mẹ (x Jn 19:25).

Đừng tưởng rằng Mẹ không bị thử thách đức tin. Nếu "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống", một chân lý đức tin, chẳng những đã trở nên nền tảng cho chung Kitô giáo và riêng Giáo Hội do Người thành lập, mà còn trở thành có vấp phạm cho chung dân Do Thái và cho riêng Hội Đồng Đâu Mục Do Thái, mà nhất là cho chính các môn đệ của Người, thành phần đã được Người tuyển chọn ở với Người để nhận biết Người mà sau này trở thành chứng nhân tiên khởi của Người và cho Người, thì chân lý đức tin vô cùng thiết yếu cho phần rỗi của loài

người này cũng đã trở nên thách đố cho chính Mẹ Maria. Ở chỗ nào và tại sao?

Ở chỗ nào? - Ở chính đức tin tuân phục của Mẹ! Tại sao? - Tại vì những lời sứ thần Gabiêl đã nói cùng Mẹ trong biến cố Truyền Tin Lời Nhập Thể, nhưng lời dường như hoàn toàn mâu thuẫn và trái nghịch hoàn toàn với những gì đang xảy ra khi Mẹ Maria đứng bên thập giá của Con Mẹ.

Thật vậy, chính vì tin rằng "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" (Mt 16:16) mà chung tông đồ đoàn và riêng vị trưởng tông đồ đoàn là Simon Phêrô đã vấp phạm. Trước hết, vị trưởng tông đồ đoàn này, ngay sau khi nghe Thầy mình tiết lộ cho biết về thân phận vô cùng bất hạnh của Ngài hoàn toàn trái ngược với thân phận "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" của Ngài thì đã chân thành và kín đáo can ngăn Ngài, không ngờ đã bị chính Ngài thậm tệ quở trách: "Đồ Satan, hãy xéo đi cho khuất mắt Ta. Vì ngươi không phán đoán theo chiều hướng của Thiên Chúa mà chỉ theo kiểu của loài người mà thôi" (Mt 16:23). Chưa hết, vị trưởng tông đồ đoàn này còn 3 lần trắng trợn chối bỏ Thầy mình là Đấng đã được ông công khai mau mắn tuyên xưng "là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống".

Nếu Giuđa Íchca, người môn đệ phản nộ Thầy mình, quả thực cũng tin tưởng rằng "Thầy

là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" thì phải chăng đó là lý do mạnh, tuy không phải là lý do chính - lý do tham tiền của, để hấn quyết định mưu toan bán Ngài, vì tưởng rằng cho dù có bị bọn quân quốc của Hội Đồng Đầu Mục Do Thái bắt qua việc hấn mưu toan bán Thầy và nộp Thầy bằng cái hôn báo hiệu chẳng nữa, Ngài vẫn có thể thoát thân, như đã từng xảy ra? Thế nhưng, sự vụ hoàn toàn xảy ra ngược lại, bởi thế, sau khi thấy rằng Ngài chẳng những không thoát thân mà còn bị lên án tử nữa (x Mt 27:3), người môn đệ bất hạnh này đã đi thắt cổ tự tử (x Mt 27:5) vì cảm thấy tội phản nộp Thầy của mình vô cùng phạm thượng và vô cùng đáng phạt, đến độ không thể tha thứ được, vì nó là tội phạm đến không phải là một con người thuần túy mà là phạm đến chính "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống"!

Đối với Mẹ Maria, vì Mẹ vốn "luôn ghi nhớ tất cả mọi sự đó mà suy niệm trong lòng" (Lk 1:19,51), mà những lời thiên sứ Gabiêl đã nói với Mẹ về Đấng Mẹ được thụ thai và hạ sinh là "Con Đấng Tối Cao" (Lk 1:32), là "Con Thiên Chúa" (Lk 1:35) lại càng làm cho Mẹ suy tư hơn nữa, nhất là khi Mẹ đứng dưới chân thập giá của một con người đang hấp hối, không thể xuống khỏi thập giá! "Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai báu Đavít cha của Người. Người sẽ muôn đời cai trị nhà Giacóp, triều đại của Người sẽ vô cùng bất tận" làm sao có thể ứng

nghiệm với một con người đang kêu lên cùng trời cao rằng: "Chúa Trời con ơi, Chúa Trời con ơi, sao Ngài lại bỏ rơi con" (Mt 27:46).

Không biết lúc bấy giờ, lúc tận mắt chứng kiến thấy và tận tai nghe thấy những lời than van yếm thế của Đấng bị treo trên thập giá là Con của Mẹ ấy Mẹ có nghĩ rằng Con Mẹ có thực sự là "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" hay chẳng? Nếu phải thì tại sao Người lại ra nông nỗi này, trở nên vô cùng nhục nhã và tang thương đến như thế! Chắc chắn là không, bằng không, theo thường tình, không một người mẹ nào thương con hơn bản thân mình có thể đứng nổi, nếu không muốn nói là bất tỉnh hay qui xuống, khi thấy đứa con vô cùng đáng yêu của mình trở nên như một vết thương và không còn hình hài như thế.

Vậy mà Mẹ Maria vẫn "đứng" (Jn 19:25), đứng bên thập giá của Con Mẹ và với Con Mẹ. Nghĩa là bấy giờ đức tin tuân phục của Mẹ và nơi Mẹ đã trở thành sức mạnh thiêng liêng để Mẹ có thể chẳng những chịu đựng đón đau trong lòng với tư cách là một người mẹ mà còn với vai trò Đồng Công Cứu Chuộc trong việc thông công với Con mình để cứu chuộc loài người của Mẹ. Mẹ vẫn còn nhớ lời tiên báo của tư tế Simêon nói như liên quan đến vai trò đồng công cứu chuộc của Mẹ trong Đền Thờ khi ông nói về người Con trai đầu lòng của Mẹ lúc Mẹ dâng Người theo luật Moisen sau 40 ngày hạ sinh Người,

đó là "Con Trẻ này sẽ nên có vấp phạm và chỗi dậy cho nhiều người trong dân Yến Duyên, một dấu hiệu phản khắc, và chính bản thân của cô sẽ bị một lưỡi gươm đâm thấu qua để tư tưởng nơi nhiều tâm hồn được bộc lộ ra" (Lk 2:34-35).

Đối với Mẹ, "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" càng khổ nạn và tử giá mới càng chứng tỏ Người quả thực là Đấng Thiên sai, vì Người đến chỉ làm theo ý Cha của Người chứ không phải ý của Người. Và theo tự nhiên không một phạm nhân nào có thể chịu được nhục nhã và đốn đau như Người thì Người phải là Thiên Chúa Nhập Thể.

Chính vì tuyệt đối tin rằng Đấng khổ nạn và tử giá là Con của Mẹ, Đấng đồng thời là chính Con Thiên Chúa, Đấng đến để cứu toàn thể loài người chứ không phải chỉ riêng dân Do Thái về chính trị, mà Mẹ chắc chắn không chỉ "đứng" dưới chân thập giá của Con Mẹ bằng một đức tin tuân phục mà còn bằng một đức mến bao la, một đức mến cao cả phong phú tới độ chẳng những có thể bù đắp lại tất cả những xúc phạm Người phải chịu bấy giờ trong cuộc khổ nạn và tử giá, mà còn có thể tái sinh nhân loại trong Người và bởi Người nữa.

## **Đức Tin Yêu Thương**

Đức tin của Mẹ Maria và nơi Mẹ Maria chẳng những là một đức tin tuân phục đối với Chúa mà còn là một đức tin yêu thương đối với tha nhân nữa. Đức tin yêu thương của Mẹ được thể hiện tốt độ nơi biến cố Khổ Giá của Con Mẹ. Vì bấy giờ, theo dự án thần linh của Thiên Chúa, Mẹ phải chấp nhận hy sinh Người Con duy nhất vô cùng dấu ái của mình, vô cùng thiện hảo của mình, vô cùng đáng tôn thờ của mình, để cứu lấy nhân loại tội lỗi, thấp hèn, bất xứng so với Người Con Thiên Chúa của Mẹ.

Có thể nói, Mẹ đã đánh đổi tất cả là Con Mẹ để lấy hư không là nhân loại. Thế nhưng, nếu "Thiên Chúa đã không dung tha cho Con riêng của mình, một phó nộ Người vì tất cả chúng ta" (Rm 8:32) thì Mẹ cũng hoàn toàn tuân phục dự án thần linh vô cùng nhân hậu của Thiên Chúa, cũng hy sinh Con mình cho phần rỗi của toàn thể nhân loại.

Thật vậy, Mẹ Maria không thể nào yêu thương nhân loại đến hy hiến chính Người Con Thiên Chúa vô cùng cao quý của mình cho nhân loại nếu Mẹ không có một đức tin tuân phục, không nhận biết Thiên Chúa và không đáp ứng những gì Thiên Chúa muốn.

Chính đức tin tuân phục của Mẹ và nơi Mẹ đã giúp Mẹ được luôn liên li hiệp nhất nên một với Thiên Chúa trong hết mọi sự, đến độ, Chúa muốn gì thì



Mẹ cũng muốn như vậy. Thậm chí Mẹ không muốn gì khác ngoài Chúa, Đấng phải nói là chính ước muốn duy nhất của Mẹ và trên hết của Mẹ, là lẽ sống và là hồn sống của Mẹ, ngoài Chúa ra Mẹ không thể nào sống được nữa, cuộc đời Mẹ chẳng còn nghĩa lý gì, chẳng còn giá trị gì!

Và cũng chính vì luôn sống trong Chúa và với Chúa như thế, nhất là lúc Mẹ được thụ thai Con Thiên Chúa trong cung dạ trinh nguyên của Mẹ, mà Mẹ Maria đã càng được tràn đầy Thánh Thần của Ngài, một Thánh Thần là sự sống hiệp thông nội tại nơi Thiên Chúa Ba Ngôi, Vị Thánh Thần đã là sự hiện diện thần linh của Vị Thiên Chúa hằng ở cùng Mẹ (x Lk 1:28), Vị Thánh Linh đã trở thành động lực thúc đẩy Mẹ làm tất cả mọi sự lớn nhỏ, âm thầm hay công khai, chẳng hạn trong việc Mẹ tỏ ra "vội vã" (Lk 1:39) lên đường đi thăm người chị họ của mình là Elizabeth đang có thai được 6 tháng trong lúc tuổi già (x Lk 1:36).

Và cũng chính vì Mẹ được tràn đầy Thánh Thần hơn bao giờ hết khi Mẹ đang cưu mang Con Thiên Chúa làm người trong lòng Mẹ mà khi Mẹ vừa lên tiếng chào (x Lk 1:44) thì đã gây ra một biến động thần linh giây chuyền. Đó là, trước hết, làm cho thai nhi Tiên Hô Gioan Tẩy Giả cũng được tràn đầy Thánh Linh, đến nỗi có thể nhảy mừng trong lòng thai mẩu (x Lk 1:44), để rồi sau đó, thai nhi này còn làm cho

thai mẫu của bé được tràn đầy Thánh Linh, để nhờ đó thai mẫu của bé có thể nhận biết vị đại khách đến thăm mình và gia đình bà là chính "Mẹ Chúa của tôi" (Lk 1:43) và chúc tụng Mẹ "có phúc vì đã tin" (Lk 1:45).

Trong biến cố của Tiệc Cưới Cana càng chứng tỏ mức độ tràn đầy Thánh Linh nơi Mẹ. Ở chỗ, nhờ có Thánh Thần nơi Mẹ là một tâm hồn luôn trầm lắng suy niệm về tất cả những gì được tỏ ra cho mình (x Lk 1:19,51), mà Ngài, Đấng thấu suốt mọi sự, kể cả thâm cung của Thiên Chúa (x 1Cor 2:10), đã khiến Mẹ có thể nhìn thấu suốt được mọi sự, dù nhỏ bé mấy chẳng nữa hay dù thành phần có trách nhiệm chưa biết đi nữa, chẳng hạn như sự kiện thiếu rượu ở tiệc cưới Cana này. Đức tin yêu thương của Mẹ, một khi thấy được tình trạng hết rượu này ở tiệc cưới Cana, đã mau mắn và tự động tìm cách cứu giúp kịp thời.

Cách thức cứu giúp của Mẹ ở tiệc cưới Cana cũng cho thấy trình độ đầy Thánh Thần của Mẹ, vì nhờ Thánh Thần mà Mẹ đã tự động biết làm thế nào để cho "ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời" (Mt 6:10), cho dù "giờ" của Ngài "chưa tới" (Jn 2:4).

Mẹ quả thực đã đạt được những gì Mẹ nhờ Thánh Thần thấy được và bởi Thánh Thần mà thực hiện, đó là dọn đường cho Chúa đến với nhân loại, bằng

cách, trước hết, đến báo (chứ không xin) cùng Con mình về tình hình thiếu rượu, rồi sau đó đến với thành phần phục tiệc mà dặn dò họ rằng: "Ngài báo làm gì thì các anh hãy làm theo như thế" (Jn 2:5).

Và lời nói tràn đầy Thánh Linh của Mẹ đã tác động thành phần phục tiệc này tự nhiên trở thành ngoan ngoãn lắng nghe Mẹ không phải là chủ nhân của họ, nhờ đó Con Mẹ đã được dịp tỏ mình ra lần đầu tiên cho các môn đệ tiên khởi của Người (x Jn 2:11).

Ở tiệc cưới Cana, Mẹ Maria đã tỏ ra Mẹ có đủ các thần trí được Tiên Tri Isaia nói về Chúa Kitô, đó là "thần trí khôn ngoan và thông hiểu, thần trí huấn dụ và sức mạnh, thần trí tri thức và kính sợ" (Is 11:1-2).

Mẹ Maria quả thực là "khôn ngoan và thông hiểu" ở chỗ Mẹ chẳng cần phải xông xáo khắp nơi như vị quản tiệc hay thành phần phục tiệc mà Mẹ cũng tinh khôn nhìn thấu suốt được tình trạng "hết rượu" (Jn 2:3) của tiệc cưới trong khi mọi người không ai biết gì, bao gồm cả vị quản tiệc.

Mẹ còn tỏ ra Mẹ có "thần trí huấn dụ và sức mạnh" qua lời nhắn nhủ quan trọng và rất am hợp với ý Chúa muốn được Mẹ ngỏ cùng thành phần phục tiệc, đến độ lời nói chân thực của Mẹ có thể phát ra

một quyền lực mãnh liệt khiến thành phần phục tặc này phải làm theo lời Mẹ một cách ngoan ngoãn.

Mẹ cũng tỏ ra Mẹ có "thần trí tri thức và kính sợ" khi Mẹ biết được ý Chúa muốn gì và hoàn toàn để Chúa ra tay vào thời điểm Ngài muốn, như Mẹ sau khi khách quan trình với Con Mẹ những gì Mẹ nhận thấy Mẹ đã để tùy Chúa định đoạt, chứ không thôi thúc Chúa hay thậm chí năn nỉ Chúa.

Nếu "đức tin thể hiện qua đức mến" (Gal 5:6), mà đức mến của Mẹ là một đức mến tràn đầy Thánh Linh, Đấng là mối hiệp thông yêu thương trong nội tâm của Thiên Chúa trong mầu nhiệm Ba Ngôi, giữa Thiên Chúa với loài người qua mầu nhiệm Nhập Thể, và giữa loài người với nhau qua mầu nhiệm Giáo Hội, thì đức tin của Mẹ quả thực đã sinh muôn vàn hoa trái thần linh.

Muôn vàn hoa trái thần linh đó là một tân nhân loại được tái sinh trong "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống", khi máu cùng nước tuôn ra từ cạnh sườn của Người bấy giờ chỉ còn là một thi thể vô hồn, cũng là lúc Mẹ của Người đã như bị grom sắc thấu qua lòng, quặn quại rên xiết đón đau (x Rev 12:2) như người đàn bà lâm bồn sinh con (x Jn 16:21), trong việc chịu đựng cái đau của Con Mẹ và thay cho Con Mẹ.

Nếu Thánh Thần là tình yêu của Thiên Chúa tuôn đổ vào lòng chúng ta (x Rm 5:5) là nguyên lý và là động lực cho đức tin yêu thương của Mẹ, và đối tượng của đức tin yêu thương của Mẹ trên thế gian này là nhân loại, thì sứ vụ của đức tin yêu thương của Mẹ với vai trò trung gian đó là việc mang "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" Con Mẹ cho nhân loại, cũng là việc tái sinh Người nơi nhân loại, chẳng những về thể lý khi Mẹ sinh hạ Người trong hàng lừa Bêlem mà còn về siêu nhiên bằng ân sủng nữa.

Ở biến cố Thăm Viếng, Mẹ Maria đã mang Lời Nhập Thể là "Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" đến cho thai nhi Tiên Hô Gioan Tẩy Giả, nhờ đó thai nhi cao trọng nhất trong thành phần con người được người nữ sinh ra ấy (x Mt 11:11) được cứu rỗi ngay từ khi mới được 6 tháng tuổi trong lòng thai mẫu, tức được tái sinh trong Chúa Kitô, và Mẹ Maria, ở một nghĩa nào đó, vị đã mang Chúa Kitô đến cho ngài, trở thành Mẹ thiêng liêng của ngài, ở chỗ đã sinh ngài ra trong ơn nghĩa Chúa, ngay cả trước khi ngài được người mẹ trần gian của ngài sinh ngài ra về thể lý.

Ở Tiệc Cưới Cana, Mẹ Maria cũng đã mang Chúa tới cho thành phần môn đệ tiên khởi để họ có thể tin vào Người, bằng việc Mẹ dọn đường cho Người trong việc Người biến nước lã thành rượu ngon ở tiệc cưới này, nhờ đó Người tỏ mình ra cho

các vị. Như thế, đức tin yêu thương của Mẹ Maria là ở chỗ làm sao cho Chúa Kitô hiển linh nơi thế gian này nói chung và trong Giáo Hội của Người nói riêng, nhất là nơi thành phần môn đệ ưu tuyển chứng nhân trung thực của Người, như Người đã tỏ mình ra cho Mẹ là đệ nhất môn đệ của Người cũng là môn đệ tuyệt nhất của Người.

Nếu đức mến của Mẹ Maria liên quan đến vai trò làm mẹ thiêng liêng của Mẹ, trong việc tái sinh Chúa Kitô cho loài người trên Đồi Canvê và trong các tâm hồn khi Mẹ dọn đường để Người có thể tỏ mình ra cho họ như ở biến cố Thăm Viếng và Tiệc Cưới Cana, thì đức tin của Mẹ liên quan đến phẩm chất trinh nguyên "không hề biết đến nam nhân" (Lk 1:34) của Mẹ.

Thật vậy, theo tu đức, để có thể tiến tới bậc hoàn toàn hiệp nhất nên một với "Thiên Chúa là thần linh" (Jn 4:24), tâm hồn của Kitô hữu cần phải được thanh tẩy, thậm chí họ phải trải qua những đêm tăm tối về đức tin, để họ có được một đức tin tinh tuyền, đến độ lòng họ không còn dính bén sự gì trên thế gian này, không ngoại tình với bất cứ một tạo vật nào, không còn một ngẫu tượng nào trong họ, ngoài một mình Chúa là Thiên Chúa chân thật duy nhất của họ, nhờ đó, Thiên Chúa chiếm đoạt họ và làm chủ họ, để rồi qua họ và nhờ họ, Ngài có thể thực

hiện tất cả những gì Ngài muốn cho phần rỗi các linh hồn.

Nếu chỉ có duy một mình Mẹ Maria là trinh nữ sinh con nơi Mâu Nhiệm Nhập Thể của Thiên Chúa thì đức tin yêu thương "đầy ân phúc" như Mẹ đã trở thành mô phạm của Giáo Hội và cho Giáo Hội, như được Công Đồng Chung Vaticanô II xác nhận trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 63 và 64 (theo bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện Piô X – 1972) như sau:

**63. Maria trinh nữ và người mẹ là mẫu mực của Giáo Hội.** <sup>83\*</sup> Đức Trinh Nữ nhờ ân huệ và sứ mệnh làm Mẹ Thiên Chúa, nhờ đó Ngài được hiệp nhất với Con là Đấng Cứu Chuộc, và nhờ các ơn và nhiệm vụ đặc biệt khác, Ngài còn kết hiệp mật thiết với Giáo Hội, như thánh Ambrosiô đã dạy, Mẹ Thiên Chúa là mẫu mực của Giáo Hội trên bình diện đức tin, đức ái và hiệp nhất hoàn hảo với Chúa Kitô <sup>18</sup>. Thực vậy, trong mầu nhiệm Giáo Hội, chính Giáo Hội cũng được gọi cách hợp pháp là Mẹ và Trinh Nữ, Đức Nữ Trinh Maria đi tiên phong, tỏ ra là một người mẹ và một trinh nữ gương mẫu tuyệt vời và hiếm có <sup>19</sup>. Vì, bởi lòng tin và vâng phục, Ngài đã sinh chính Con Chúa Cha nơi trần gian, mà không hề biết đến người nam, nhưng được Chúa Thánh Thần bao phủ. Như một Evà mới, Ngài đã đặt niềm tin vào sứ giả của Thiên Chúa, chứ không đặt vào

con rắn xưa, một niềm tin không bị một nghi ngờ nào làm phai nhạt. Nhưng Người Con mà Ngài đã sinh ra, Thiên Chúa đã đặt làm Trưởng Tử trong nhiều anh em (x. Rm 8,29), nghĩa là các tín hữu, mà Ngài cộng tác vào việc sinh hạ và giáo dục với tình thương của một người mẹ. [84\\*](#)

**64. Giáo Hội là trinh nữ và là mẹ.** Tuy nhiên, khi chiêm ngưỡng sự thánh thiện kỳ bí và noi gương đức ái của Đức Maria, và khi trung thành chu toàn thánh ý Chúa Cha, Giáo Hội cũng được làm mẹ nhờ lời Thiên Chúa mà Giáo Hội trung thành lãnh nhận: thực vậy, nhờ việc rao giảng và ban phép Thánh Tẩy, Giáo Hội sinh hạ những người con được thụ thai bởi phép Chúa Thánh Thần và sinh ra do Thiên Chúa để họ lãnh nhận một đời sống mới và bất diệt. Giáo Hội cũng là trinh nữ đã giữ gìn toàn vẹn và tinh tuyền lòng trung nghĩa đã hiến cho Phu Quân; và noi gương Mẹ Chúa mình, nhờ thần lực của Thánh Thần, Giáo Hội bảo tồn cho tinh tuyền một đức tin toàn vẹn, một đức cậy bền vững và một đức mến chân thành [20](#). [85\\*](#)



## Mầu Nhiệm Đức Tin: Thánh Thể

**Đ**ể có thể một phần nào nắm trọn được ý nghĩa sâu xa và giá trị cao cả của Mầu Nhiệm Thánh Thể, chúng ta có thể căn cứ vào chính Lời Truyền Phép của vị chủ tế trên bánh và rượu để biến hai chất thể chính yếu bất khả thiếu này trở thành Mình Thánh và Máu Thánh của Chúa Giêsu Kitô: "*Tất cả các con hãy lãnh nhận mà ăn / uống (1), vì này là Mình Thầy / vì này là chén Máu Thầy (2), sẽ bị nộp vì các con / sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội (3). Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy (4)*".

Thật vậy, trong Lời Truyền Phép hay Lời Thánh Hiến trên Bánh và Rượu này, chúng ta thấy Mầu Nhiệm Thánh Thể có ít là 4 chiều kích chính yếu: 1-

Thánh Thể là Lương Thực Thần Linh; 2- Thánh Thể là Hiện Diện Thực Sự; 3- Thánh Thể là Hiến Tế Cứu Độ; và 4- Thánh Thể là Cử Hành Cảnh Chung.

## **1- Thánh Thể là Lương Thực Thần Linh:**

*"Tất cả các con hãy lãnh nhận mà ăn / uống"*

Trong Thông Điệp Giáo Hội Sống Bởi Thánh Thể, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã xác tín Thánh Thể là Lương Thực Thần Linh, một Sự Sống Hiệp Thông qua việc Kitô hữu Hiệp Lễ cũng như bằng Tặng Ân Thánh Thần Người ban cho những ai lãnh nhận Mình Máu Thánh của Người, ở khoản số 16 sau đây:

*"Hiệu năng cứu độ của hiến tế này được hoàn toàn hiện thực khi lãnh nhận mình máu Chúa lúc hiệp lễ. Hiến Tế Thánh Thể tự bản chất nhắm đến việc hiệp nhất nội tâm của tín hữu với Chúa Kitô qua việc hiệp lễ; chúng ta lãnh nhận chính Đấng đã hiến mình cho chúng ta, chúng ta lãnh nhận thân thể Người đã trao nộp cho chúng ta trên Thập Giá cũng như lãnh nhận máu Người 'đã đổ ra cho nhiều người được tha tội' (Mt 26:28). Chúng ta được lời Người nhắc nhở rằng: 'Như Cha hằng sống đã sai Tôi và Tôi sống bởi Cha thế nào, thì ai ăn Tôi cũng sẽ sống bởi Tôi như vậy' (Jn 6:57). Chính Chúa Giêsu đã bảo đảm với chúng ta rằng việc hiệp nhất này, một thứ hiệp nhất được Người so sánh với việc hiệp nhất sự sống Ba Ngôi, được*

*thực sự thể hiện. Thánh Thể thực sự là một bữa tiệc Chúa Kitô đã tự hiến mình làm của dưỡng nuôi chúng ta. Vào lần đầu tiên Chúa Giêsu nói về thứ dưỡng nuôi này, thành phần nghe Người bấy giờ lấy làm lạ lùng và bối rối khiến Vị Thầy này bắt buộc phải nhấn mạnh đến chân lý khách quan của những lời Người nói: ‘Thật vậy, thật vậy, Tôi nói cho quý vị hay, trừ phi quý vị ăn thịt Con Người và uống máu của Người, bằng không quý vị sẽ không có sự sống nơi bản thân quý vị’ (Jn 6:53). Đây không phải là thứ lương thực bóng bẩy mỹ từ, bởi vì ‘Thịt Tôi thực sự là của ăn và máu Tôi thực sự là của uống’ (Jn 6:55)”.*

Đúng thế, Chúa Giêsu thiết lập Bí Tích Thánh Thể không phải chỉ để làm cơ sở cho Người có thể Hiện Diện Thực Sự, hay để hiện thực hóa Hy Tế Thập Giá của Người vậy thôi, mà còn để trở thành Sự Sống Hiệp Thông cho chung Giáo Hội cũng như cho riêng các phần thể của mình mầu nhiệm của Người nữa. Đó là lý do, ngay mấy chữ đầu của lời truyền phép, lời Người phán để thiết lập bí tích Thánh Thể, Người đã kêu gọi các tông đồ nói riêng và Giáo Hội nói chung là “các con hãy nhận lấy mà ăn” và “các con hãy nhận lấy mà uống”.

Dĩ nhiên, về phương diện phụng vụ, phần Thánh Lễ quan trọng nhất là phần Hiến Lễ, qua tác động chủ thể hiến dâng Thánh Thể lên Chúa Cha ngay sau khi chủ tế truyền phép Thánh Thể. Thế nhưng, nếu Hy Tế Thập Giá đã vĩnh viễn hiệu thành (x Heb 7:27,

9:12) thì việc hiện thực và tái diễn hy tế này trên bàn thờ không phải chỉ là việc để làm cho hy tế ấy nên trọn, mà là việc làm cho hy tế ấy trở thành viên mãn hơn, đúng như ý định Chúa Giêsu muốn, đó là việc Người là Vị “Chủ Chiên nhân lành thí mạng sống vì chiên cho chiên được sự sống và là một sự sống viên mãn hơn” (Jn 10:10).

Phần Hiệp Lễ bởi thế cũng là phần rất quan trọng và cần thiết đối với cả Chúa Giêsu Thánh Thể lẫn thành phần môn đệ của Người.

Đối với Chúa Giêsu Thánh Thể, Hiệp Lễ là phần rất quan trọng và cần thiết, bởi vì Người muốn thông ban “Sự Sống viên mãn” phát xuất từ Hy Tế Thập Giá của Người cho thành phần đã tin nhận Người qua Phép Rửa và đã nhận được “sự sống” từ Người, một sự sống cần phải được bảo trì và tăng trưởng cho tới khi đạt đến tâm vóc viên mãn của mình trong Chúa Kitô (x Eph 4:13,15).

Đối với Kitô hữu, Hiệp Lễ là phần rất quan trọng và cần thiết, bởi vì, có tiếp nhận Chúa Giêsu Thánh Thể, Đấng đã tự hiến để Giáo Hội được thánh hóa trong chân lý (x Jn 17:19), con người và hoạt động của họ mới có thể được biến đổi một cách màu nhiệm, như bánh và rượu trên bàn thờ “là hoa màu ruộng đất và lao công của con người” (lời dâng lễ

vật) được biến thể Mình Thánh và Máu Thánh của Người.

Chúa Giêsu là Lời Nhập Thể chẳng những ở giữa chúng ta mà còn đến với từng cá nhân chúng ta nữa, ngay trong thân xác tro bụi của chúng ta, cho dù chỉ ít phút cho tới khi Bánh Thánh hay Rượu Thánh tan biến đi trong chúng ta.

Thế nhưng, nhờ Mình Thánh và Máu Thánh Người được chúng ta "nhận lấy mà ăn / mà uống" bằng tất cả tin tưởng qua cử chỉ "nhận lấy" bằng tay hay bằng miệng, mà Người là Cây Nho thông ban Thánh Linh cho chúng ta là cành nho của Người, nhờ đó chúng ta mới có thể sinh muôn vàn hoa trái thiêng liêng, như Người đã thông ban Thánh Linh từ Thân Xác Phục Sinh của Người cho các tông đồ vào tối ngày thứ nhất trong tuần sau khi sống lại từ trong kẻ chết: "Các con hãy nhận lấy Thánh Linh" (Gioan 20:22).

## **2- Thánh Thể là Hiện Diện Thực Sự:** *"Này là Mình Thầy / vì này là chén Máu Thầy"*

Trong Thông Điệp Giáo Hội Sống Bời Thánh Thể, ở khoản số 15, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã xác tín Thánh Thể là một Hiện Diện Thực Sự như sau:

“Việc tái hiện thực một cách bí tích hiến tế của Chúa Kitô, một hiến tế được hiển vinh bởi cuộc phục sinh, nơi Thánh Lễ chứa một thứ hiện diện đặc biệt nhất như lời Đức Phaolô VI nói ‘được gọi là ‘có thực’, không phải kiểu loại trừ tất cả mọi kiểu hiện diện khác như những kiểu hiện diện ấy ‘không có thực’, song bởi đây là kiểu hiện diện trọn nghĩa nhất, một hiện diện chính yếu nhờ đó Chúa Kitô, Vị Thiên Chúa Làm Người, hiện diện một cách trọn vẹn và hoàn toàn’ (Encyclical Letter *Mysterium Fidei* [3 September 1965]: AAS 57 [1965], 764). Điều này là điều lập lại giáo huấn bền vững của Công Đồng Chung Tridentinô, đó là ‘việc thánh hiến bánh và rượu làm biến đổi tất cả bản thể bánh thành bản thể thân mình của Đức Kitô Chúa chúng ta, và tất cả bản thể rượu thành bản thể máu của Người. Giáo Hội Công Giáo thánh thiện đã gọi việc biến đổi này một cách xác đáng và xứng hợp là việc biến thể’ (Session XIII, *Decretum de ss. Eucharistia*, Chapter 4: DS 1642)”.

Đúng thế, trong Thánh Lễ, ngay sau lời truyền phép của vị chủ tế trên bánh và rượu, thì việc biến thể xảy ra, biến bản thể bánh trở nên Mình Thánh Chúa Giêsu và biến bản thể rượu trở nên Máu Thánh Chúa Giêsu. Bởi vì, nếu bản thể của tất cả mọi sự ở cái “là” của nó thì sau lời truyền phép của chủ tế, cái “là” bánh thực sự không còn “là” bánh nữa (ngoài hình thức bánh), mà “là Mình Thày” và cái “là” rượu không còn “là” rượu nữa (ngoài hình thức rượu), mà “là Máu Thày”.

Sở dĩ việc biến thể này có thể xảy ra một cách mâu thuẫn trước con mắt đức tin Kitô Giáo nói chung và Giáo Hội Công Giáo nói riêng là vì quyền năng của chính lời truyền phép, một lời truyền phép lập lại nguyên văn lời Chúa Kitô lập phép Thánh Thể xưa trong Bữa Tiệc Ly, “những lời là thần linh và là sự sống” (Jn 6:63), “những lời sự sống trường sinh” (Jn 6:68). Đúng thế, sở dĩ lời của Chúa Giêsu có thần lực toàn năng biến thể được bánh và rượu thành Mình Thánh và Máu Thánh của Người là vì lời của Người đầy Thánh Thần Thiên Chúa, Đấng được vị chủ tế, trong Kinh Nguyện Thánh Thể II, III và IV, ngay trước khi truyền phép kêu cầu ngự đến “thánh hóa những lễ vật này, để trở nên cho chúng tôi Mình và Máu Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng tôi”.

Thật vậy, Thánh Thần Thiên Chúa là Tác Nhân trong Mâu Nhiệm Nhập Thể của “Lời hóa thành nhục thể” (Jn 1:14) thế nào (x Lk 1:35; Mt 1:20), đồng thời cũng là Tác Nhân trong Mâu Nhiệm Phục Sinh của Đấng Tử Giá ra sao (x Rm 8:11), những mâu nhiệm đã thực sự xảy ra trên thế giới này hơn 2000 năm trước đây, những mâu nhiệm đã trở thành hiện thực với một Nhân Vật Lịch Sử mang tên Giêsu Nazarét được sinh ra ở Bêlem và tử nạn ở Giêrusalem, thì Ngài cũng là Tác Nhân trong Mâu Nhiệm Thánh Thể là mâu nhiệm kéo dài Biến Cố Nhập Thể và Phục Sinh này.

Thánh Thể là Hiện Diện Thực Sự, một hiện diện không phải tượng trưng như qua hình ảnh hay trên truyền hình, một hiện diện, nhờ lời truyền phép của vị linh mục chủ tế, đã biến bản thể “là” bánh và rượu trở thành “là mình Thầy” và “là chén máu Thầy”, một hiện diện khiến chúng ta có thể cảm nghiệm thấy như sau:

1- Chúng ta được Chúa thương riêng khi Người đến với riêng cá nhân chúng ta, chứ không phải Người chỉ nhập thể ở giữa chung loài người mà thôi;

2- Chúng ta được Người chẳng những ở trong linh hồn mà còn ngay ở cả trong thân xác tro bụi của chúng ta nữa, một thân xác nhờ đó sẽ được sống lại và trở nên vinh hiển như thân xác phục sinh của Người;

3- Giây phút Thánh Thể ngự trong thân xác của chúng ta là giây phút thiên đường, vì cùng đích tối hậu của đời sống con người đó là được ở cùng Chúa là Đấng đã nhập thể để có thể ngự giữa loài người.

### **3- Thánh Thể là Hiến Tế Cứu Độ:**

*“Sẽ bị nộp vì các con / sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội”*



Trong Thông Điệp Giáo Hội Sống Bồi Thánh Thể, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã xác tín Thánh Thể là một Hy Tế Thập Giá ở khoản số 11 sau đây:

*“Khi Giáo Hội cử hành Thánh Thể, cuộc tưởng niệm việc Chúa chịu chết và sống lại, thì biến cố cứu độ trọng yếu này trở nên hiện tại thực sự và ‘công cuộc cứu chuộc của chúng ta được thể hiện’ (Second Vatican Ecumenical Council, Dogmatic Constitution on the Church Lumen Gentium, 3). Hy tế này quyết liệt cho phân rỗi loài người đến nỗi Chúa Giêsu Kitô đã hiến dâng hy tế này và về cùng Cha chỉ sau khi Người đã để lại cho chúng ta phương tiện để chia sẻ vào hy tế ấy như thể chúng ta đã hiện diện ở đó bấy giờ. Mỗi một phần tử tín hữu đều có thể tham dự vào hy tế này và hái được vô tận hoa trái của hy tế ấy” (khoản số 11).*

Việc Hiện Diện Thực Sự của Chúa Giêsu trong Bánh Thánh và Rượu Thánh sau lời truyền phép không phải là một hiện diện thần linh có thật song thụ động mà là chủ động: chủ động chẳng những nơi vai trò chủ tế của vị linh mục thay cho Chúa Giêsu hiến dâng Hy Tế Thập Giá một cách bí tích trên bàn thờ, mà còn nơi chủ đích của việc biến thể nữa, một việc biến thể từ một tấm bánh thành một Thân Thể (không phải một thân thể mới được sinh ra trong hang lừa máng cỏ ở Bêlem mà là) bị trao nộp ở Giêrusalem, và từ một chén rượu thành Máu Giao Ước (không phải máu của Lời mới nhập thể trong

lòng Trinh Nữ Maria ở Nazarét mà là) đổ ra trên đời từ giá Canvê.

Đó là lý do Chúa Giêsu không thiết lập Bí Tích Thánh Thể là để trở thành Hiện Diện Thực Sự của Người ở với Giáo Hội trên thế gian cho tới tận thế (x Mt 28:20), mà chính yếu là để hiện thực và tái diễn Hy Tế Thập Giá của Người. Bởi thế, ngay trong lời truyền phép, lời Chúa Giêsu đã tuyên bố thiết lập Bí Tích Thánh Thể, Người còn truyền cho các tông đồ hiện diện bấy giờ nói riêng và thành phần thừa kế các vị nói chung rằng: “Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy” (Lk 22:19).

Lời truyền chức tư tế này của Chúa Giêsu cho các vị tông đồ không phải chỉ là những lời Người muốn bảo các tông đồ và thành phần thừa kế các vị là hãy (“làm việc này” là) đọc lại lời Người phán trên bánh và rượu để biến bánh và rượu nên Mình Thánh và Máu Thánh Người, mà là hãy cử hành, hãy tưởng nhớ đến Người, ở chỗ “loan truyền việc Chúa chịu chết và tuyên xưng việc Chúa sống lại, cho tới khi Chúa lại đến” (Lời Tuyên Xưng “Mâu Nhiệm Đức Tin” sau truyền phép).

Hiến Tế Thánh Thể trong Thánh Lễ là một hiến tế được hiện thực ngay trên bàn thờ khi Giáo Hội cử hành Phụng Vụ Thánh Thể, một hiến tế Chúa Kitô đã hiến dâng một lần vĩnh viễn (xem Heb 9:25-26),

một hiến tế Giáo Hội chỉ lập lại để nhớ đến Người và nhờ đó áp dụng công ơn cứu chuộc vô cùng của Người cho trần gian cho đến khi Người lại đến trong vinh quang.

Theo đúng ý nghĩa phụng vụ, vào lúc vị giám mục hay linh mục chủ tế truyền phép xong thì phải ngẩng đầu để chiêm ngắm Thánh Thể khi ngài dâng Mình Thánh hay Máu Thánh lên cao, và sau đó mới cúi mình xuống thờ lạy Thánh Thể khi ngài hạ Mình Thánh hay Máu Thánh Xuống cho tới khi ngài bài quì rồi đứng lên.

*Khi chủ tế dâng Mình Thánh hay Máu Thánh lên, chúng ta có thể sử dụng kinh nguyện Chúa Giêsu dạy Chị Thánh Faustina trong Chuỗi Kinh Thương Xót như sau:*

- *"Lạy Cha hằng hữu, con xin dâng lên Chúa Mình và Máu, linh hồn và thiên tính của Con Chí Ái Cha là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, để đền bù tội lỗi chúng con và toàn thế giới".*

*Khi chủ tế hạ Mình Thánh hay Máu Thánh Xuống, chúng ta có thể vẫn tiếp tục sử dụng kinh nguyện Chúa Giêsu dạy Chị Thánh Faustina trong Chuỗi Kinh Thương Xót như sau:*

- *"Vì cuộc khổ nạn đau thương của Người, xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới"*

**Khi chủ tế bái gối**, trong khi cúi mình thờ lạy Chúa, chúng ta có thể đọc kinh nguyện Thiên Thần Hòa Bình dạy cho 3 Thiếu Nhi Fatima năm 1916 như sau:

- *"Lạy Chúa trời con, con tin kính Chúa, con thờ lạy Chúa, con trông cậy Chúa và con yêu mến Chúa - Xin Chúa tha cho những người không tin kính Chúa, không thờ lạy Chúa và không yêu mến Chúa".*

#### **4- Thánh Thể là Cử Hành Cánh Chung:**

*"Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy"*

Trong Thông Điệp Giáo Hội Sống Bồi Thánh Thể, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã xác tín Thánh Thể là một Cử Hành Cánh Chung vì chính Thánh Thể là một Bảo Chứng Cánh Chung ở khoản số 18 như sau:

*"Lời tung hô của cộng đồng sau phần truyền phép được chấm dứt một cách rất thích đáng với câu diễn tả cái trục cánh chung là yếu tố làm nên đặc tính của việc cử hành Thánh Thể (x 1Cor 11:26), đó là câu 'cho đến khi Chúa lại đến'. Thánh Thể là một vươn rộng kéo dài tới đích điểm, là một tiên hưởng niềm vui trọn vẹn như Chúa Kitô hứa hẹn (x Jn 15:11); Thánh Thể là tiên vọng được thừa*

hưởng nước trời một cách nào đó, là ‘một bảo chứng cho vinh quang mai hậu’ (Solemnity of the Body and Blood of Christ, Second Vespers, Antiphon to the Magnificat). Thánh Thể chứa tất cả những gì là tin tưởng đợi trông ‘với một niềm hân hoan hy vọng về việc tái giáng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta’ (Missale Romanum, Embolism following the Lord’s Prayer). Những ai được Chúa Kitô dưỡng nuôi bằng Thánh Thể không cần phải đợi chờ cho đến đời sau mới thừa hưởng sự sống trường sinh, vì họ đã chiếm hữu được sự sống này ngay trên trần gian, như là những hoa trái đầu mùa của một tình trạng toàn mãn mai hậu, một tình trạng sẽ làm cho con người nên hoàn thành trọn vẹn. Vì nơi Thánh Thể, chúng ta cũng có cả bảo chứng về việc phục sinh của thân xác vào ngày tận thế: ‘Ai ăn thịt Tôi và uống máu Tôi thì có sự sống đời đời, và Tôi sẽ làm cho họ sống lại trong ngày sau hết’ (Jn 6:54). Lời bảo chứng cho việc sống lại sau này ấy phát xuất từ sự kiện là xác thịt của Con Người được ban hiến như lương thực, là thân thể của Người ở trong tình trạng vinh hiển sau cuộc phục sinh. Lành nhận Thánh Thể là chúng ta thực sự tiêu hóa ‘cái bí mật’ của việc phục sinh vậy”.

Chiều Kích Cánh Chung của Mầu Nhiệm Thánh Thể nơi Thánh Lễ được thể hiện và báo trước ngay nơi việc truyền phép, ngay khi Thánh Thần xuống thánh hóa lễ vật bằng lời truyền phép của vị chủ tế. Bởi vì, ngay lúc ấy, ngay lúc bánh và rượu là hoa mầu ruộng đất và lao công của con người được biến thể

thành Minh Thánh và Máu Thánh Chúa Kitô Phục Sinh. Mâu nhiệm biến thể này nơi Thánh Thể đã bao gồm và hướng tới cả một Trời Mới Đất Mới, một thực tại được canh tân (x Rev 21:1,5), nhưng bắt đầu từ khi "Lời đã hóa thành nhục thể và ở giữa chúng ta" (Jn 1:14).

Đúng thế, Chúa Giêsu Thánh Thể thông ban Sự Sống Hiệp Thông cho Kitô hữu chi thể của Người để họ được hưởng một sự sống trường sinh bất diệt, "một sự sống viên mãn hơn", xuất phát từ Thân Thể Phục Sinh thông ban Thánh Linh của Người (x Jn 20:22).

Thế nhưng, Sự Sống Hiệp Thông đây không phải chỉ là sự sống giữa cá nhân Kitô hữu với Chúa Giêsu Thánh Thể họ Hiệp Lễ, mà là Sự Sống Hiệp Thông với Chúa Giêsu trong Giáo Hội là Nhiệm Thể của Người, cả Giáo Hội trần thế, lẫn Giáo Hội hiển vinh trên trời với Giáo Hội thanh tẩy trong luyện hình. Đó là lý do trong Phần Hiến Lễ, ở đoạn cuối, Kinh Nguyện Thánh Thể đã bao gồm cả Giáo Hội tam diện này, thứ tự (theo Kinh Nguyện Thánh Thể III) là Giáo Hội thiên quốc (qua việc xin Thánh Mẫu và các thánh chuyên cầu), rồi tới Giáo Hội lữ hành (qua việc cầu cho đích danh Đức Thánh Cha và vị Giám Mục địa phương cũng như hàng giáo phẩm toàn cầu), và Giáo Hội thanh luyện (qua việc cầu cho các linh hồn đã ra đi).

Ngoài ra, Sự Sống Hiệp Thông mà Kitô hữu nhận lãnh trong Thánh Lễ qua việc Hiệp Lễ là một sự sống viên mãn, tức sự sống đầy những hoa trái cứu độ của Chúa Kitô, một sự sống nơi Thân Nho Chúa Kitô cần phải làm sao để cũng trở sinh muôn vàn hoa trái nơi từng Cành Nho Kitô hữu.

Bởi thế, Sự Sống Hiệp Thông với Thánh Thể đây liên quan đến cả việc tông đồ truyền giáo nữa, tức liên quan đến việc để làm sao cho thế gian nhận biết Chúa Kitô là Đấng đang "ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế" (Mt 28:20), và nhờ đó thế gian cũng được thông dự vào Sự Sống Hiệp Thông này, đúng như ước nguyện của Chúa Giêsu trong Lời Nguyện Hiến Tế kết Bữa Tiệc Ly: "Con sống trong họ, Cha sống trong Con, để sự hiệp nhất của họ được trọn vẹn. Nhờ đó thế gian nhận biết rằng Cha đã sai Con và Cha đã yêu thương họ như đã thương yêu Con" (Jn 17:23).

***Do đó Thánh Thể còn là Bí Tích Yêu Thương***, ở chỗ "nhớ" đến Người là Đấng đã tự hiến để Giáo Hội và Kitô hữu được thánh hóa trong chân lý (x Jn 17:19), nên tác động yêu thương này liên quan đến mối liên hệ giữa Kitô hữu với Chúa Giêsu Thánh Thể trong cuộc sống hằng ngày.

Với tư cách là linh mục phổ quát, người tín hữu giáo dân cũng phải thánh hóa tất cả mọi việc mình làm

và tất cả mọi sự liên quan đến cuộc sống của mình, bằng lòng mến của mình, để mỗi mọi sự vật và sự việc cũng như mọi sự vật và sự việc của Kitô hữu được trở thành hy tế cứu độ “nhờ Người, với Người và trong Người” là Chúa Giêsu Kitô, một tác động thánh hóa của người tín hữu giáo dân với tư cách là linh mục phổ quát ấy, ở một ý nghĩa nào đó, đã chất chứa một tính chất bí tích học, như thực sự vẫn xảy ra trên bàn thờ, khi chất bánh và chất rượu, hay hình bánh và hình rượu, trên bàn thờ là những gì xuất phát từ cả thiên nhiên tạo vật (“hoa màu ruộng đất” hay “bởi cây nho”) lẫn “lao công của con người”, nhờ vị linh mục thừa tác chủ tế, sau khi đọc lời truyền phép, đã biến nên Mình Thánh và Máu Thánh Chúa Kitô vậy, một màu nhiệm biến thể, vừa hiện tại hóa vừa ngưỡng vọng Mầu Nhiệm Cánh Chung, khi mà tất cả mọi sự được Thiên Chúa canh tân cho một trời mới đất mới (Rev 21:5,1).



## Cảm Nghiệm Đức Tin nơi Kitô Hữu

**V**ấn đề cảm nghiệm đức tin nơi Kitô Hữu liên quan mật thiết đến lý do tại sao tôi theo Đạo Công Giáo là những gì quá hiển nhiên, chẳng những đối với tôi mà còn đối với hầu hết những người mang danh Công giáo như tôi, đó là vì tôi được sinh ra trong một gia đình đạo gốc. Thế thôi.

Năm ngày sau khi chào đời, cha mẹ tôi mang tôi đến nhà thờ để tôi được lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội, nhờ đó tôi được trở nên con cái của Thiên Chúa và được chính thức gia nhập Giáo Hội Công Giáo của Ngài, do Con Ngài thiết lập trên trần gian. Như thế, nói một cách khác, tôi theo Đạo Công Giáo là vì tôi được thừa hưởng niềm tin đạo giáo của cha mẹ tôi, như chính máu huyết của tôi được xuất phát từ các vị.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà tôi vẫn tiếp tục ở lại với Giáo Hội Công Giáo và cố gắng sống trung

thực trọn vẹn Đức Tin Công Giáo bao nhiêu có thể cho tới nay. Trái lại, có những lúc tôi có thể bỏ đức tin hay mất đức tin, nhất là khi đức tin bị thử thách bởi những đau khổ về thể lý, như bị bệnh nạn và trở thành như đồ vô dụng, hay về tâm lý, như bị oan ức hiểu lầm bởi những người thân tín nhất của mình, hoặc về luân lý, bị những người chung quanh khinh chê xa lánh vì lầm lỗi hay vì tính mê nết xấu của mình v.v.

Chưa kể đến chuyện có những lúc đức tin có vẻ cuồng tín hay duy tín, ở chỗ, hễ những gì không giải thích được bằng lý lẽ tự nhiên thì phải lấy đức tin bù lại, vì đó là mâu nhiệm nên con người không thể nào hiểu được. Hay có những lúc đức tin như bị khủng hoảng hoặc trở nên mâu thuẫn, như một đảng tin Chúa là Đấng vô cùng toàn năng và toàn thiện, đảng khác lại cứ thấy kẻ vô tội bị sát hại bởi thiên tai và nhân tai vô cùng thảm thương, hoặc thấy kẻ lành bị thiệt hại hay sát hại, như thể trời không có mắt!

## **Hạt giống đức tin**

Vì thế, vấn đề ở đây không còn là vấn nạn tại sao tôi theo Đạo Công Giáo nữa, mà là vấn đề đâu là lý do về những gì tôi hy vọng trong lòng (x 1Phêrô 3:15), hay đâu là nguyên nhân sâu xa cho niềm tin tưởng Công Giáo của tôi và ở nơi tôi, cho dù đức tin ấy có vẻ cuồng tín và mâu thuẫn, và cho dù tôi đã từng

trải qua những cuộc thử thách đức tin trong cuộc đời?

Thật vậy, rửa tội từ bé (do bố mẹ đạo gốc) hay khi đã thành người lớn dự tòng (trở lại để lấy vợ/chồng, trở lại vì được ơn lạ v.v.), đều chỉ là những cơ hội hay trường hợp rửa tội mà thôi, chứ không phải là nguyên nhân sâu xa của chính vấn đề tại sao tôi theo Đạo Công Giáo. Vấn đề chính yếu ở đây (dù đối với thành phần người lớn dự tòng) đó là lý do tại sao tôi tin đạo.

“Đạo” ở đây, theo chung Kitô giáo và riêng Công Giáo Việt Nam, chính là hay đồng nghĩa với “Đức Tin”. Bởi thế, tin Đạo là chấp nhận Đức Tin. Giữ Đạo là giữ Đức Tin. Truyền Đạo là truyền bá Đức Tin. Bỏ Đạo là bỏ Đức Tin. Từ vì Đạo là minh chứng Đức Tin. Thật ra, dù được rửa tội từ khi còn bé (dại) hay khi đã thành người lớn (khôn), Kitô hữu nào cũng đều ở trong trường hợp “đạo theo”, không theo vợ hay theo chồng thì theo bố mẹ của mình.

Đến đây vấn đề không còn là tại sao tôi theo đạo Công Giáo mà là tại sao tôi chấp nhận Đức Tin Công Giáo? Phải chăng Đức Tin Công Giáo chất chứa những chân lý không thể chối cãi và những màu nhiệm thần linh đã được mạc khải? Thế nhưng làm sao tôi biết được những chân lý đức tin và những màu nhiệm đức tin ấy là những gì bất khả ngộ, trọn

hào và đáng chấp nhận, nếu không phải vì Đấng đã mặc khải các mầu nhiệm ấy và truyền dạy những chân lý ngàn đời ấy!

Bởi vậy, cho dù theo đạo từ khi mới sinh hay được rửa tội như một người lớn dự tòng, cả hai đều chỉ có chung 1 lý do duy nhất và trên hết, đó là *chính nhờ ơn Chúa mà tôi theo đạo, mà tôi chấp nhận đức tin Công Giáo*: "*Không phải các con đã chọn Thầy mà là Thầy đã chọn các con*" (Jn 15:16). Và lý do duy nhất và trên hết khiến tôi theo đạo Công Giáo hay chấp nhận Đức Tin Công Giáo là vì tôi đã được chọn gọi bởi Chúa Kitô, bởi Đấng là "Đạo gốc", bởi Vị là gốc đạo, là căn nguyên và là nền tảng của đạo nói chung và Kitô Giáo nói riêng! Thế nhưng, tại sao tôi lại theo Vị Sư Phụ đã chọn gọi tôi ấy, trong khi tôi chưa hề biết Người là ai?

Đó là lý do, trong cả hai trường hợp, còn bé dại hay đã lớn khôn, đều lãnh nhận hạt giống đức tin, chứ không phải tân tòng lãnh nhận đức tin to hơn, khôn hơn, như tuổi đời của họ. Những người tân tòng chỉ khác với các hài nhi khi lãnh nhận bí tích rửa tội ở chỗ ý thức hơn về việc lãnh nhận phép rửa mà thôi. Do đó, vấn đề đức tin gia tăng không phải vì kiến thức tự nhiên của con người, bằng không các thần học gia và các linh mục giám mục có đức tin mạnh hơn tín hữu giáo dân! Trong khi đó có các vị thuộc thành phần này lại rớt đạo hay cấp tiến hơn ai hết.

Và chính vì đức tin đều được ban cho cả thành phần tâm tòng người lớn lẫn hài nhi mới sinh là ơn Chúa ban và là *hạt giống thần linh được gieo trong tâm hồn* của họ, mà cả hai đều phải làm sao để cho hạt giống đức tin này *nhỏ như hạt cải phát triển thành một cây to lớn* (x Mt 13:32).

Ở đây chúng ta nên lưu ý một vấn đề khá quan trọng đó là đối với các chân lý thần linh, thì tin tưởng rồi mới hiểu biết chứ không phải hiểu biết rồi mới tin tưởng. Lý do chính yếu là vì chân lý có trước lý trí là khả năng để nhận biết chân lý. Vì chân lý thần linh là những gì siêu việt vượt trên tầm mức lý trí linh hội của chúng ta mà chúng ta muốn phải hiểu biết rồi mới tin thì chẳng bao giờ chúng ta sẽ tin vì chẳng bao giờ lý trí của chúng ta hiểu biết hết và hiểu biết đủ để mà tin.

Thực tế cũng cho thấy, các tông đồ chỉ biết theo Chúa Kitô khi được Người kêu gọi, dù chưa hiểu biết tất cả sự thật về Người, nhưng nhờ sống với Người mà hiểu biết Người hơn và tin tưởng vào Người hơn. Kinh nghiệm tu đức cũng cho Kitô hữu chúng ta thấy rằng có những câu hay những đoạn Thánh Kinh nói chung và Phúc Âm nói riêng chúng ta mới đọc mà không hiểu gì hết, vì tính chất cao siêu huyền nhiệm của câu/đoạn này, cho đến một lúc nào đó, nhờ Thánh Linh hay được thanh tẩy,

chúng ta chợt nắm bắt được ý nghĩa sâu xa của câu/đoạn mạc khải thần linh ấy.

Theo kinh nghiệm tu đức thì đức tin gia tăng không phải do kiến thức tự nhiên mà là nhờ bị thử thách và đau khổ, nhất là được thanh tẩy, được tái sinh bởi trên cao (x Jn 3:3), cho càng tinh tuyền xứng với vị “Thiên Chúa là thần linh” (Jn 4:24), vị Thiên Chúa mà xác thịt không thể vươn tới (x Jn 3:6), ngoại trừ “trong tinh thần và chân lý” (Jn 4:24).

Cuộc đời Kitô hữu, như các tông đồ xưa, sau khi được Chúa chọn gọi, thật sự là một cuộc hành trình “theo Thầy”, để nhờ đó được Người tỏ mình ra cho, nhất là qua những cuộc thử thách, hầu có thể tin Người như Người thật sự là, chứ không phải theo ý nghĩ hay cảm nghĩ chủ quan và tự nhiên của chúng ta, những gì Thánh Phêrô đã bày tỏ, ngay sau khi tuyên xưng chính xác “Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16:16), nhưng bị Thầy nghiêm nghị quở trách.

Như thế, cả thành phần Kitô hữu tân tòng lẫn hài nhi mới sinh, sau khi lãnh nhận bí tích rửa tội đều phải làm sao để làm cho mầm mống thần linh là đức tin này lớn lên cho đến tầm mức trọn vẹn của đức tin. Ở chỗ, chấp nhận và đáp ứng tác động Thần Linh của Thiên Chúa trong cuộc đời của họ, một việc đáp ứng bất khả thiếu để được cứu độ: chấp

nhận - “*tin trong lòng thì được công chính*”; đáp ứng - “*tuyên xưng ngoài miệng thì được cứu độ*” (Rm 10:10). Vậy, sau khi tôi đã chấp nhận – *tin trong lòng*, tôi đã đáp ứng tác động Thần Linh của Thiên Chúa trong cuộc đời Kitô hữu Công giáo của tôi ra sao?

Vẫn biết chỉ có đức tin mới cứu độ, như Chúa Giêsu vẫn thường nói sau khi chữa lành: “*Đức tin của con đã cứu con*” (Mt 9:22; Lk 17:19), nhưng không phải kiểu “*sola fide*” được anh chị em Thệ Phản Tin Lành chủ trương, căn cứ vào các đoạn thư Rôma 3:22 và Galata 2:16 của Thánh Phaolô, mà đức tin cứu độ ấy cần phải được con người chấp nhận và đáp ứng nữa: “*Tin trong lòng thì được công chính, và tuyên xưng ngoài miệng thì được cứu độ*” (Rm 10:10), cho dù việc chấp nhận và đáp ứng bất khả thiếu này nơi con người và của con người, tự bản chất, không phải là chính yếu tố cứu độ con người như đức tin.

Bởi vì, hạt giống hay mầm mống đức tin cứu độ mà Kitô hữu Công Giáo lãnh nhận nơi Bí Tích Rửa Tội đây là gì, nếu không phải là đức tin của chung Giáo Hội, ***một đức tin tông truyền***, tức được truyền lại từ chính các Tông Đồ, thành phần chứng nhân tiên khởi đã trực tiếp sống với một Con Người mang tên Giêsu ở Nazaret cách đây trên 2000 năm là Lời Nhập Thể và Vượt Qua, đã tận mắt thấy và tận tai nghe cùng tận tay được sờ chạm đến một Sự Sống đã trở nên hữu hình cho chúng ta (x 1Jn 1:1-

3), Đấng được các Phúc Âm và các Thánh Thư của các ngài chứng thực chẳng những là Đấng Thiên Sai của Dân Do Thái mà còn là chính Đấng Cứu Thế của toàn thể nhân loại.

Chính vì thế mà hạt giống đức tin hay *mầm mống đức tin Kitô hữu lãnh nhận nơi Phép Rửa ban đầu này chất chứa "tất cả sự thật"* (Jn 16:13), *tất cả mạc khải thần linh là Chúa Giêsu Kitô, Đấng vẫn tiếp tục và liên tục tỏ mình ra cho từng Kitô hữu trong suốt cuộc đời của họ, như xưa Người đã tỏ mình ra cho các vị tông đồ và môn đệ của Người vậy – "Phần các con, các con cho Thầy là ai?"* (Mt 16:15), *để nhờ đó họ cũng có thể cảm nghiệm được Người như chính các vị, để chính họ cũng có thể nghiệm thực, tuyên tín và chứng thực rằng: "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống"* (Mt 16:16).

Nếu hạt giống hay mầm mống đức tin là tất cả sự thật, là tất cả mạc khải thần linh, mà tất cả sự thật và tất cả mạc khải này chính là Chúa Giêsu Kitô, thì mầm mống đức tin khi lãnh nhận Phép Rửa từ ban đầu này chỉ có thể đâm chồi và nảy nở cùng phát triển cho tới tầm vóc thành toàn của nó là một Chúa Kitô viên trọn (x Eph 4:13,15), bằng *việc nghiên gẫm Thánh Kinh* là những gì viết về Người (x Acts 1:2; Rm 1:3-4), cũng như bằng *việc thường xuyên lãnh nhận các Bí Tích Thánh*, nhất là việc Cử Hành Thánh Thể là Mầu Nhiệm Đức Tin mà thôi.



Chưa hết, Chúa Kitô còn tỏ mình ra cho Kitô hữu nơi cả đời sống của họ nữa, qua các biến cố của cuộc đời họ, nhất là bằng **đau khổ thử thách đức tin** của họ. Đó là lý do, sau khi được Thánh Phêrô tuyên xưng "*Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống*", Chúa Kitô mới tỏ cho vị trưởng tông đồ đoàn này biết thêm về một Đức Kitô Con Thiên Chúa hằng sống ấy như thế nào trên thực tế có liên quan đến đức tin của ngài, một đức tin cho dù đã sống với Thầy 3 năm và đã tuyên xưng rất chính xác về Thầy như vậy, cuối cùng vẫn bị thử thách đến độ đã 3 lần phũ phàng chối bỏ Người (x Mt 26:69-75). Thế nhưng, 3 lần phũ phàng chối bỏ này của ngài đã được bù đắp bằng 3 lần tuyên xưng yêu mến Thầy (x Jn 21:15-17), nhờ đó ngài đã xứng đáng được Thầy trao cho vai trò mục tử lãnh đạo và chăn dắt toàn thể đàn chiên của Người, đến độ sẵn sàng "theo Thầy" "đi đến bất cứ nơi nào Con Chiên tới" (Rev 14:4), ở chỗ dám liều mạng sống mình vì chiên như Thầy là vị mục tử nhân lành (x Jn 21:18-19; 10:10).

Như thế, đức tin có thể nói là một cảm nghiệm thần linh, là một kiến thức thần linh, được soi sáng bởi Lời Chúa và Thần Linh, vượt trên tất cả mọi thứ kiến thức tự nhiên khác, những thứ kiến thức như ở mức độ thực vật (sống theo máy móc, theo định luật tự nhiên), hay ở mức độ động vật (sống theo bản năng mù quáng), hoặc ở mức độ trí năng (cả về

phương diện thường thức bình dân căn bản phổ quát, như biết phân biệt sáng trưa chiều tối, cũng như công dụng và tác dụng của đồ vật hay đồ dùng v.v., lẫn phương diện trí thức, như kiến thức về các khoa học chuyên môn, chẳng hạn về vạn vật học, tâm lý học, triết học và thần học v.v.), và luân lý đạo đức (về tâm linh, biết phân biệt phải trái, tốt xấu, căn cứ vào nguyên tắc luân lý căn bản “ái nhân như kỷ - yêu người như mình”, ở chỗ, đừng làm cho người những gì mình không muốn họ làm cho mình, như giết người, gian dâm, trộm cướp, lừa đảo v.v.

## **Cảm nghiệm đức tin**

Đúng thế, trong đời sống tu đức của mình, tôi cảm thấy 2 điều không thể phủ nhận, đó là Cha trên trời, Vị Thiên Chúa thần linh vô hình hằng liên li tỏ mình ra cho tôi, chẳng những qua lời của Ngài trong Thánh Kinh nói chung và Phúc Âm nói riêng, mà còn qua cả các biến cố được Ngài quan phòng cho xảy ra trong cuộc đời của tôi, để mầm mống đức tin nơi tôi được gia tăng, nhờ đó, về ý thức đức tin, tâm hồn của tôi càng có được một cảm nghiệm thần linh sâu xa hơn trong Thánh Linh, và về hành động đức tin, cuộc đời của tôi có thể nỗ lực sống một cách trọn vẹn hơn tinh thần Phúc Âm của Chúa Kitô và như Chúa Kitô.

Về ý thức đức tin, nhờ Thánh Kinh, tôi đã quả thực thấy được rằng Kitô giáo là một đạo chân thật nhất và trọn hảo nhất, vì đạo này được phát xuất từ trời, một đạo bởi trời chứ không phải bởi bất cứ một phạm nhân nào, dù phạm nhân đó có là một vĩ nhân đáng thế gian khâm phục và tôn kính đi nữa.

Bởi vì, căn cứ vào giáo huấn Thánh Kinh, tức giáo huấn được mạc khải từ trời, từ Con Thiên Chúa hóa thân làm người là Chúa Giêsu Kitô, tôi thấy được tất cả sự thật về con người nói chung và của tôi nói riêng, cũng như mới thấy được đâu là chân trời của cuộc sống của con người, một chân trời mà nếu con người không vươn tới không thể nào trở nên viên trọn.

Tất cả sự thật về con người và chân trời của cuộc sống con người, nhờ Phúc Âm, tôi đã thấy nơi giáo huấn cũng như nơi đời sống của Vị Thiên Chúa ở cùng chúng ta, một giáo huấn siêu việt được hiện thực nơi Con Người của Đức Giêsu Kitô, Vị Cứu Chúa duy nhất của tôi cũng như của toàn thể nhân loại.

Thánh Kinh chất chứa tất cả mạc khải thần linh của Thiên Chúa chẳng những muốn thấu hiểu con người cần phải được ơn soi sáng, được vị Thánh Thần Linh Ứng viết ra hướng dẫn, mà còn muốn thực hành cũng cần phải có ơn Chúa mới được, chứ không

phải dễ dàng, vì giáo huấn Thánh Kinh là những gì thần linh siêu việt, (chứ không phải là một hệ thống triết lý vừa tầm mức tâm linh của con người), và hoàn hảo hóa con người tội lỗi thường hèn, (chứ không phải chỉ là một khoa luân lý học thuần túy và thuần nhân vừa sức loài người không cần đến ơn trợ giúp thần linh cũng có thể thực hành), những chân lý không thể nào sai lầm và lỗi thời, không thực hành không thể sống bằng an và hạnh phúc thực sự.

Kinh nghiệm bản thân cho tôi thấy rằng dù tôi không được điểm phúc sống trực tiếp với nhân vật lịch sử mang danh Giêsu Nazarét, tận mắt nhìn thấy Người, tận tay sờ đến Người và tận tai nghe lời của Người, như các vị tông đồ xưa (x 1Jn 1:2-3), nhưng đức tin của tôi và của các tông đồ cũng y như nhau và cũng chỉ là một. Ở chỗ, cũng chỉ có một cốt lõi, một đối tượng, một sự thật ở bên trong con người lịch sử Giêsu Nazarét, một sự thật cho thấy con người lịch sử Giêsu Nazarét này thực sự là Đấng Cứu Thế, đó là "Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" (Mt 16:16).

Tuy nhiên, cho dù nhờ mạc khải thần linh các tông đồ có tuyên xưng chính xác "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống", nhưng tự bản thân của mình, các vị vẫn chưa thấu hiểu tất cả sự thật ấy và vẫn sống ngược với sự thật ấy, thậm chí chối bỏ sự thật cứu rỗi tối hậu là chính "Đức Giêsu Kitô, Con

Thiên Chúa hằng sống" ấy, như đã phủ phàng xây ra nơi trường hợp Thánh Phêrô.

Riêng tôi, chẳng những không được thấy nhân vật lịch sử Giêsu Nazarét bằng xương bằng thịt như các vị tông đồ, mà còn không được tham dự trực tiếp vào Mầu Nhiệm Vượt Qua của Người qua các biến cố tử nạn và phục sinh của Người để nhờ đó có thể chân nhận "Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa của tôi" (Jn 20:28) - "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống", tôi cũng có thể nhận ra Đấng đã chọn gọi tôi là Vị Thiên Chúa nhập thể, là Đấng Cứu Thế duy nhất của loài người, nơi những lời Người truyền dạy, bởi vì, những lời truyền dạy vô cùng cao siêu tuyệt hảo này không thể nào xuất phát từ một con người thuần túy, và nhất là những lời giáo huấn của Người ấy chẳng những chạm đến chính bản thân tôi mà còn khiến nhân tính của tôi cảm thấy vô cùng nhức nhối đến tuyệt vọng vì không thể nào vươn tới, như trường hợp các vị tông đồ đã trải qua trong cuộc khổ nạn và tử giá của Thầy mình là "Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" vậy.

## **Chứng Thực Đức Tin**

Sau đây là những gì đã cho tôi thấy chung Thánh Kinh và riêng Phúc Âm quả thực là mạc khải thần linh, nhờ đó, Kitô giáo tin nhận mạc khải thần linh được ghi nhận trong bộ Thánh Kinh nói chung và

Phúc Âm nói riêng này là một đạo bởi trời. Là vì, trong bộ Thánh Kinh bao gồm cả Phúc Âm chất chứa những yếu tố thần linh.

Yếu tố thần linh trước hết và trên hết trong *bộ Thánh Kinh cho thấy tính chất mạc khải thần linh* đó là những hình ảnh và lời tiên tri trong Cựu Ước thuộc lịch sử Dân Do Thái là dân tộc cho tới nay vẫn chưa tin nhận Chúa Kitô Thiên Sai hoàn toàn ứng nghiệm và nên trọn nơi nhân vật lịch sử Giêsu Nazarét, một nhân vật đã chẳng những được Phúc Âm Thánh Ký Marcô nhất là Mathêu viết cho người Do Thái chứng thực bằng những trích dẫn ứng nghiệm về Người, mà còn tự mình chứng thực mình là Đấng Thiên Sai với dân tộc này thời ấy như được Phúc Âm Thánh Ký Gioan trình thuật. Tình trạng dân Do Thái không chấp nhận nhân vật Giêsu Nazarét là Đấng Thiên Sai của họ cũng hùng hồn cho thấy rằng quả thực đã có một nhân vật như vậy, bị họ phủ nhận, cho tới nay.

Không phải vì bị dân Do Thái phủ nhận mà nhân vật Giêsu Nazarét không còn là hay không phải là Đấng Thiên Sai được Thiên Chúa sai đến, vì Người là Đấng được sai đến để không phải chỉ để cứu dân Do Thái khỏi quyền lực về chính trị trần thế bấy giờ (dưới thời đế quốc Rôma thống trị) theo lòng họ mong ước, như đã từng xảy ra trong giòng Lịch Sử Cứu Độ của họ, mà chính là để cứu chung nhân loại

khỏi tội lỗi và sự chết như một Đấng Cứu Chuộc Nhân Trần – Redemptor Hominis (nhân đề của bức thông điệp đầu tay của Đức Gioan Phaolô II ban hành vào Chúa Nhật I Mùa Chay ngày 4/3/1979), một Chúa Cứu Thế được Phúc Âm Thánh Luca viết cho Dân Ngoại đã đặc biệt nhấn mạnh về chiều kích nhân bản của Người, và được Phúc Âm Thánh Gioan viết cho nội bộ Giáo Hội cho thấy sâu xa về chiều kích thần tính siêu việt của Người.

Giáo Hội được Chúa Kitô thành lập, cho dù xuất phát từ cộng đồng dân Do Thái và ở Giêrusalem, vẫn là một cộng đồng Tân Ước Công Giáo chính yếu làm nên bởi Dân Ngoại và cho toàn thể nhân loại, bao gồm cả dân Do Thái, một cộng đồng môn đệ của Người đã bao trùm khắp trái đất như lòng Người mong ước, một cộng đồng nhờ được Người ở cùng cho đến tận thế (x Mt 28:19-20), mà cho dù có liên li bị bách hại và sát hại ở mọi nơi và mọi đời trên khắp thế giới, chẳng những không bị tận diệt mà còn nhờ đó sinh muôn vàn hoa trái, đúng như thân phận của Người là một hạt lúa miến bị mục nát đi trong lòng đất (x Jn 12:24).

***Sự tồn tại và phát triển của một cộng đồng Giáo Hội Công giáo*** này đã là một chứng cứ hùng hồn cho thấy sự hiện diện thần linh của nhân vật lịch sử Giêsu Nazarét, Đấng đã bị dân Do Thái sát hại bằng bàn tay quyền lực của đế quốc Rôma Dân Ngoại vào

thời điểm lịch sử ấy, nhưng Người đã sống lại từ trong kẻ chết, đã chiến thắng tội lỗi và sự chết, và hoàn toàn làm chủ trời đất (x Mt 28:18). Giáo Hội Công giáo của Đấng đã chết nhưng nay vẫn sống muôn đời này (x Rev 1:18) thậm chí còn trở thành "ánh sáng muôn dân - lumen gentium" (nhan đề của Hiến Chế tín lý về Giáo Hội của Công Đồng Chung Vaticanô II ban hành ngày 21/11/1964), bằng một thể chế hoàn toàn quân chủ mà vẫn vững vàng trước một thế giới văn minh về cả vật chất lẫn nhân quyền, với cơ cấu tổ chức dân chủ nhưng lại đang phá sản văn hóa và luân lý, một thể chế quân chủ của Giáo Hội mà đối nội đã trở thành có vấp ngã cho nhiều phần tử cấp tiến muốn canh tân Giáo Hội theo chiều hướng thế gian.

Giáo Hội Công giáo tuy tiếp tục thể chế quân chủ, cho dù qua giòng lịch sử thể chế này đã có những lạm dụng đáng tiếc, và cho dù có những lúc bị phong trào tân thời muốn cách mạng từ bên trong, vẫn tồn tại như một chứng cứ hùng hồn cho thấy quả thực Đấng thiết lập Giáo Hội vẫn không bao giờ bỏ Giáo Hội, và không gì có thể phá hủy nổi Giáo Hội của Người (x Mt 16:18). Sở dĩ Giáo Hội tồn tại, chẳng những vì được chính Chúa Kitô Phục Sinh ở cùng, mà còn được Thánh Thần do Người về trời từ Cha sai đến hướng dẫn "vào tất cả sự thật" (Jn 16:13) nữa. Ở chỗ, Giáo Hội luôn canh tân theo tinh thần và giáo huấn Phúc Âm của Chúa Kitô, một tinh thần



và giáo huấn hoàn toàn vượt lên trên lý lẽ và ý hệ trần gian, thậm chí hoàn toàn phản nghịch lại với những gì thế gian chủ trương và theo đuổi. Chẳng hạn như ít là những tinh thần và giáo huấn tiêu biểu như được đích thân Chúa Kitô sống và truyền dạy sau đây:

1. *Làm đâu là làm tôi tớ phục vụ;*
2. *Làm hòa với những ai phạm đến mình;*
3. *Yêu thương kẻ thù của mình;*
4. *Phúc vì bất hạnh khổ đau;*
5. *Bình an trong đau khổ.*

## **Tinh Thần Đức Tin**

Những tinh thần và giáo huấn siêu việt cho thấy nguồn gốc bởi trời của chúng (chứ không thể nào bởi người, bởi một phạm nhân được gọi là vĩ nhân nào nghĩ ra và dám truyền dạy) này đã chẳng những được Chúa Kitô truyền dạy mà còn làm gương nữa.

*Làm đâu là làm tôi tớ phục vụ:*

Nguyên tắc và đường lối này không phải chỉ áp dụng cho riêng vai trò thủ lãnh mà còn cho hết mọi phương diện khác của đời sống xã hội loài người. Ở chỗ, tất cả những gì bản thân tôi có là để chia sẻ, để ban phát cho anh chị em tôi, nhất là những ai thua kém tôi liên quan tới những gì tôi được phúc hơn

họ. Chứ không phải những gì tôi có hơn người là để cho riêng mình tôi hưởng thụ và dựa vào đó mà khinh thường những ai không được như tôi.

Đó là lý do, nếu không sống theo đường lối và nguyên tắc "không hưởng thụ nhưng phục vụ" theo gương của Đấng đã "đến để hiến mạng sống mình cho nhiều người được cứu độ" (Mt 20:28), Đấng là Thầy và là Chúa mà còn rửa chân cho các con" (Jn 13:13-14), thì nguyên tắc và đường lối "quân - sự - phụ" chủ trương người dưới phải hy sinh cho người trên sẽ dễ dàng trở thành một thể chế xã hội chất chứa sẵn để quốc tính một cách không ngờ, bao gồm cả tục đa thê trọng nam khinh nữ v.v.

Kinh nghiệm thực tế và lịch sử cho thấy, một trong những lý do chính yếu khiến xã hội loài người không thoái bất hòa và bất ổn, nhất là tình hình thế giới từ cuối thế kỷ 20 sang đầu thế kỷ 21 hiện nay, là vì thành phần lãnh đạo tham quyền cố vị, tranh giành quyền bính và quyền lợi, bất chấp thiệt hại cho công ích và công dân, hoàn toàn không vì dân vì nước. Tình hình xã hội từ trước đến nay được cai trị và lãnh đạo bởi những con người nhiễm lây nguyên tội như thế càng chứng tỏ cho thấy tinh thần và giáo huấn "không hưởng thụ nhưng phục vụ" của Chúa Kitô là chính xác và bất khả bỏ qua để kiến tạo một xã hội an vui thịnh vượng.

*Làm hòa với những ai phạm đến mình:*

Nguyên tắc và đường lối làm hòa với những ai phạm đến mình này (x Mt 5:23-24) thật là chói tai, hoàn toàn phản lại với lý lẽ tự nhiên và cảm thức tự ái của con người. Ở chỗ, người nào xúc phạm đến tôi thì phải đến xin lỗi tôi, đòi nào có chuyện tôi là nạn nhân lại đi làm hòa với phạm nhân! Xin lưu ý, ở đây, trong Bài Giảng Phúc Đức Trọn Lành Trên Núi, Chúa Kitô không dạy thành phần môn đệ chúng ta phải đi xin lỗi những ai xúc phạm đến chúng ta, mà là làm hòa với họ. Ở chỗ, tự động tha thứ cho họ, không chấp nhất với họ, thông cảm với họ.

Chúa Kitô chính là lễ vật giao hòa đã được Thiên Chúa tự động thực hiện với loài người tội lỗi, sau khi họ xúc phạm đến Ngài nơi nguyên tội, thậm chí sau khi sa ngã phạm tội còn không hề ngỏ lời xin lỗi Ngài, thế mà Ngài vẫn không chấp, vẫn thứ tha bằng cách hứa ban Đấng Cứu Thế cho họ (x Gen 3:15): "Trong khi chúng ta còn là những kẻ thù của Thiên Chúa, chúng ta đã được hòa giải với Ngài bằng cái chết của Con Ngài" (Rm 5:10-11); hay "Thiên Chúa là Đấng đã hòa giải chúng ta với chính mình Ngài nơi Chúa Kitô" (2Cor 5:18-19).

Kinh nghiệm thực tế và lịch sử cho thấy nếu cứ chấp nhất nhau sẽ không bao giờ hết hận thù. Điển hình nhất là trường hợp hơn nửa thế kỷ qua ở Thánh Địa, nơi xảy ra cuộc xung đột giữa dân Do Thái và người Palestine, một cuộc xung đột theo đường lối mắt

đền mắt rắng đền rắng nên càng ngày càng khốc liệt và đi đến chỗ tắc nghẽn, chẳng một thế lực trần gian nào, dù là Khối 4 bên, có thể giải quyết được, nếu chính hai bên không áp dụng tinh thần và giáo huấn làm hòa với những ai làm khốn mình. Tức là phải làm sao để có thể tự động tha cho anh chị em mình, dù cho họ có cố tình xúc phạm đến mình đi nữa, chứ không phải vô tình mới tha và chứ không phải chỉ tha một lần duy nhất mà là tha mãi mãi (x Mt 18:22).

*Yêu thương kẻ thù của mình:*

Làm hòa với những ai làm khốn mình đã là một chuyện hoàn toàn phi lý và nghịch lý, không thể chấp nhận theo phép công bằng và lòng tự ái của con người, hoàn toàn không thực tế theo tự nhiên chứ đừng nói đến chuyện thực hành những gì được coi là hết sức quái quẩn, ngu si, điên độn, vô cùng nhục nhã này. Bởi thế, nếu muốn thực hành con người cần phải có ân sủng thần linh mới có thể với tới những gì được chính Trời Cao huấn dạy một cách siêu việt trọn lành này, những gì giúp cho con người có thể vượt thoát mình để "trở nên mọi sự cho mọi người" (1Cor 9:22), để là anh chị em của mọi người chứ không bắt mọi người phải là anh chị em của mình trước đã, ở chỗ, họ cần phải hợp với mình, thích mình, bên mình, giúp mình v.v., rồi họ mới được mình thương yêu và mới đáng mình yêu thương, mới là anh chị em của mình (x Lk 10:29, 36-37).

Tâm mức yêu thương của Kitô giáo, của một đạo giáo bởi trời này không chỉ dừng ngay tại chỗ đó, như tột đỉnh của đức ái trọn hảo thần linh. Hơn thế nữa, theo giáo huấn và gương của chính Đấng Sáng Lập là Chúa Kitô, Lời Nhập Thể và Vượt Qua, những ai theo Người và làm môn đệ trung thực của Người còn cần phải yêu thương cả kẻ thù của mình nữa (x Mt 5:44). Vẫn biết tha thứ cho nhau, không phải vì được xin lỗi, mà là tự động thứ tha cho nhau, cho dù mình bị cố tình xúc phạm đến và bị xúc phạm đến nhiều lần, đã là một cử chỉ và thái độ yêu thương siêu việt trọn lành. Thế nhưng, đó vẫn chưa phải là tất cả những gì cho thấy tình yêu thương vô cùng nhân hậu của Thiên Chúa, "Đấng đã không dung tha cho Con Một mình, một đã phó nộp Người vì tất cả chúng ta" (Rm 8:32) là kẻ thù của Ngài, là thành phần tạo vật đã cố tình xúc phạm đến Ngài ngay từ ban đầu nơi hai nguyên tổ (xem Gen 3:1-15).

Nếu chính Con Thiên Chúa đã xin cùng Cha của mình "tha cho họ vì họ lầm không biết việc họ làm" (Lk 23:34) trên cây thập tự giá cho thành phần cố tình lên án tử cho Người và dạy các tông đồ là hãy yêu thương nhau như Người đã yêu thương các vị (xem Jn 13:34,15:12), đến hiến mình cho các vị là thành phần phản nộp Người, bỏ Người mà trốn chạy, và nhất là trắng trợn chối bỏ Người, thì những ai muốn làm môn đệ của Người, muốn theo Người, muốn nên giống Người cũng phải yêu thương

những ai thù hằn oán ghét mình, làm hại mình, bách hại mình, sát hại mình, không phải ở chỗ chỉ tha thứ lỗi lầm cho họ mà còn sẵn sàng thi ân giáng phúc cho họ, thậm chí dám chết cả cho họ được rồi nữa (x Lk 6:27-29; Mt 5:39-41). Ôi, tầm mức yêu thương trọn hảo tột cùng ấy không thể nào có được trên trần gian đầy vị kỷ và gian tham phạm tặc này, ngoại trừ nơi chính Đấng là Tình Yêu (x 1Jn 4:8,16) đã hóa thân làm người nơi Chúa Giêsu Kitô và hiện thực hóa bản tính là tình yêu của Ngài nơi cuộc Vượt Qua của Con Ngài.

***Phúc vì bất hạnh khổ đau:***

Chưa hết, Kitô giáo là đạo bởi trời còn được thể hiện hết sức rõ ràng nơi một thái độ hoàn toàn nghịch lý và ngược đời nữa, đó là thái độ hay tâm trạng cảm thấy hạnh phúc trước những bất hạnh và khổ đau xảy ra cho bản thân mình. Những gì vồn được Kitô hữu Công giáo gọi là Tám Mối Phúc Thật đã xuất phát từ Bài Giảng Phúc Đức Trọn Lành Trên Núi của Đấng là hiện thân của Tình Yêu vô cùng nhân hậu của Thiên Chúa, những phúc đức trọn lành Người đã dạy cho thành phần môn đệ của mình, trong đó, hai phúc cuối cùng có thể nói là hai thứ phúc quái lạ và quái gở nhất: *"Phúc cho những ai bị bắt bớ vì sự công chính, vì Nước Trời là của họ. Phúc cho các con bị người ta vì Thầy mà sỉ vả và bắt bớ, lăng nhục các con đủ thứ. Hãy vui xướng và hân hoan, vì phần*

*thường của các con rất lớn lao ở trên trời: vì họ cũng đã bắt bỏ các tiên tri, tiên bô của các con như thế" (Mt 5:10-12).*

Thật vậy, nếu "đời là bể khổ", một hiện tượng hoàn toàn ngược lại với thân phận của con người được dựng nên là để tìm kiếm hạnh phúc chân thực và bất diệt thì họ làm sao có thể chấp nhận đau khổ, trái lại, theo khuynh hướng tự nhiên, họ sẽ liên li tìm cách tránh né đau khổ bao nhiêu có thể, thậm chí còn bất chấp thủ đoạn tiêu diệt nó đi, như bằng cách tự tử, phá thai, hay triệt sinh an tử, chứ làm gì lại có thái độ vui chịu đau khổ, chưa nói đến việc lại còn lấy đau khổ làm hạnh phúc theo như giáo huấn ở Bài Giảng Trên Núi của Đấng Sáng Lập Kitô giáo. Phải chăng giáo huấn này là một thứ phản nhân bản, cuồng tín (như kiểu tự nguyện ôm bom khủng bố tấn công) và hoang đường, bất khả thi?

Thế mà, theo lịch sử Kitô giáo đã cho thấy, theo gương của Đấng Sáng Lập đã xin Cha tôn vinh Người trên thập tự giá (x Jn 17: 1,4-5), và trung thành với giáo huấn thần linh chí thiện của Người, đã không thiếu những người môn đệ của Người cảm thấy như thế khi xin cho mình được *phúc tử đạo*, với một tâm hồn hoàn toàn vui tươi hớn hở, bất chấp mọi cực hình man rợ nhất trần gian, mọi hận thù tàn ác nhất trên đời. Trong số đó, tiêu biểu nhất và nổi bật nhất là Vị Tông Đồ Dân Ngoại Phaolô, vị

đã ra tay bách hại chính tôn giáo mà sau đó ngài đã hiên ngang tuyên bố rằng: "*Chớ gì tôi không còn vênh vang nào khác ngoài thập giá của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta! Nhờ đó, thế gian đã bị đóng danh cho tôi và tôi cho thế gian*" (Gal 6:14). Cũng thế, sau khi hai vị Tông Đồ Phêrô và Gioan bị Hội Đồng Đầu Mục Do Thái bắt giữ, đánh đập và cấm cách việc loan truyền Chúa Kitô Thiên Sai, các vị "*đã đầy hân hoan vì bị đố kỵ tàn tệ vì Danh Người*" (Acts 5:41).

### ***Bình an trong đau khổ:***

Một dấu hiệu cuối cùng cho thấy Kitô giáo là đạo bởi trời đó là tâm trạng của thành phần môn đệ đích thực của Chúa Kitô vẫn sống một cách bình an trong tất cả mọi gian nan khốn khó khổ đau, đến độ, không một sự gì có thể làm họ trở nên bất an, bất hòa, bất hạnh, căm tức, hận thù, chán nản hay tuyệt vọng. Trái lại, chính những đau khổ thử thách lại càng làm cho họ trở nên một cảnh nho càng sinh nhiều hoa trái hơn (x Jn 15:2). Thứ bình an họ có đây là một thứ bình an bởi trời, một thứ bình an thế gian không thể nào có được (x Jn 14:27), vì thế gian này, theo giòng lịch sử, bình an chỉ là lúc không có chiến tranh loạn lạc theo nghĩa chính trị, chứ không có thứ bình an ngay trong chiến tranh, hoặc chỉ là lúc con người được lý trí mù quáng trấn an lương tâm để sống theo đam mê nhục dục để rồi sau đó tràn đầy bất an, ân hận và ray rứt khôn nguôi.



Đúng thế, thứ bình an mà thành phần môn đệ đích thực của Chúa Kitô cảm nghiệm thấy là thứ bình an được ban cho bởi Đấng đã mang xuống từ trời (x Lk 2:14) và đã thông ban cho các tông đồ sau khi Người phục sinh từ trong cõi chết (x Lk 24:36; Jn 20:19,21), hoàn toàn chiến thắng tội lỗi và sự chết bằng Cuộc Vượt Qua của Người. Bình an trong gian nan khôn khó khổ đau nơi thành phần Kitô hữu môn đệ trung thực của Chúa Kitô cho thấy con người của họ đã được chiếm đoạt và ngự trị bởi "tất cả mọi quyền năng trên trời dưới đất" (Mt 28:18) của Chúa Kitô Phục Sinh. Đến độ, họ thậm chí còn có thể trừ được cả quỷ thần, có thể nắm trong tay rắn độc, uống cả độc dược mà cũng không sao, và chữa lành bệnh hoạn tật nguyên (xem Marcô 16:17-18).

Một trường hợp điển hình về tình trạng bình an trong đau thương khôn khó thử thách nhưng chẳng những không bị hủy diệt mà còn càng trở sinh muôn vàn hoa trái thiêng liêng này có thể thấy nơi Vị Tông Đồ Dân Ngoại, vị đã chẳng những bị rắn độc quấn lấy tay mà vẫn chẳng hề hấn gì trước mặt đám dân địa phương trên Đảo Malta sau vụ đắm tàu (x Acts 28:1-6), trái lại, còn vì Chúa Kitô và sứ mệnh loan truyền Phúc Âm của Người đã liên tục chịu biết bao nhiêu là thử thách kinh hoàng (2Cor 11:23-28), nhưng vẫn hiên ngang sống lại còn thách đố thế gian rằng: "*Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Chúa Kitô? Thử thách hay buồn khổ, bách bớ hay đói*

*khát, trần truồng hay hiểm nguy hoặc gươm giáo ư?" (Rm 14:35), không một sự gì, như chính ngài quả quyết, "có thể phân ly chúng ta khỏi tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta trong Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta" (Rm 8:39).*

Theo cảm thức về tôn giáo nói chung và Kitô giáo của mình nói riêng, tôi thấy rằng:

1. Kitô giáo là một đạo bởi trời, bởi giáo thuyết siêu việt của nó được mạc khải từ trời và chỉ có ân sủng thần linh mới có thể thấu hiểu và thực hành những giáo huấn ấy;
2. Tuy nhiên, Kitô giáo cũng là một đạo nhập thế và nhập thể, như chính Đấng Sáng Lập của nó, vì, như nhân tính của Người được thần linh hóa bởi Thần Tính của Người thế nào, thì nhân tính của con người, nhờ giáo thuyết cao siêu thần linh của Người, mới có thể trở nên trọn hảo như thần linh;
3. Cho nên tôi tin tưởng và theo đạo Công giáo là vì nhờ Phúc Âm của Kitô giáo con người của tôi mới có thể đạt đến tâm vóc trọn vẹn của mình là loài đã được dựng nên theo hình ảnh thần linh trong tự như Thiên Chúa để nhờ đó có thể được hiệp thông thần linh với Ngài trong tinh thần và chân lý.

## Gia Tăng Đức Tin

### Để biết được đức tin gia tăng

**C**ho dù đức tin không tồn tại vĩnh viễn như đức mến và cho dù con người chỉ bị phán xét về đức ái để có thể được sống vĩnh hằng hay bị muôn đời luận phạt (x Mt 25:31-46), thế nhưng, nếu không có đức tin con người sẽ không được cứu rỗi: "*Ai tin vào phúc âm và lãnh nhận phép rửa thì được cứu độ bằng ai không tin thì bị luận phạt*" (Mc 16:16); "*Thiên Chúa đã yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một mình để ai tin vào Người thì không phải chết nhưng được sự sống đời đời... Ai tin vào Người thì không bị luận phạt, còn ai không tin thì bị luận phạt rồi...*" (Gio 3:16,18).

Thực tế cũng cho thấy, nếu không có đức tin thì cũng không thể nào có đức ái là hoa trái của đức tin, và vì "đức tin hoạt động qua đức ái" (Gal 5:6) mà cho

dù cả hai thành phần chiêm và dề đều thua cùng vị thẩm phán tối cao rằng: "chúng tôi có thấy Chúa đâu" (Mt 25:37,44), nhưng chỉ có thành phần chiêm mới được hưởng vinh phúc ngàn thu bởi không thấy mà vẫn sống bác ái theo đức tin cứu độ của mình. Ở đây chúng ta thấy không phải chỉ cần có "duy một mình đức tin - sola scriptura" theo như chủ trương của anh chị em Tin Lành, mà còn cần cả việc làm bác ái của thành phần tin tưởng nữa.

Đối với anh chị em tin lành (evangelicals) thì vấn đề cốt lõi của họ đó là con người có chấp nhận Đức Giêsu Kitô là Chúa và là Đấng Cứu Thế hay chẳng, một vấn đề then chốt liên quan đến chủ trương "duy tín - sola fide" của họ. Nghĩa là, căn cứ vào các đoạn Thánh Kinh Tân Ước, đặc biệt của Thánh Phaolô, như ở Thư Rôma 3:22, Galata 2:16, nhất là ở Ephêsô 2:8: "*anh em được cứu độ là do ân sủng của Người nhờ đức tin. Đó không phải là việc làm của anh em mà là tặng ân của Thiên Chúa*", chỉ cần duy đức tin (đồng nghĩa với ân sủng) là đủ được cứu rồi, chứ không cần việc làm (đồng nghĩa với công nghiệp) của con người, bằng không công ơn cứu chuộc của Chúa Kitô sẽ bị vô hiệu hóa hay giảm thiểu hóa giá trị vô cùng của nó.

Nếu được anh chị em Tin Lành thường hay đặt vấn nạn "anh/chị đã được cứu rồi chưa - have you been saved?", chúng ta cần phải nắm vững vấn đề và

mạch lạc trả lời cho họ. Trước hết, chúng ta hãy nhớ kỹ 3 câu Thánh Kinh Tân Ước nòng cốt sau đây, (đối lại với 3 câu Thánh Kinh Tân Ước của họ trên đây), liên quan đến vấn đề đức tin cần phải được thể hiện bằng việc làm: "**tin trong lòng thì được nên công chính, tuyên xưng ngoài miệng thì được cứu rỗi**" (Rm 10:10); "**đức tin hoạt động qua đức ái**" (Gal 5:6); "**con người được công chính bởi việc mình làm chứ không phải bởi nguyên đức tin... Đức tin không việc làm là đức tin chết**" (Gia 2:24,26). Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo (số 161-162) công nhận con người được cứu độ bởi cả đức tin lẫn việc làm.

Riêng tôi, tôi sẽ trả lời cho vấn nạn "*anh đã được cứu rỗi chưa - have you been saved?*" của anh chị em Tin Lành như sau.

- ❖ *Tôi đã được cứu rồi nơi Chúa Kitô, thế nhưng tôi chưa hoàn toàn được cứu độ nơi chính bản thân mình, vì muốn được cứu cần phải có đức tin.*

Chắc họ sẽ hỏi tôi rằng tại sao lại như thế, hay hỏi rằng vậy anh chưa có đức tin hay sao khi anh lãnh nhận phép rửa v.v.? Tôi sẽ tiếp tục dẫn giải những gì tôi cố gắng trình bày cho họ hiểu:

- ❖ *Bởi vì đức tin, như hạt giống thần linh (x Mt 13:4-9) gieo trong tâm hồn của những ai lãnh nhận phép rửa, và tùy theo mảnh đất tâm hồn*

*của họ mà có thể tăng lên hay giảm xuống hoặc mất đi hay chết đi nơi họ, mà một khi mất đi, chết đi, Kitô hữu không còn đức tin nữa thì làm sao được cứu độ!*

Có thể họ sẽ hỏi tôi rằng làm sao an biết được rằng đức tin tăng lên hay giảm xuống hoặc mất đi chứ? Tôi sẽ dẫn họ tới một kết luận không thể chối cãi như sau:

- ❖ *Nếu “đức tin không việc làm là đức tin chết” (Gia 2:14,17) và “đức tin hoạt động qua đức mến” (Gal 5:6), thì đức tin gia tăng hay giảm sút có thể được trải nghiệm ở đức bác ái của Kitô hữu. Bởi thế, trong cuộc chung thẩm khi phán xét chung loài người liên quan đến phần rỗi đời đời của họ, Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ không phán xét về đức tin mà chỉ cần xem quả đức mến là biết cây đức tin ra sao để phân loại họ thành chiên được cứu hay dê hư mất.*

Phải, một trong những dấu chứng đích thực nhất và sống động nhất cho thấy đức tin nơi Kitô hữu là thành phần môn đệ chứng nhân của Chúa Kitô đó là đức ái trọn hảo của họ, một đức ái khiến cho thế gian có thể nhờ đó mà nhận biết Người (x Gio 13:35). Đức ái càng cao thì đức tin càng mạnh, hay ngược lại cũng thế, đức tin càng mạnh thì đức ái càng cao. Chỉ cần căn cứ vào đức ái của một Kitô

hữu xem trọn hảo tới đâu thì đủ biết trình độ đức tin của họ ở mức độ nào và như thế nào.

## Để gia tăng đức tin

Vấn biết đức tin liên quan đến ân sủng của Thiên Chúa mới là yếu tố chính yếu cứu độ, chứ không phải việc làm hay công trạng của con người. Tuy nhiên, nếu ân sủng là yếu tố nhưng không nơi Thiên Chúa trong dự án cứu độ và công cuộc cứu độ của “*Thiên Chúa là tình yêu*” (1Gio 4:8,16), của Đấng “*đã yêu thương chúng ta trước*” (1Gio 4:19), thì việc làm là yếu tố bất khả thiếu nơi con người trong việc con người tự nguyện chấp nhận ân sủng của Ngài và đáp ứng tác động thần linh của Ngài.

Trong câu “*đức tin của con đã cứu con*” Chúa Giêsu nói với người đàn bà tội lỗi trong thành nhưng đã được tha nhiều vì yêu nhiều (x Lc 7:50), hay với người đàn bà được khỏi bệnh loạn huyết vì tin tưởng sờ đến gấu áo của Người (x Lc 8:48), hoặc với người cùi duy nhất trong 10 người cùi trở lại tạ ơn Chúa vì thấy mình được lành sạch (Lc 17:19), hay với người mù xin Người là Con Vua Đavít chữa cho khi nghe thấy Người đi ngang qua Jericho để lên Giêrusalem (x Lc 18:42), chúng ta thấy dường như đức tin là việc làm hay tác động siêu nhiên bất khả thiếu của con người để được chữa lành - “đức tin

*của con"*, nhưng thật ra tác động tin tưởng hay việc tin tưởng này của con người không phải là việc con người tin tưởng vào bản thân của chính con người mình, hay của bất cứ một thần lực tự nhiên nào khác trên trần gian này, mà là chỉ tin tưởng vào Đấng duy nhất có thể cứu chữa mình là Thiên Chúa nơi Đấng Cứu Thế duy nhất của nhân loại: ***"không có ơn cứu độ nơi bất cứ một ai ... trong cả thế gian này nhờ đó chúng ta được cứu"*** (Tông Vụ 4:12).

Nơi trường hợp của 4 nhân vật được Chúa Giêsu khẳng định rằng "đức tin của con đã cứu con", chúng ta thấy có 2 yếu tố: ***"tin trong lòng thì được công chính, tuyên xưng ngoài miệng thì được cứu độ"*** (Rm 10:10). Ở chỗ, cho dù họ tin tưởng Đấng có thể chữa lành cho họ, họ vẫn phải tỏ ra những hành động đức tin bề ngoài nữa, như tác động khóc lóc và xúc dầu thơm cho Người, tác động sờ đến gấu áo của Người, tác động trở lại tạ ơn Người, và tác động mạnh dạn lên tiếng van xin Người cứu chữa.

Có trường hợp Chúa Giêsu còn phải lên tiếng khen đức tin mạnh mẽ của con người hay đặt vấn đề đức tin nơi con người. Người khen đức tin của con người, như trong trường hợp của viên đại đội trưởng có người đầy tớ bị bệnh thập tử nhất sinh nhưng không dám mời Người đến nhà mà chỉ xin Người phán một lời cũng đủ thì đã được Người khen rằng: ***"Tôi chưa hề thấy đức tin như thế nơi dân***



*Israel*" (Lc 7:9). Chưa hết, đối với trường hợp của người đàn bà Cananite xin Người trừ quỷ cho đứa con gái của bà, nhưng bị Người từ chối, mà vẫn cứ tin tưởng cho đến độ Người phải chiều theo ý bà và khen bà rằng: "*Này bà, đức tin của bà quả là mạnh mẽ*" (Mt 15:28).

Trái lại, Người đã đặt vấn đề đức tin nơi con người, như trong trường hợp các tông đồ bị bão tố thì cuống lên kêu cứu Người bấy giờ đang ngủ trên thuyền và bị Người hạch hỏi: "*đức tin của các con đâu?*" (Lc 8:25). Thậm chí các tông đồ còn đi đến độ mất đức tin nữa, như Chúa Kitô đã khẳng định cùng các vị nói chung và vị trưởng tông đồ đoàn là Phêrô nói riêng trong Bữa Tiệc Ly rằng: "*Thầy đã cầu cho con để con khỏi mất đức tin*" (Lc 22:32). Trên thực tế, Thánh Phêrô đã mất đức tin khi trắng trợn chối bỏ Thầy mình 3 lần đúng như Người đã tiên báo (x Lc 22:34), nhưng đúng là nhờ lời cầu của Thầy, ngài đã lấy lại đức tin đã bị mất đi vì yếu đuối, bằng 3 lần tuyên xưng yêu mến Thầy (x Gio 21:15-17).

Như thế, đức tin dù bản chất là những gì siêu nhiên, chất chứa những gì là chân thiện bất biến, thực tế vẫn có tăng có giảm, có còn có mất... nơi chủ thể tin tưởng. Căn cứ vào trường hợp mất đức tin của Thánh Phêrô khi ngài chối bỏ Chúa Kitô, (như trường hợp Kitô hữu Công Giáo mất đức tin khi công khai chối bỏ bất cứ một tín điều nào trong đạo

của Hội Thánh), thì yếu đức tin có nghĩa là chưa hoàn toàn tin vào Chúa Kitô. Ngược lại, đức tin mạnh mẽ là tuyệt đối tin vào Chúa Kitô đến độ Người có thể tỏ mình ra nơi họ đúng như lòng tin tưởng của họ nơi Người, hay nói cách khác, đức tin mạnh mẽ và trọn hảo là ở chỗ Chúa Kitô đạt đến tầm vóc viên trọn của Người (x Eph 4:13,15) nơi chủ thể tin tưởng.

Bởi vậy mà khi mới lãnh nhận bí tích rửa tội, tức khi mới nhận biết hay chấp nhận Chúa Giêsu Kitô, đức tin mới được gieo vào tâm hồn của Kitô hữu chỉ là một mầm mống hay một hạt cải thần linh, chưa hoàn toàn phát triển, nhưng dần dần phát triển để có thể trở thành một cây vĩ đại (x Mt 13:32), tùy theo mảnh đất nhân tính thuận lợi ở từng tâm hồn.

Tuy nhiên, nếu mảnh đất nhân tính thuận lợi cho hạt giống đức tin phát triển, và nếu đức tin liên quan đến lý trí của con người, đến việc con người ý thức về những gì mình tin, đến việc con người hiểu biết sâu xa và kỹ lưỡng về chân lý đức tin, thì phải chăng thành phần người lớn tân tòng có đức tin lớn mạnh hơn trẻ thơ ở vào lúc cả hai bắt đầu lãnh nhận phép rửa, và đức tin của các thần học gia thông thái về những gì liên quan đến Chúa phải chăng mạnh hơn đức tin của một giáo dân tầm thường hầu như chỉ biết giáo lý căn bản thôi?

Nếu vậy thì tại sao Chúa Giêsu lại hân hoan chúc tụng Cha trên trời đã giấu thành phần khôn ngoan thông thái biết những sự cao siêu mầu nhiệm về Nước Trời mà chỉ tỏ ra cho thành phần bé mọn biết mà thôi (x Lk 10:21)? Phải chăng một trong những cách thức hiệu năng nhất và thực tiễn nhất để đức tin có thể lớn mạnh nơi Kitô hữu đó là họ phải làm sao biết "*hoán cải và trở nên như trẻ nhỏ*" (Mt 18:3).

Vì "*Nước Trời thuộc về những kẻ giống như chúng*" (Mt 19:14), và "*ai hạ mình xuống trở nên như con trẻ này thì cao trọng nhất trên Nước Trời*" (Mt 18:4). Nếu Nước Trời đây là tất cả mạc khải thần linh, là Chúa Giêsu Kitô, thì Người thuộc về những tâm hồn bé mọn, và các tâm hồn bé mọn là thành phần dễ dàng chấp nhận Người nhất, hiểu Người hơn ai hết, giống Người hơn ai hết, gần Ngài hơn ai hết, như Mẹ Maria là con trẻ bé mọn nhất của Thiên Chúa.

Ngoài Mẹ Maria là con trẻ bé mọn nhất trước nhan Thiên Chúa, một đệ nhất tạo vật về ân sủng, được đầy ân phúc vì đã tin (x Lc 1:45), còn một nam nhân vật cũng tràn đầy Thánh Linh, đến nỗi đã có thể nhận ra Chúa Giêsu Kitô dù chưa bao giờ diện đối diện với Người (x Gio 1:31), khi Người trà trộn trong đám đông dân chúng tiến đến xin ngài làm phép rửa cho ở Sông Dục Đấng (x Mt 3:13-15). Sở dĩ vị Tiền Hô Gioan Tẩy Giả này có một đức

tin tình tường đến độ có thể chẳng những nhận ra Chúa Kitô Thiên Sai mà còn giới thiệu Người với dân Do Thái nói chung và cho các môn đệ của mình nói riêng, thành phần môn đệ sẽ trở thành các vị tông đồ tiên khởi của Chúa Kitô (x Gio 1:29,36-37), là vì ngài đã "hoán cải và trở nên như trẻ nhỏ", ở chỗ, như ngài công khai tuyên bố về đường lối tu đức của ngài, đó là: "*Người phải lớn lên còn tôi phải nhỏ lại*" (Gio 3:30).

Trong đời sống đạo, đời sống đức tin, có thể nói thái độ chứng tỏ Kitô hữu thực sự đã, đang hay sẽ nỗ lực "*hoán cải và trở nên như trẻ nhỏ*" đó là việc họ cố gắng sống hoàn toàn tín thác vào Thiên Chúa, vào sự quan phòng thần linh vô cùng huyền diệu của Ngài, vào tình yêu vô cùng nhân hậu của Ngài, để Ngài hoàn toàn chiếm đoạt, Ngài muốn làm gì thì làm nơi họ và cho họ, và toàn quyền sử dụng họ theo ý muốn tối cao của Ngài, một ý muốn hầu như bao giờ cũng trở thành chén đắng cho tâm hồn họ (x Mt. 26:39), khiến họ buồn khổ đến chết đi được (x Mc 14:34).

Chính tinh thần và thái độ hoàn toàn tín thác vào Chúa là mức độ cao nhất chẳng những của đức tin mà còn của cả đức cậy và đức mến nữa. Với tinh thần tín thác này đã giúp tâm hồn càng ngày càng được thuộc trọn về Chúa hơn, được nên một với Chúa hơn và có khả năng sinh muôn vàn hoa trái

thiên liêng hơn, vì chính Thiên Chúa được hoàn toàn tự do “như gió muốn thổi đâu thì thổi” (Gio 3:8) để có thể làm việc của Ngài trong họ và qua họ.

Phần Thiên Chúa cũng thế, để gia tăng đức tin nơi thành phần Kitô hữu là con cái của mình, Ngài thường sử dụng phương pháp thanh tẩy (x Gio 15:2) hơn là an ủi. Thật ra, theo đường lối lôi kéo của mình, Ngài thường ban cho linh hồn an ủi trước, để họ bắt đầu ham ước đời sống thiên liêng và đóng vai trò chủ động trong việc hăng say tìm kiếm Ngài đến độ hôn mê (x Lk 9:33).

Sau đó, Ngài bắt đầu ra tay nắm phần chủ động, dồn họ vào thế thụ động đến độ khiến họ tự cảm thấy họ trở nên vô cùng bất lực, vô dụng và bất xứng (x Lc 17:10), bằng việc thanh tẩy họ, làm cho họ không còn dính bén hay có thể bám víu vào bất cứ một sự gì trên trần gian này nữa ngoài chính Ngài, nhờ đó họ chẳng những sống ở thế gian mà không thuộc về thế gian (x Gio 17: 11,16) mà còn thắng được thế gian bằng đức tin bất khuất của họ (x 1Gio 5:4).

Thậm chí trong những cơn thử thách thường được gọi là đêm tối tâm đức tin như thế, Thiên Chúa như thể biến khuất khỏi tâm hồn của họ, khỏi lý trí hạn hẹp về ngôn từ của họ, khỏi cảm tình chủ quan hay thay đổi của họ cũng như khỏi cảm giác đầy mơ hồ

huyền ảo của họ, nhờ đó họ có thể thực sự tôn thờ **“Thiên Chúa là thần linh... trong tinh thần và chân lý”** (Gio 4:24).

Thậm chí chính vị Thiên Chúa vô cùng đáng yêu đáng mến của họ trước kia, bấy giờ, theo cảm xúc vô cùng cô đơn như hoàn toàn bị bỏ rơi của họ (x Mc 15:34), có thể lại trở thành một vị hung thần vô cùng khủng khiếp, khiến họ cảm thấy hết sức lo sợ và muốn tránh xa hay uất hận! Đối với mỗi liên hệ trần thế, họ còn bị hầu như tất cả mọi người, nhất là những người đáng tin cậy nhất của họ, hiểu lầm, vu oan, chống đối và nguyên rủa...

## **Một đức tin trọn lành yêu thương và tận tụy tín thác**

Nếu đức ái trọn hảo là hoa trái của đức tin và cho thấy được tầm mức cao cả của đức tin, và nếu muốn gia tăng đức tin phải cố gắng sống tín thác bao nhiêu có thể vào sự quan phòng thần linh của Vị Thiên Chúa là tình yêu vô cùng nhân hậu, thì gương mẫu sống đức tin điển hình nhất cận đại ở vào hạ bán thế kỷ 20 liên quan tới đức bác ái và lòng tín thác, có thể nói đó là Mẹ Chân Phước Têrêsa Calcutta, một tâm hồn đã sống trong đêm tối tăm đức tin gần 50 năm trường mà vẫn dẫn thân phục vụ anh chị em nghèo nhất trong các người nghèo.

Thật vậy, cho tới khi Mẹ Têrêsa Calcutta qua đời ngày 5/9/1997, không một ai biết được nội tâm của Mẹ. Thế giới nói chung và Kitô hữu nói riêng chỉ thấy rằng Mẹ là một phụ nữ phi thường, một nữ tu thánh thiện.

Khi còn sống đã phục vụ thành phần nghèo nhất trong các người nghèo, đã được giải Nobel Hòa Bình 1979, đã được mời đến nói chuyện ở Liên Hiệp Quốc, đã thành lập một hội dòng phát triển nhanh nhất trong lịch sử Giáo Hội, trong vòng nửa thế kỷ đã lan tới 123 quốc gia, đã có trên 4 ngàn nữ tu. Khi chết đã được Ấn Độ quốc táng, được Giáo Hội Công Giáo phong chân phước nhanh chóng và trọng thể hơn cả các vị thánh, được Tòa Thánh Vatican phát hành tem Têrêsa, được chính quyền Ấn Độ đặt tên đường Têrêsa, được Giáo Hội ban tặng danh xưng là Biểu Hiệu của Đức Bác Ái Kitô Giáo, được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gọi là “một trong những vị đại thừa sai của thế kỷ 20”.

Thế nhưng, cũng chính khi Mẹ qua đi, trong thời gian điều tra phong thánh, người ta mới khám phá ra rằng để trở thành một đại thánh nhân của Giáo Hội hiện đại và trở thành một vĩ nhân trên thế giới như thế, Mẹ đã trải qua một cuộc chiến đấu nội tâm vô cùng khủng khiếp, nhưng Mẹ đã chịu đựng hết sức anh hùng, anh hùng đến nỗi không ai biết được những gì Mẹ đã phải chịu đựng.

Vị linh mục cáo thỉnh viên trong ban điều tra phong chân phước cho Mẹ đã cho biết tổng quan về nội tâm của Mẹ cũng như về cuộc sống đức tin của Mẹ, với những nét chấm phá chính yếu có thể được tóm gọn sau đây.

Khi Mẹ Têrêsa nhận thức được cái đổi thay xảy ra trong linh hồn mình, Mẹ đã nói cho cha linh hướng của Mẹ là Van Exem biết. Mẹ cũng tỏ cho Đức Tổng Giám Mục Périer biết nữa:

*“Con đang khát mong bằng một thứ khát mong đớn đau được thuộc trọn về Chúa, được sống thánh thiện như Chúa Giêsu có thể sống chính sự sống của Người trọn vẹn nơi con. Con càng muốn Người thì lại càng bị ơ hờ lãnh đạm. Con muốn yêu mến Người như Người chưa từng được yêu mến, nhưng lại xảy ra một cái gì đó phân rẽ, một cái gì đó trống rỗng kinh khủng, một cảm giác thiếu vắng Thiên Chúa”.*

Thật vậy, Mẹ Têrêsa lại tỏ cho Đức Tổng Giám Mục này biết rằng Mẹ cảm thấy tối tăm chẳng những không giảm mà còn “dày đặc hơn nữa”, khó có thể chịu đựng nổi. Mẹ suy nghĩ về tình trạng tương phản nơi linh hồn của mình, đó là tình trạng dường như hụt hẫng đức tin, đức cậy, đức mến và chính Thiên Chúa. Ngoài ra, Mẹ cũng chịu đựng một nỗi khát mong Thiên Chúa một cách da diết và



day dứt. Mẹ đã cho biết điều này qua một bức thư như sau:

*“Có rất nhiều điều tương phản trong tâm hồn con, đó là một nỗi khát mong Thiên Chúa, một nỗi khát mong sâu xa đến nỗi đốn đau, một nỗi đau đốn liên tục, song lại là nỗi khát mong bị Chúa dừng dừng, ruồng rẫy, trống rỗng, chẳng còn tin tưởng, yêu thương và sốt sắng. Các linh hồn không còn hấp dẫn nữa. Thiên đàng chẳng còn nghĩa lý gì; đối với con nó chỉ là một nơi hư cấu. Ý nghĩ về thiên đàng chẳng còn thú vị gì với con nữa, song nỗi khát mong Thiên Chúa vẫn còn đó. Xin cầu nguyện cho con để con bắt chấp mọi sự xảy ra vẫn tươi cười với Ngài. Vì con thuộc về một mình Ngài nên Ngài có toàn quyền nơi con. Con hoàn toàn sung sướng trở thành không còn là gì nữa, thậm chí ngay trước nhan Thiên Chúa”.*

Kinh nghiệm tối tăm tiếp tục diễn tiến. Mẹ Têrêsa viết tiếp:

*“Nếu cha biết những gì con đang trải qua.... Thế nhưng con không phỉn trách gì cả. Ngài có quyền làm tất cả mọi sự. Xin cầu nguyện để con cứ tươi cười với Ngài”.*

Có những lúc nỗi sầu đau của Mẹ Têrêsa đối với Thiên Chúa kinh khủng đến nỗi Mẹ đã so sánh những khổ đau của Mẹ với khổ đau của những linh hồn trong hỏa ngục:

*“Người ta nói rằng người ở trong hỏa ngục chịu khổ đau đời đời vì tình trạng mất Thiên Chúa; họ có thể trải qua được tất cả mọi đau khổ ấy nếu họ có một chút hy vọng chiếm hữu được Thiên Chúa. Trong linh hồn con con cảm thấy chính cái đôn đau kinh hoàng của cái mất mát đó, của tình trạng bị Thiên Chúa bỏ rơi, của tình trạng Thiên Chúa không còn là Thiên Chúa, của tình trạng Thiên Chúa không thực sự hiện hữu”.*

Trong khi những cảm giác kinh hoàng này xảy ra thì Mẹ Têrêsa tiếp tục phó thác cho Chúa:

*“Tôi tắm thật đầy đặc, đôn đau thật nhứt nhôi, nhưng con chấp nhận hết mọi sự Ngài trao cho con và con dâng lên Ngài bất cứ những gì Ngài muốn có”.*

Chính Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, trong bài giảng phong chân phước cho Mẹ hôm Chúa Nhật Truyền Giáo 19/10/2003, cũng đã nhắc đến hiện tượng chiến đấu nội tâm này của vị tân chân phước sáng lập dòng Chư Thừa Sai Bác Ái như sau:

*“Mẹ Têrêsa đã thông phần cuộc khổ nạn của Đấng Chịu Đón Đanh, một cách đặc biệt trong những năm dài sống trong ‘tâm tôi nội tâm’. Cuộc thử thách này có những lúc rất gắt gao mà Mẹ đã chấp nhận như ‘tặng ân và đặc ân’ chuyên biệt. Trong những giờ phút tôi tâm nhất, Mẹ đã thiết tha nguyện cầu hơn nữa trước Thánh Thể.”*

“Cuộc thử thách dữ dội này đã khiến Mẹ nhận thấy mình hơn bao giờ hết giống hệt như thành phần Mẹ phục vụ hằng ngày, bằng cảm nghiệm đón đau và có những lúc bị loại trừ. Mẹ thích lập đi lập lại rằng tình trạng bản cùng nhất là tình trạng bị bỏ rơi, tình trạng không được ai chú ý chăm sóc cho anh chị em. ‘Lạy Chúa, xin ban cho chúng con ân sủng của Chúa, chúng con hy vọng nơi Chúa!’ Như tác giả Thánh Vịnh, biết bao nhiêu lần, trong những giây phút lẻ loi cô quạnh nội tâm, Mẹ Têrêsa cũng đã lập lại cùng Chúa của Mẹ rằng: ‘Lạy Chúa Trời con, con trông cậy nơi Chúa, con cậy trông nơi Ngài!’

“Chúng ta hãy ca ngợi người phụ nữ nhỏ bé phải lòng Thiên Chúa này, vị sứ giả khiêm hạ của Phúc Âm đây, và là một vị ân nhân không ngừng của nhân loại. Chúng ta tôn kính nơi Mẹ một con người nổi bật nhất trong thời đại của chúng ta. Chúng ta hãy chấp nhận sứ điệp của con người này và hãy noi theo gương của con người ấy”.



## Truyền Bá Đức Tin

**L**ịch sử cho thấy, từ Công Đồng Chung Vaticanô II (11/10/1962-8/12/1965), Giáo Hội Công Giáo đã chính thức chân nhận và công khai tuyên bố rằng 1- các tôn giáo ngoài Kitô Giáo đều có mầm mống thần linh và 2- ngoài Giáo Hội Công Giáo vẫn có thể có ơn cứu độ. Sau đây là những đoạn tiêu biểu về 2 điểm then chốt vô cùng quan trọng ấy, 2 vấn đề có thể nói là cách mạng, nơi tâm thức của Giáo Hội, nguyên văn như sau:

### **Các tôn giáo ngoài Kitô Giáo đều có mầm mống thần linh**

Trong *Tuyên Ngôn Nostra Aetate về Giáo Hội với các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo*, đoạn 2, Công Đồng xác nhận ngoài giáo hội quả thực có mầm mống ơn cứu độ nơi lòng người cũng như nơi các tôn giáo chân chính khác như sau:

- “Các tôn giáo khác trên hoàn cầu đều cố công làm cho tâm hồn con người thoát khỏi những bần khổn bằng nhiều phương thế khác nhau, bằng cách vạch đường chỉ lối, tức đề xướng những giáo thuyết và luật sống cũng như những lễ nghi phụng tự. **Giáo Hội Công Giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo Hội xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy rằng có nhiều điểm khác nhau với chủ trương mà Giáo Hội duy trì, nhưng cũng thường đem lại ánh sáng của Chân Lý, Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người. Tuy nhiên Giáo Hội rao giảng và có bốn phận phải kiên trì rao giảng Chúa Kitô, Đấng là “đường, sự thật và sự sống” (Gio 14,6), nơi Người, con người tìm thấy đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Người, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình. Vì thế, Giáo Hội khuyến khích con cái mình nhìn nhận, duy trì và cố động cho những thiện ích thiêng liêng cũng như luân lý và những giá trị xã hội văn hóa của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác, bằng con đường đối thoại và hợp tác cách thận trọng và bác ái với tín đồ các tôn giáo ấy mà vẫn là chứng tá của đức tin và đời sống Kitô giáo”.**

**Ngoài Giáo Hội Công Giáo vẫn có thể có ơn cứu độ**

Trong *Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội “Ánh Sáng Muôn Dân - Lumen Gentium”*, đoạn 16, Công Đồng xác nhận ngoài giáo hội vẫn có ơn cứu rỗi ở trường hợp sau đây:

- *“Những kẻ đang tìm kiếm Thiên Chúa trong bóng tối và qua ngẫu tượng, Thiên Chúa mà họ không biết, cả những kẻ ấy, Ngài cũng không xa họ, bởi vì chính Ngài ban cho mọi người sự sống, hơi thở và tất cả mọi sự (x. CvTđ 17,25-28), và vì là Đấng Cứu Thế, Ngài muốn mọi người đều được cứu rỗi (x. 1Tm 2,4). Thực thế, những kẻ vô tình không nhận biết Phúc Âm của Chúa Kitô và Giáo Hội Người, nhưng nếu thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa, và dưới tác động của ơn thánh, họ cố gắng chu toàn Thánh Ý Thiên Chúa trong công việc mình theo sự hướng dẫn của lương tâm, thì họ có thể được cứu rỗi. Cả những kẻ vô tình chưa nhận biết Thiên Chúa cách rõ ràng, nhưng nhờ ơn Chúa, cố gắng sống đời chính trực, thì Chúa Quan Phòng không từ chối ban ơn trợ lực cần thiết để họ được cứu rỗi. Thực vậy, Giáo Hội xem tất cả những gì là chân thiện nơi họ như để chuẩn bị họ lãnh nhận Phúc Âm, và như một ân huệ mà Đấng soi sáng mọi người ban cho hầu cuối cùng họ được sống. Nhưng thường con người bị ma quỷ gạt gẫm làm sai lạc phán đoán của mình khiến họ đánh đổi chân lý Thiên Chúa lấy sự giả dối, khiến họ phụng sự tạo vật hơn là phụng sự Đấng Tạo Hóa (x. Rm 1,21 và 25); hoặc vì*

*họ sống chết như không có Thiên Chúa trên đời này, nên liều mình rơi vào sự thất vọng tột độ. Vì hằng quan tâm làm vinh danh Thiên Chúa, và cứu rỗi tất cả những người ấy và hằng nhớ lời Chúa truyền: ‘Hãy rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật’ (Mc 16,15), nên Giáo Hội tận tâm lo lắng và cố võ việc truyền giáo”.*

## **Công Đồng Chung Vaticanô II**

### **- Một cuộc cách mạng về tâm thức tôn giáo?**

Có thể so sánh cuộc cách mạng về tâm thức cứu độ của Giáo Hội Công Giáo, một tâm thức hết sức mới lạ (đối với một số vị thủ cựu có vẻ quái gở) và đầy cởi mở (cũng bị các vị thủ cựu cho Giáo Hội như muốn hòa đồng tôn giáo) vào thời điểm của Công Đồng Chung Vaticanô II, như cuộc cách mạng kinh hoàng đã xảy ra liên quan đến việc khám phá của khoa học về sự kiện trái đất xoay chung quanh mặt trời, hoàn toàn ngược với ý hệ triết lý đã tồn tại hơn ngàn năm về cảm nhận liên quan đến hiện tượng mặt trời xoay chung quanh trái đất.

Bởi vì, trước Công Đồng Chung Vaticanô II, công đồng chung thứ 21 của Giáo Hội, cái tâm thức và xác tín của Giáo Hội từ trước cho tới bấy giờ là “ngoài giáo hội không có ơn cứu độ”, một thành ngữ tóm gọn nguyên vẹn câu nói của Thánh Giáo Phụ Tiến Sĩ Âu Quốc Tinh trong bài ngài giảng cho dân chúng



thuộc Giáo Hội ở Caesarea như sau: “Người ta không thể nào có (ơn cứu độ) ngoại trừ ở trong Giáo Hội Công Giáo. Ngoài Giáo Hội Công Giáo người ta có thể có hết mọi sự ngoại trừ ơn cứu độ” (ML 43, 695).

Nếu chủ trương “ngoài giáo hội không có ơn cứu rỗi”, Giáo Hội có thể sẽ có thái độ quan liêu phong kiến, nhân loại cần mình chứ mình không cần nhân loại, nếu họ không đến với mình thì họ sẽ không có ơn cứu rỗi. Cho dù Giáo Hội có truyền giáo, nhưng với tâm thức “ngoài giáo hội không có ơn cứu rỗi”, đôi khi Giáo Hội cũng sẽ có thái độ thiếu hội nhập văn hóa theo chiều hướng và tinh thần “Lời đã hóa thành nhục thể” (Jn 1:14) của Con Thiên Chúa, như đã từng xảy ra ở một số thời điểm truyền giáo liên quan tới văn hóa địa phương, chẳng hạn như ở Trung Hoa và Việt Nam đối với tục thờ kính ông bà.

Trong Công Đồng Chung Vaticanô II, niềm xác tín hay tâm thức “ngoài giáo hội không có ơn cứu độ” này đã được tái nhận thức theo chiều hướng dung hòa nhưng vẫn khôn khéo dứt khoát như sau: ngoài giáo hội quả thực có mầm mống ơn cứu độ nơi lòng người cũng như nơi các tôn giáo chân chính khác, thế nhưng, theo Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 1, giáo hội vẫn là bí tích cứu độ, là dấu hiệu hay phương tiện duy nhất cho mối hiệp thông với Thiên Chúa và giữa loài người với nhau.

Đó là lý do, trong chính *Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium*, trong *Sắc Lệnh về Truyền Giáo “ad gentes - cho muôn dân”*, và trong *Tuyên Ngôn Nostra Eetate Giáo Hội với Các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo*, Giáo Hội vẫn tiếp tục khẳng định “ngoài giáo hội không có ơn cứu rỗi”. Nhưng ở những chỗ nào và ra sao?

### **“Giáo Hội lũ hành này cần thiết cho phần rỗi”**

Trong *Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội “Ánh Sáng Muôn Dân - Lumen Gentium”*, đoạn 11, Công Đồng vẫn tiếp tục khẳng định “ngoài giáo hội không có ơn cứu rỗi” ở trường hợp sau đây:

- *“Dựa trên Thánh Kinh và Thánh Truyền, Thánh Công Đồng dạy rằng: Giáo Hội lũ hành này cần thiết cho phần rỗi. Thực vậy, chỉ mình Chúa Kitô là Trung Gian và là đường cứu độ, Người hiện diện giữa chúng ta trong thân thể Người là Giáo Hội; chính Người đã minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và của phép Thánh Tẩy (x. Mc 16,16; Gio 3,5), đồng thời Người đã xác nhận sự cần thiết của Giáo Hội mà mọi người phải bước vào qua cửa phép Thánh Tẩy. Vì thế, những ai biết rằng Giáo Hội Công Giáo được Thiên Chúa thiết lập nhờ Chúa Giêsu Kitô, như phương tiện cứu rỗi cần thiết, mà vẫn không muốn gia nhập hoặc không muốn kiên trì sống trong Giáo Hội này thì không thể được cứu rỗi. ... Dù được tháp nhập vào Giáo Hội, nhưng nếu*

*không kiên trì sống trong đức ái thì vẫn không được cứu rỗi, vì tuy ‘thể xác’ họ thuộc về Giáo Hội, nhưng ‘tâm hồn’ họ không ở trong Giáo Hội. Nhưng các con cái của Giáo Hội phải nhớ rằng, địa vị cao trọng của họ không phải do công đức riêng mình, nhưng do đặc ân của Chúa Kitô; nếu họ không đáp lại hồng ân ấy bằng tư tưởng, lời nói và việc làm, thì không những họ không được cứu rỗi mà còn bị xét xử nghiêm khắc hơn.”*

**“Giáo Hội Công Giáo ...  
phương tiện cứu rỗi cần thiết”**

Trong Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội “Cho Muôn Dân - Ad Gentes”, đoạn 7, Công Đồng còn dứt khoát nhắc lại khẳng định “ngoài giáo hội không có ơn cứu rỗi” như sau:

- “Lý do hoạt động truyền giáo này bắt nguồn từ ý muốn của Thiên Chúa, Đấng ‘muốn mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý. Thực vậy chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, một trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, là con người Giêsu Kitô, Đấng đã tự hiến để cứu chuộc mọi người’ (1Tm 2,4-6), ‘và sự cứu rỗi không ở trong một người nào khác’ (CvTđ 4,12). Vậy mọi người, nhờ lời giảng dạy của Giáo Hội mà nhận biết Người, phải trở lại với Người và chịu phép Rửa để sáp nhập vào chính Người và vào Giáo Hội, Thân Thể Người.

*Thực vậy, chính Chúa Kitô ‘đã minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và của phép Thánh Tẩy, đồng thời, Người đã xác nhận sự cần thiết của Giáo Hội mà mọi người phải bước vào qua cửa phép Thánh Tẩy. Vì thế, những ai biết rằng Giáo Hội Công Giáo, được Thiên Chúa thiết lập nhờ Chúa Giêsu Kitô, như phương tiện cứu rỗi cần thiết, mà vẫn không muốn kiên trì sống trong Giáo Hội thì không thể được cứu rỗi. Cho nên, dù Thiên Chúa có thể dùng những đường lối Ngài biết để đưa những kẻ không vì lỗi mình mà chưa biết Phúc Âm đến với đức tin, vì không có đức tin thì không thể làm vui lòng Ngài, nhưng Giáo Hội có bổn phận và đồng thời có thánh quyền rao giảng Phúc Âm; do đó, ngày nay và luôn mãi, hoạt động truyền giáo vẫn còn giữ vẹn hiệu lực và cần thiết”.*

## **Giáo Hội là**

### **“Ánh Sáng Muôn Dân – Lumen Gentium”**

Qua những trích đoạn vừa rồi liên quan tới chủ trương “ngoài giáo hội không có ơn cứu rỗi”, chúng ta thấy, chính vì ý thức được chỉ ở nơi mình mới có ơn cứu rỗi và đầy đủ phương tiện cứu rỗi mà Giáo Hội cảm thấy có trách nhiệm rất nặng nề phải truyền giáo, phải loan truyền và ban phát ơn cứu độ cho muôn dân và cho đến tận cùng trái đất.

Trong lịch sử của mình, ngay từ đầu Giáo Hội đã truyền giáo cho tới khi Chúa Kitô tái giảng, đặc biệt qua các hoạt động bác ái của Giáo Hội ở các quốc gia, cách riêng qua việc truyền giáo đúng nghĩa của Giáo Hội là truyền giáo “cho muôn dân”, cho những người chưa nhận biết Chúa, ở những xứ sở xa xôi.

Giáo Hội Công Giáo không thể nào là “*Ánh Sáng Muôn Dân – Lumen Gentium*” (nhan đề của Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội ban hành ngày 21/11/1964), như Công Đồng Chung II đã nhận thức và định nghĩa về ơn gọi bao gồm cả bản chất lẫn sứ vụ của Giáo Hội, nếu Giáo Hội, đặc biệt ở vào thời điểm thế giới càng văn minh con người càng trở nên vô thần duy vật này, không “nhập thế”, không vào đời, dù ngay từ ban đầu Giáo Hội đã thực sự liên li và liên tục vào đời và nhập thế bằng việc truyền giáo cho đến tận cùng trái đất rồi.

Thế nhưng, nếu Kitô giáo tin tưởng và chủ trương chỉ có một Đấng Cứu Độ duy nhất thì làm thế nào để có thể rao giảng cho các tín đồ thuộc các tôn giáo không chấp nhận chân lý thiết yếu để được cứu rỗi này.

Chẳng hạn như cho các tín đồ thuộc Do Thái Giáo là tôn giáo chỉ công nhận có Moisen cùng với Luật Moisen và cho tới nay vẫn phủ nhận vai trò thiên sai của Đức Giêsu Kitô, hay cho các tín đồ thuộc Hồi

Giáo là tôn giáo chỉ công nhận có Mohammed là vị tiên tri duy nhất của họ cùng với những mạc khải được vị này viết ra và truyền lại.

Đối với các tôn giáo ngoài Thiên Chúa Giáo và Kitô Giáo, như Ấn Giáo, Phật Giáo, Khổng Giáo và Lão Giáo là những đạo đã có lâu đời trong nhân gian ở Á Châu trước khi Kitô Giáo xuất hiện, cũng khó lòng mà thuyết phục được họ chấp nhận chân lý Chúa Giêsu Kitô là Đấng Cứu Độ duy nhất, như thực tế cho thấy, cho tới nay, dù đã cố công truyền giáo, dân số Kitô hữu ở các nước theo các tôn giáo cổ truyền Đông phương và Á Đông này vẫn còn ở mức rất ư là khiêm hạ.

Đây là một vấn đề rất nan giải. Cho dù là đối thoại liên tôn theo chủ trương của Công Đồng Chung Vaticanô II nhưng vẫn không thể theo chiều hướng hòa đồng tôn giáo: đạo nào cũng là đạo! Tuy nhiên, cho dù là nan giải nhưng không phải là không thể giải quyết. Bởi vì, chính Chúa Kitô đã khẳng định dấu chứng làm cho thế gian nhận biết ai là môn đệ của Người đó là đức bác ái yêu thương giữa thành phần môn đệ của Người như chính Người đã yêu thương họ (x Jn 13:35).

**Chứng Từ Kitô Giáo**  
**- Đức Ái Trọn Hào**

Thế nên, vấn đề truyền giáo đầu tiên và trên hết không phải là bằng ngôn từ, bằng lý thuyết mà là bằng tình yêu thương trong nội bộ với nhau nói riêng và tình yêu thương với tha nhân nói chung, làm sao để tình yêu thương này thực sự trung thực phản ánh đức ái trọn hảo của Chúa Kitô. Đó là lý do Chúa Kitô đã chọn các môn đệ để đầu tiên ở với Người đã (nhờ đó cảm nghiệm và thấm nhiễm tình yêu của Người) rồi mới sai đi rao giảng về Người (x Mk 3:13-14).

Và đó cũng là lý do Chúa Giêsu Phục Sinh sai các tông đồ đi, trước tiên là để tuyển mộ các môn đệ (nhất là bằng chứng từ bác ái yêu thương trọn hảo của Người trước khi bằng ngôn từ rao giảng, vì nhờ bác ái chúng ta mới có thể đến gần họ và lúc đã mộ mến thì họ mới dễ dàng lắng nghe chúng ta), sau đó mới tới việc rửa tội cho thành phần tôn môn đồ này (tức sau khi họ nhận biết chân lý nhờ chứng từ yêu thương nơi thành phần môn đệ chứng nhân của Chúa Kitô và từ đó chấp nhận Chúa Kitô đúng như nhận thức như được dạy cho biết), và sau cùng rồi mới tới việc giảng dạy cho họ (là thành phần đã nhận ra chân lý qua chứng từ bác ái và lãnh nhận phép rửa, nhưng để sâu xa ý thức hơn về đời sống trung thực của thành phần làm môn đệ của Chúa Kitô, họ vẫn cần phải học hỏi thêm) những gì Thầy đã truyền cho các con (x Mt 28:19-20).

Đúng vậy, ngay từ lúc Giáo Hội được tràn đầy Thánh Linh vào Ngày Lễ Ngũ Tuần thì sứ vụ truyền giáo của Giáo Hội cũng được bắt đầu ngay bấy giờ, thế nhưng với một dấu hiệu thật lạ kỳ và huyền diệu, đó là dấu hiệu tiếng lạ phát ra từ các tông đồ, một thứ tiếng lạ mà người nói hiểu mình nói gì và người nghe, dù ở các nơi trên thế giới đổ về Giêrusalem bấy giờ, ai ai cũng đều hiểu theo tiếng địa phương của mình. Thánh Thần được sai đến để canh tân bộ mặt trái đất bằng thứ tiếng lạ hiệp nhất này, để bù lại các thứ tiếng khác nhau khó hiểu bắt đầu có từ nền văn hóa Babel đầy tự cao và chia rẽ của con người.

Tiếng lạ từ ban đầu mở màn cho sứ vụ truyền giáo này của Giáo Hội, ở một nghĩa nào đó, có thể hiểu về đức ái trọn hảo của Kitô giáo. Bình thường thì yêu thương đã là ngôn ngữ quốc tế đối với tất cả mọi dân tộc trên thế giới. Thậm chí cả đứa con nít còn ngây thơ chưa biết nói cũng hiểu được. Cả những người chậm phát triển, có vẻ khù khờ cũng hiểu. Ngay thành phần bất hạnh bị câm điếc mù lòa cũng thông thạo. Việc truyền giáo của Giáo Hội, qua các dòng tu hoạt động, cả nam lẫn nữ, thường thực hiện bằng các công việc bác ái từ thiện, như mở các nhà thương, viện cô nhi, viện dưỡng lão v.v.

Điển hình nhất là trường hợp của Mẹ Chân Phước Têrêsa Calcutta, một nữ tu Kitô giáo bề ngoài có vẻ



tâm thường, nhưng sau khi qua đời đã trở thành một vĩ nhân giữa một thế giới Ấn Giáo và thành ân nhân của quốc gia này. Không phải là nhờ ở kiến thức thần học uyên bác của Mẹ và tài thuyết giảng về đạo đầy mãnh lực chinh phục của mẹ, mà là qua đức ái trọn hảo yêu thương hoàn toàn vô tư phục vụ thành phần nghèo nhất trong những người nghèo mà thôi.

Tại sao Ấn Độ là thế giới của Ấn Giáo (và là gốc gác của Phật Giáo), những tôn giáo cũng có tính cách cứu nhân độ thế, như gương sống của Đức Phật Thích Ca, lại công khai tỏ ra cảm phục và mộ mến một nữ tu Kitô giáo như thế, bằng một tang lễ chưa từng thấy ở giữa thế giới Ấn Giáo theo nghi thức quốc táng được chính quyền Ấn Độ bấy giờ (1997) giành cho mẹ, một lòng cảm mến dường như cũng mặc nhiên công nhận rằng đức ái trọn hảo của Kitô Giáo, được hiện thân nơi Mẹ Chân Phước Têrêsa Calcutta, chiếm được lòng của chung nhân dân Ấn Độ và của riêng nhiều tín đồ Ấn Giáo và Phật Giáo, (hơn cả chính đạo giáo mà họ đang theo đuổi), quả thực là một thứ "*ánh sáng sự sống*" (Jn 8:12) là Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Chuộc Nhân Trần - Redemptor Hominis!?!

Có thể nói và phải nói rằng Kitô giáo là đạo yêu thương. Dĩ nhiên, đạo nào chân chính cũng dạy yêu thương, như Khổng Giáo và Phật Giáo; bao gồm cả

Do Thái Giáo và Hồi Giáo, cho dù về phương diện chính trị, nhân dân của hai tôn giáo này vẫn kịch liệt kình chống nhau ở Thánh Địa trên một nửa thế kỷ cho đến nay.

Tuy nhiên, đức yêu thương của Kitô giáo có thể nói là một đức ái trọn hảo nhất, vì để thực thi đức ái trọn hảo này, Kitô hữu phải được tình yêu của chính Chúa Kitô chiếm đoạt và làm chủ, nhờ đó, như Người, họ mới có thể yêu như Người yêu (x Jn 13:34), ở chỗ, đến không phải để được hưởng thụ mà là phục vụ và hiến mạng sống mình cho tha nhân (x Mt 20:28), mới tự động làm hòa với kẻ làm khổ mình (x Mt 5:23-24), tức tự động tha thứ cho những ai xúc phạm đến mình, dù họ có cố tình phạm đến mình và phạm đến mình nhiều lần, và thậm chí mới yêu thương cả những kẻ thù của mình, làm ơn cho kẻ ghét mình, chúc phúc cho kẻ nguyền rủa mình và cầu nguyện cho những ai xử tệ với mình (x Lk 6:27-28; Mt 5:44).

Đó là lý do đức bác ái Kitô giáo là bài giảng hùng hồn và dễ hiểu nhất, có sức tác động lòng người nhất, hơn tất cả mọi bài giảng thuyết hay nhất, hơn tất cả mọi cuộc tranh luận về đạo nầy lửa và lý thú nhất. Thành phần sống đức ái trọn hảo là thành phần Kitô hữu có một kiến thức đức tin siêu việt nhất. Trong cuộc chung thẩm, Vị Thẩm Phán Chí Công không hề hạch hỏi về kiến thức thần học hay

các việc đạo đức (đọc kinh, đi lễ, xưng tội, chay tịnh v.v), mà chỉ căn cứ vào hành động bác ái vị tha của con người để cho tham phần sự sống thần linh vĩnh phúc. Tuy nhiên, hành động đức ái yêu thương không thể nào có nếu thiếu đức tin. Đó là lý do cả chiên và đẽ đều được trả lời cùng vị Thẩm Phán Chung Thẩm rằng "chúng tôi có thấy Chúa đâu" (Mt 25:37,44), nhưng một đàng (là chiên) không thấy mà vẫn làm (theo đức tin) và một đàng (là dê) không thấy (theo đức tin) nên không làm.

**“Thiên Chúa là Tình Yêu”  
- Tất Cả Sự Thật nơi Kitô Giáo**

Như thế, nơi đức ái trọn hảo của Kitô giáo chúng ta chẳng những thấy được nền luân lý siêu việt của Kitô Giáo mà còn cả đức tin liên quan đến tín lý của Kitô giáo nữa.

Đúng vậy, "Thiên Chúa là tình yêu" (1Jn 4:8,16), câu định nghĩa của Thánh Ký Gioan về vị Thiên Chúa này bao gồm tất cả mọi sự về Kitô Giáo và của Kitô Giáo, liên quan đến toàn bộ giáo lý Kitô Giáo, một bộ giáo lý, như Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo hiện hành cho thấy, có bố cục bao gồm 4 phần, thứ tự về tín lý, phụng vụ, luân lý và tu đức Kitô Giáo.

***“Thiên Chúa là tình yêu” đối với tín lý Kitô Giáo:***

Ở chỗ, "Thiên Chúa là tình yêu" liên quan đến Mâu Nhiệm Ba Ngôi là mâu nhiệm hiệp thông sự sống nội tại giữa Ba Ngôi nơi một Thiên Chúa duy nhất; Mâu Nhiệm Tạo Dựng vì yêu thương, nhất là dựng nên con người tho hình ảnh thần linh như Thiên Chúa; Mâu Nhiệm Nhập Thể vì Thiên Chúa yêu thương muốn ở giữa loài người nơi Con của Ngài; Mâu Nhiệm Tử Giá vì yêu thương con người cho đến cùng; Mâu Nhiệm Phục Sinh vì yêu thương cho con người được sự sống; Mâu Nhiệm Hiện Xuống cho Giáo Hội trở thành chứng nhân yêu thương.

***"Thiên Chúa là tình yêu" đối với phụng vụ Kitô Giáo:***

Ở chỗ, "Thiên Chúa là tình yêu" liên quan đến Mâu Nhiệm Thánh Thể vì yêu thương muốn ở cùng Giáo Hội và trở thành nguồn sống cho Giáo Hội trong mọi hoạt động. "Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy" (Lk 22:19), một tác động "nhớ" vì yêu mến "Đấng đã yêu thương chúng ta trước" (1 Jn 4:19), liên quan đến việc tiếp tục cử hành Phụng Vụ Thánh Thể nói riêng và các Bí Tích Thánh nói chung để tưởng niệm tình yêu thương của Đấng "đã tự hiến để họ được thánh hóa trong chân lý" (Jn 17:19) cũng là Vị Mục Tử Nhân Lành "thí mạng sống vì cho chiên được sự sống và là sự sống viên mãn" (Jn 10:19), Đấng "đã hiến mạng sống mình cho nhiều người" (Mt 10:28) được cứu rỗi.

***"Thiên Chúa là tình yêu" đối với luân lý Kitô Giáo:***

Ở chỗ, "Thiên Chúa là tình yêu" liên quan đến Giới Răn Mới là giới răn "các con hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con" (Jn 13:34, 15:12), một giới răn, tuy chỉ thấy có một đối tượng yêu là anh chị em với nhau, nhưng thực sự là bao gồm cả mến Chúa lẫn yêu người. Bởi vì, nếu không mến Chúa đến độ nên một với Người, bằng cách ở trong Người và Người ở trong họ, như cành nho dính liền với thân nho (x Jn 15:4-5), thì thành phần môn đệ của Người không thể nào "yêu nhau như Thầy đã yêu thương các con" được, và cũng không thể nào sinh hoa kết trái trong đời sống tông đồ truyền giáo nơi các linh hồn được.

***"Thiên Chúa là tình yêu" đối với tu đức Kitô Giáo:***

Ở chỗ, "Thiên Chúa là tình yêu" liên quan đến đời sống cầu nguyện và chiêm niệm của linh hồn, một đời sống nhờ đó linh hồn có được một cảm nghiệm thần linh sâu xa về tình yêu vô cùng nhân hậu của Thiên Chúa, về chính "Thiên Chúa là tình yêu", với một tấm lòng khao khát hoàn toàn khó nghèo và khiêm hạ (x Mt 5:3-6), một tấm lòng cần phải được chính Thiên Chúa thanh tẩy cho khỏi hết mọi dính bén trần gian, đến độ có thể nói không gì "có thể tách tôi ra khỏi tình yêu Chúa Kitô... khỏi tình yêu của Thiên Chúa tỏ ra cho chúng ta nơi Đức Giêsu

Kitô, Chúa chúng ta" (Rm 8:35,39), và đến độ "sự sống tôi đang sống không phải là tôi sống nữa mà là Chúa Kitô sống trong tôi" (Gal 2:20).



Giáo Hội Công Giáo và thành phần Kitô hữu của giáo hội này phải làm sao chứng tỏ cho chung thế giới và riêng thành phần tín hữu các tôn giáo ngoài Kitô giáo, thậm chí cả chính Kitô hữu với nhau, cách riêng những Kitô hữu chưa hoàn toàn hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công Giáo, biết rằng "Thiên Chúa là tình yêu", thì thế giới sẽ nhận ra Đấng Cứu Độ duy nhất của họ. Một người cộng sản theo chủ nghĩa vô thần và chống lại tôn giáo hữu thần mà vẫn cứ cho con cái mình học ở trường Công Giáo cũng đủ cho thấy con người vẫn tìm kiếm những gì là chân thiện nhất, cái gì làm nên con người, thì những gì là chân thiện nhất này, trước hết và trên hết, được thể hiện nơi bác ái yêu thương và phục vụ.

Để truyền giáo cho một ai, trước hết phải làm sao để có thể đến gần họ và làm sao để họ có thể nghe chúng ta nói về đạo của mình. Nếu việc đầu tiên của chúng ta là tấn công lý thuyết đạo của người, hay ngược lại, khoe lý thuyết đạo của mình đến coi thường các lý thuyết của đạo giáo khác, chắc chắn chúng ta sẽ thảm bại mà thôi, chưa nói đến việc

gây ác cảm và thù hận đến tránh xa nhau, không bao giờ còn có thể gặp nhau và nói chuyện với nhau nữa.

Thậm chí trong cả vấn đề đối thoại liên tôn là dịp để chúng ta trình bày về đạo lý của chúng ta, chúng ta cũng không nên có thái độ tấn công những gì nơi đạo khác không hợp với đạo của mình, hay lấy đạo của mình để đè nén đạo khác. Trái lại, chúng ta hãy lắng nghe nhau và giữ thái độ tìm hiểu những mầm mống thần linh nơi các đạo khác và lợi dụng những mầm mống thần linh ấy để trình bày về đạo của mình, như Thánh Phaolô ở Thành Nhã Điển lợi dụng vị thần vô danh ở đây để nói về Thiên Chúa hóa công vậy.

Kể cả vấn đề bệnh vực chân lý cũng thế, nhất là trong nội bộ Kitô giáo, chúng ta cũng không được lấy chân lý để sát phạt nhau, hay thậm chí sát hại nhau, trái lại, chúng ta cần phải áp dụng nguyên tắc bảo vệ chân lý trong yêu thương. Thánh Phêrô, sau khi khuyên Kitô hữu những gì liên quan đến chân lý rằng: *“Nếu có ai hỏi anh em lý do về niềm hy vọng này của anh em, thì anh em hãy sẵn sàng trả lời cho họ biết”* (1Pt 3:15), ngài liền thêm những lời liên quan đến đức bác ái yêu thương như sau: *“Thế nhưng hãy nói một cách dịu dàng và trọng kính”* (1Pt 3:16).

Vậy, để có thể đến gần thành phần tín hữu của đạo khác nhờ đó có thể mang Chúa Kitô đến cho họ, trước hết và trên hết, chúng ta hãy đến với họ bằng tình thân bác ái yêu thương, sau đó, khi được người ta cảm phục hay cảm mến chúng ta mới dễ chinh phục lòng họ. Nhất là lợi dụng những nhu cầu cần thiết của họ, về thể lý cũng như tâm lý và bệnh lý để tận tình đáp ứng và giúp đỡ giúp đỡ họ một cách vô vị lợi.

Thậm chí còn cần phải chịu đựng thái độ xua đuổi của họ, hành động khinh chê của họ, mưu toan bách hại của họ và ngay cả việc sát hại của họ nữa, bằng một tấm lòng quảng đại thứ tha, mới có thể làm cho họ nhận biết Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc duy nhất, vị mục tử nhân lành đến để tìm kiếm từng con chiên lạc (x Lk 15:4) và đã yêu thương đến cùng (x Jn 13:1), đến thí mạng sống mình vì chiên, cho chiên được sống và là một sự sống viên mãn (x Jn 10:10).

Với một tình yêu mạnh hơn sự chết này của Chúa Kitô và như Chúa Kitô, thành phần Kitô hữu môn đệ của Người mới có thể trở thành chứng nhân trung thực của Người và cho Người, nhờ đó mới thông phần vào "mọi quyền năng trên trời dưới đất" (Mt 28:18) của Chúa Kitô Phục Sinh trong việc chẳng những "loan truyền tin mừng cho tất cả mọi tạo vật" (Mk 16:15) mà còn thắng vượt được tất cả mọi sự dữ nữa (x Mk 16:17-18).



Đúng thế, nguyên tắc chân lý trong yêu thương này đã được chính Chúa Kitô làm gương. Ở chỗ, Chúa Kitô chẳng những là “sự thật” (Jn 14:6) mà còn là Đấng tỏ mình ra là “sự thật” trong yêu thương, đến nỗi chết trên thập tự giá để tỏ mình ra là ai (x Jn 8:28), chứ không phải bằng chém giết.

Trái lại, chúng ta cũng phải yêu thương trong chân lý – *caritas in veritate* (*nhân đề bức thông điệp thứ 3 của ĐTC Biển Đức XVI ban hành ngày 29/6/2009*), chứ không thể lấy yêu thương làm chiêu bài để che đậy sự thật, dập tắt sự thật, và làm những gì là gian ác, theo đường lối mục đích biện minh cho phương tiện, chẳng hạn như ra tay trộm cướp để giúp người nghèo, hay triệt sinh trợ tử để bệnh nhân nguy tử khỏi phải quần quai khổ đau, hoặc phá thai để đỡ gánh nặng cho xã hội về một con người tàn tật vô dụng sẽ ra đời v.v.

Nếu “*Thiên Chúa là tình yêu*” và chính lúc Ngài tỏ mình ra là *tình yêu* trong Lịch Sử Cứu Độ của Dân Do Thái, thì Ngài cũng đồng thời chứng tỏ một *sự thật* tối cao về bản tính của Ngài là “*Đấng Có - Hiện Hữu*” (Ex 3:14), là tự hữu, hằng hữu và toàn hữu, là nguyên thủy và cùng đích, điển hình nhất ở chỗ Ngài *thủy chung* với giao ước Ngài đã tự động thiết lập với dân Do Thái, cho dù họ liên li bất trung với Ngài, bỏ Ngài để tôn thờ và ngoại tình với các ngẫu tượng của họ.

Và chỉ ở nơi tình yêu nhân hậu *thủy chung* này của Thiên Chúa mà dân Do Thái đã nhận biết Ngài là Thiên Chúa chân thật duy nhất, một mạc Khải, theo dự án thần linh, đã thực sự hoàn tất nơi Đức Giêsu Kitô!

Chính sự kiện dân Do Thái phủ nhận Đấng Thiên Sai của họ đã hùng hồn cho thấy quả thực có một Đức Giêsu Kitô là Đấng Cứu Thế đã đến, Đấng là hiện thân của tình yêu Thiên Chúa, qua việc chẳng những hóa thân nhập thể làm người như con người, mà còn hiến mình cho phần rỗi của con người!

## Mầm Mống Đức Tin nơi các đạo giáo

**T**ự bản chất, con người bình thường liên li xu hướng về Chân, Thiện, Mỹ. Luôn tìm kiếm những gì là chân thật nhất, cho dù bản thân họ là một tên đại ma đầu đánh lừa được tất cả thiên hạ, nhưng họ vẫn không muốn bị ai đánh lừa. Luôn tìm chiếm những gì thiện hảo nhất, không bao giờ chịu thua thiệt, cho dù đã được giàu sang phú quý mà vẫn chưa đủ và viên mãn. Luôn tìm đến với những gì là tuyệt mỹ nhất, tuyệt vời nhất, trọn vẹn nhất, viên mãn nhất, cho dù con người có què mùa cục mịch và xấu xí đến đâu chẳng nữa.

Ngoài ra, con người chẳng những là loài "linh ư vạn vật" vì có tâm linh, với lý trí để tìm kiếm sự thật, lòng muốn để tìm chiếm sự thiện và tình cảm để tìm đến với sự mỹ, có khả năng biết cả bản thân mình lẫn thế giới chung quanh mình, thậm chí có

khả năng làm chủ chính mình bằng ý chí và vũ trụ hữu hình bằng những phát minh khoa học và kỹ thuật mỗi ngày một tân tiến, còn là loài "biết lành biết dữ", phải trái, đúng sai, theo lương tâm và các nguyên tắc luân lý căn bản, hợp với nhân phẩm là người và nhân cách làm người.

### **Khuynh Hướng Đa Thần**

Hai tính chất "linh u vạn vật" và "biết lành biết dữ" này nơi con người đã biến con người thành một loài mang sẵn trong mình mầm mống tôn giáo, một mầm mống tôn giáo rất dễ nảy mầm vào chính lúc con người cảm thấy mình bất lực, không thể tự cứu được mình trước những gian nan khốn khó hoạn nạn bất ngờ xảy ra cho họ trong đời, những cơn thử thách, nhất là về thiên tai, cần đến một quyền lực tối cao ra tay cứu độ, những quyền lực mà họ trước kia thường gọi là thần mưa, thần gió, thần lửa, thần lực v.v. , thậm chí có cả thần lành và thần dữ nữa.

Một trường hợp điển hình, như Sách Tông Vụ thuật lại (14:8-18), cho thấy xu hướng đa thần này đã xảy ra cho chính bản thân của vị Tông Đồ Dân Ngoại Phaolô (và Thánh Barnabê) ở Lystra, sau khi Thánh Phaolô tự ý ra tay chữa lành cho một người bị què từ lúc mới sinh, một phép lạ hiển nhiên xảy ra trước mắt dân chúng địa phương, đến độ khiến họ tưởng ngài và Thánh Barnabê là những vị thần giáng thế, như họ hô lên: "Các vị thần đã mặc hình

người đến với chúng ta!" (câu 11), và họ đã đặt tên cho Thánh Barnabê là thần Zeus và Thánh Phaolô là thần Hermes (câu 12), họ thậm chí còn đem các tế vật đến để cúng tế các ngài (câu 13), cho dù các ngài có minh giải các ngài chỉ là người phàm như họ, chỉ là những người muốn đến để loan báo cho họ về vị Thiên Chúa hóa công hằng sống (câu 15), đến thế nào cũng không thể cản nổi việc họ cúng tế các ngài (câu 18).

Như thế và cứ thế, con người ngay từ khi mở màn cho lịch sử tôn giáo của mình đã có khuynh hướng tôn thờ đa thần, thậm chí cả ở một quốc gia có tiếng là rạng đông của nền văn minh Âu Châu với nhiều bậc đại sư về triết lý trước Công Nguyên cả 500 năm là Hy Lạp, cũng tôn thờ đa thần, thậm chí bao gồm cả một vị thần được họ gọi là vô danh và được Thánh Phaolô nhận thấy, để rồi, trong bài giảng của ngài cho thành phần trí thức ở ngay thủ đô danh tiếng Nhã Điển của họ, thánh nhân đã lợi dụng để chỉ cho họ biết vị thần vô danh này của họ là ai, là một vị Thiên Chúa hóa công, Đấng mà nhờ Ngài họ mới được sống động và là Đấng gần gũi họ là loài người tạo vật của Ngài (xem Acts 17:22-25).

Cho dù dân tộc được Thiên Chúa tuyển chọn cách riêng là Do Thái để tỏ mình ra cho họ, nhờ đó họ nhận biết và yêu mến Chúa là vị Thiên Chúa chân thật duy nhất của họ mà thôi, cũng đã nhiều lần tiếp

tục xu hướng tự nhiên đa thần của mình giống như các dân ngoại và theo dân ngoại, qua việc tôn thờ các thứ ngẫu tượng, những thứ ngẫu tượng do trí óc của họ nghĩ ra và bởi bàn tay của họ tạc thành, điển hình nhất là con bò vàng được họ lấy vàng là những gì quý báu nhất của họ đúc nên rồi phủ phục tôn thờ nó như là chính vị cứu tinh của họ ra khỏi Ai Cập (xem Ex 32:1-4), chứ không phải là vị Thiên Chúa của Moisen, của tổ phụ họ là Abraham, Isaac và Giacóp (xem Ex 3:13-15).

Nguyên tắc truyền giáo và đường lối rao giảng hết sức khôn ngoan theo kiểu hội nhập văn hóa của Vị Tông Đồ Dân Ngoại Phaolô ở Thành Nhã Điển Hy Lạp ngay từ lúc Giáo Hội còn sơ khai bấy giờ đã trở thành những gì được Giáo Hội, qua Công Đồng Chung Vaticanô II (11/10/1962-8/12/1965), thâm tín và chủ trương đối với sứ vụ truyền bá phúc âm hóa, nhất là sứ vụ truyền giáo "*ad gentes - cho muôn dân*", hiển nhiên nhất là ở trong Tuyên Ngôn *Nostra Aetate về Giáo Hội với các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo*, đoạn 2, nguyên văn như sau:

*“Các tôn giáo khác trên hoàn cầu đều cố công làm cho tâm hồn con người thoát khỏi những bần khổ bằng nhiều phương thế khác nhau, bằng cách vạch đường chỉ lối, tức đề xướng những giáo thuyết và luật sống cũng như những lễ nghi phụng tự. Giáo Hội Công Giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh*

*thiện nơi các tôn giáo đó. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo Hội xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy rằng có nhiều điểm khác nhau với chủ trương mà Giáo Hội duy trì, nhưng cũng thường đem lại ánh sáng của Chân Lý, Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người”* (Bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện 1972).

Theo chiều hướng tôn trọng các tôn giáo tự bản chất là con đường cứu độ (như ở Phật Giáo) hay là đường lối thành nhân (như ở Khổng Giáo), và trân quý những mầm mống thần linh nơi các tôn giáo hầu hết có trước Kitô giáo cả trên 500 năm, (nhưng lại xuất hiện sau thời tiên tri của Do Thái giáo trong Cựu Ước trên dưới 200 năm), đó là Phật Giáo và Khổng Giáo, chúng ta có thể khách quan tìm hiểu một chút về 2 tôn giáo chính và lớn ở trong xã hội Việt Nam nói riêng và Đông Á nói chung, các tôn giáo này thậm chí đã trở thành yếu tố làm nên chính nền văn hóa ở những nơi và vào những thời các tôn giáo ấy thịnh hành, như Kitô giáo ở Tây phương vậy.

Tuy nhiên, nói đến Khổng Giáo không thể nào bỏ qua Lão Giáo, một triết lý về tôn giáo, hơn là một đạo giáo, cho dù không sâu rộng bằng Phật Giáo và Khổng Giáo, cũng không phải là không có một ảnh hưởng âm thầm nào đó nơi thành phần nhân sĩ Việt

Nam, chẳng hạn nơi Nguyễn Công Trứ trong bài Kè Sĩ, một bài thi phú khá dài đầy hào hùng theo tinh thần Khổng Giáo: *"Làm sao cho bách thế lưu phương, trước là sĩ sau là khanh tướng..."*, nhưng lại kết theo tinh thần Lão Giáo: *"Mặc ai hỏi mặc ai không hỏi tôi, ngẫm việc đời mà nghĩ việc trọc thanh"*. Bởi thế ở Việt Nam mới gọi là Tam Giáo bao gồm cả Khổng Giáo, Lão Giáo và Phật Giáo. Ngoài ra, Lão Giáo còn có những ý niệm đặc biệt về tôn giáo liên quan đến Nguyên Lý Tối Thượng tương tự như triết lý Tây phương Hy Lạp xuất hiện trên dưới 2 thế kỷ sau.

## Khổng Giáo

Căn cứ vào lý thuyết của Khổng Giáo, có thể nói Khổng Giáo đồng nghĩa với Đạo Nhân, tức Đạo Làm Người, hay Nhân Đạo (nếu nói theo kiểu Hán Việt). Khổng Giáo hoàn toàn có tính chất nhân bản và thiên về nhân bản. Bởi đó, ba câu nói quen thuộc được coi là nền tảng cho Khổng Giáo đó là: **1- "Nhân chi sơ tính bản thiện"; 2- Nhân, Nghĩa, Lễ Trí, Tín; 3- Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ.**

Trong cả 3 câu này, chữ "nhân" ở câu đầu liên hệ đến bản thân tức đến "con người" (theo tiếng Hán Việt cũng là "nhân"), chữ "nhân" ở câu thứ hai liên hệ tới tha "nhân" tức tới con người khác không phải là bản thân mình, và ở câu thứ ba tuy không có chữ



"nhân" nhưng lại bao gồm cả bản thân mình lẫn tha nhân: ở chỗ - "tu thân" mình trước để nhờ đó có thể "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" trong việc dẫn thân cho tha nhân.

Khổng Giáo thực sự đáng được gọi là một thứ Nhân Đạo - Đạo Làm Người, vì con người cần phải sống đúng với thân phận là loài "linh ư vạn vật" của mình. Chữ "Nhân" ở đây vừa liên quan đến cái "nhân" tính của con người nói riêng cũng như đến lòng "nhân" ái giữa con người với nhau nói chung. Mà lòng "nhân" ái của con người với nhau sẽ không thể nào có nếu con người không sống đúng với cái "nhân" tính "nhân chi sơ tính bản thiện" của mình, được thể hiện qua "nhân" cách làm người của họ với những đức tính căn bản bất khả thiếu được gọi là Ngũ Thường: *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí và Tín*.

"Nhân" là lòng "nhân ái" vị tha đối với tha "nhân"; "Nghĩa" là tình "nghĩa" theo lòng nhân ái hay nhân "nghĩa" một cách quảng đại hiệp "nghĩa" và biết ơn hiếu "nghĩa"; "Lễ" là thái độ "lễ" phép hay "lễ" độ, là hành động tỏ lòng kính trọng nhau, nhất là đối với những người trên trong Tam Cương (về phía nam nhân) là Quân-Sư-Phụ, hay trong Tam Tông (về phía nữ giới) là Phụ-Phu-Tử ("tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử"); "Trí" là lòng "trí" hay "trí" tri trong việc tỏ ra khôn ngoan hiểu biết khi đối

đáp và xử trí với tha nhân theo lòng nhân ái, như trong vấn đề "kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân - mình không muốn gì cũng đừng làm cho người"; "Tín" là thái độ chân tình thành "tín" đối với nhau và hành động trung "tín" với những gì mình hứa hẹn.

Tuy nhiên, để có thể sống "nhân" ái với tha nhân một cách tình nghĩa, lễ độ, trí tri và thành tín, nhờ đó mới có thể "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", thì theo Khổng Giáo, con người cần phải "*tu thân*".

Bởi vì, cho dù "nhân chi sơ tính bản thiện", như Mạnh Tử (371-289 BC) chủ trương là tự bẩm sinh con người đã có sẵn "Nhân, Nghĩa, Lễ và Trí", nhưng thực tế cho thấy, xu hướng tự nhiên của con người vốn đầy những đam mê nhục dục, đến độ, theo Tuân Tử (298-238 BC), phải nói rằng "nhân chi sơ tính bản ác", nên con người cần phải "tu thân", cần phải được giáo hóa.

Thật ra, theo Đổng Trung Thư (179-104 BC), vì con người mới chỉ có cái mầm của sự thiện mà thôi, được Trời phú bẩm cho, chứ không thể nào hoàn toàn xấu xa tồi bại - "nhân chi sơ tính bản ác", mà con người mới có thể được giáo huấn và nên hoàn thiện.

Theo Chu Hi (1130-1200 AD), nhân vật chủ xướng Thuyết Lý Học, thì "tu thân" đích thật là ở chỗ làm sao cho phần "Lý" trong con người được sáng tỏ ở

phần "Khí" nơi con người. Vì phần "Lý" trong con người là phần thuộc Hình-nhi-thượng, tức là phần thuộc thể giới siêu hình, tự bản chất là tốt, còn phần "Khí" nơi con người là phần thuộc Hình-nhi-hạ, tức là thuộc thể giới hữu hình, chất thể, dù cũng có thể tốt nhưng thường là xấu. Có thể nói, theo Chu Hi, "tu thân" là làm sao để sống hướng thượng hơn là hướng hạ.

Theo Vương Dương Minh (1472-1528 AD), nhân vật khai triển và hệ thống hóa Thuyết Tâm Học của Lục Cửu Uyên (1139-1192 AD), một lý thuyết chủ trương "vạn vật nhất thể" liên quan tới Tâm Linh hay Tâm Thức của con người, thì "tu thân" là làm sao cho Lương Tri hay Lương Tâm là những gì nguyên thủy vốn tốt đẹp nơi con người trở thành "Minh Đức", tới độ "chỉ ư chí thiện", nhờ đó con người vốn vị kỷ và tham lam, mới có thể biết phải-trái và yêu thương hết mọi người và mọi sự.

### **Mầm mống thần linh nơi Khổng Giáo**

*Đó là tính chất nhân bản làm người của tôn giáo này.* Bởi vì, tính chất nhân bản này của Khổng Giáo:

1- Am hợp với Mạc Khải Thần Linh của Kitô Giáo về thân phận con người cao quý được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa và tương tự như Ngài (xem Gen 1:26);

2- Am hợp với Mẫu Nhiệm Nhập Thể của Vị Thiên Chúa là Thần Linh và vô hình hóa thân trở thành một con người nơi Đức Giêsu Kitô (xem Jn 1:14);

3- Chúa dựng những gì liên quan tới tình trạng con người ngay từ ban đầu ở trong tình trạng công chính nguyên thủy nhưng sau Nguyên Tội đã bị hư hoại nên cần phải được tái sinh bởi trời (x Jn 3:3,5);

4- Chúa dựng những gì liên quan tới chứng từ bác ái cần phải được xuất phát từ thành phần môn đệ của Chúa Kitô trong việc sống trọn lành như "ánh sáng thế gian" (Mt 5:14).

## Lão Giáo

Nếu Khổng Giáo có khuynh hướng "nhập thế" và tính chất nhân bản, "tu thân" để vào đời "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", thì Lão Giáo lại có khuynh hướng "xuất thế" và tính chất thần bí, hoàn toàn siêu thoát trên sự thế và trần thế. Nếu khuynh hướng "xuất thế" liên quan đến cách sống thanh thoát, đến linh đạo Trung Hòa của Lão Giáo, thì tính chất thần bí liên quan đến ý niệm về "Đạo" của tôn giáo này, một ý niệm chi phối chủ trương và lối sống "đạo" của vị giáo tổ cũng như của tất cả những ai theo tôn giáo này.

Trước hết, *Lão Giáo là một tôn giáo có tính chất thần bí liên quan tới ý niệm về Đạo*. Ở chỗ, theo Lão Tử (thế kỷ thứ 6 trước Công Nguyên), như được thấy ngay những câu đầu tiên của Sách Đạo Đức Kinh, là như thế này:

1. Đạo khả đạo, phi thường Đạo (có thể hiểu rằng "Đạo" là Nguyên Lý Tuyệt Đối nên không thể đem "đạo" hay dùng ngôn từ mà cắt nghĩa được)
2. Danh khả danh, phi thường Danh (không thể nào có thể đặt tên cho Đạo, cho một Nguyên Lý Tuyệt Đối, thậm chí chữ "Đạo" cũng chỉ được tạm dùng)
3. Vô Danh, thiên hạ chi thủý (có thể hiểu rằng Đạo tuy Vô Danh, nhưng lại là nguồn gốc của thế gian)
4. Hữu danh, vạn vật chi mẫu (có thể hiểu rằng Đạo chính là mẹ sinh ra muôn loài tương đối hữu danh)

Tính chất thần bí nơi Lão Giáo còn được thể hiện nơi những từ ngữ về Đạo để diễn tả những ý niệm khó hiểu đến có thể bị hiểu lầm, chẳng hạn như những ý niệm và từ ngữ "vô/thường", "vô/hữu" hoặc "vô vi".

Trước hết là chữ "vô/thường" để ám chỉ Đạo là Nguyên Lý Tuyệt Đối không (= "vô") một lời nào có thể diễn tả hay đặt tên, vô hình vô tượng, vô danh, và

vì Đạo là Nguyên Lý Tuyệt Đối nên cũng "thường" hằng, bất biến, vĩnh tại.

Sau nữa là "vô/hữu", như trong câu "hữu sinh ư Vô", vì tất cả mọi sự có (= "hữu") đều phát xuất từ "Vô", từ "Không", tức từ Nguyên Lý Tuyệt Đối vô hình, vô tượng, vô thủy, vô chung, vô danh, không gì diễn tả được.

Sau hết là "vô vi", không có nghĩa là không làm gì, mà được hiểu theo nghĩa của một thứ Trung Hòa giữa hai cực âm dương, như một cái trục vô hình nơi quả lắc đồng hồ đóng vai trò ở giữa không nhúc nhích gì để giữ quân bình cho việc chuyển động chung quanh nó.

Sau nữa, *Lão Giáo là một tôn giáo có khuynh hướng "xuất thế"*. Ở chỗ, Lão Giáo chủ trương sống phóng khoáng, không bị ràng buộc vào luật lệ và hình thức, chẳng hạn vào "Ngũ Thường" như ở Khổng Giáo, để làm sao có thể hiệp nhất nên một với Đạo, nhờ đó, hiệp nhất nên một với vạn vật, bởi vạn vật đều xuất phát từ Đạo. Chính vì thế mà các đạo gia đã thích sống ẩn dật, thanh thoát, tĩnh lặng, an hòa, xa lánh những gì là phạm tục trên đời này.

Đời sống của các vị thường bao gồm những hành vi cử chỉ và thái độ hồn nhiên, đơn sơ, giản dị, thanh cao, nhàn rãi, tiết dục, thanh bần v.v. Phương pháp

để có thể sống thanh thản của các vị được các vị sử dụng có thể là "tọa vọng" (ngồi suy niệm để quên hết mọi sự ngay cả trong tâm trí của mình), và "tâm trai" (tức chay lòng, để lòng hoàn toàn chay tịnh, không vướng vẩn một sự gì trên đời này, nhờ đó tâm thần hoàn toàn trống không, vượt trên hết mọi sự, hầu có thể hiệp nhất nên một với Đạo).

### Mầm mống thần linh nơi Lão Giáo

*Đó là bản chất của Đạo và lối sống siêu thoát để thần hiệp với Đạo của tôn giáo này. Thật vậy:*

1- Trước hết, quan niệm về Đạo ở Lão Giáo gần giống như mạc khải về thần tính của Lời Nhập Thể nơi Kitô giáo, như được Thánh Ký Gioan diễn tả ngay ở đoạn mở đầu cho Phúc Âm của ngài: "Ngay từ ban đầu đã có Lời... nhờ Người mà tất cả mọi sự được tạo thành" (Jn 1:1,3), bởi thế có bản Thánh Kinh Trung Hoa dịch thay chữ Lời bằng chữ Đạo;

2- Sau nữa, lối sống siêu thoát để thần hiệp với Đạo của Lão Giáo gần giống như tu đức tam cấp của Kitô giáo: khởi sinh, tiến sinh và hiệp sinh, ở chỗ "từ bỏ mọi sự mà theo Thầy" (Mt 19:27), "ở trong Thầy" (x Jn 15:7, 9), sống trong thế gian mà không thuộc về thế gian (x Jn 17:11,14), bằng một tâm hồn trọn lành của Bài Giảng Phúc Đức Trên Núi, như tinh thần

khó nghèo thì "được Nước Trời" và thanh tịnh "sẽ được thấy Thiên Chúa" (Mt 5:3, 8);

3- Sau hết, lối sống siêu thoát để thần hiệp với Đạo của Lão Giáo thực tế cũng am hợp với đời sống tu trì của Kitô giáo, nhất là đời sống ẩn tu ngày xưa, hay đời sống đan tu sau đó cho tới ngày nay, một đời sống ẩn thân nhưng không vì khinh đời hay chán đời mà là vì đời và cho đời bằng đời sống nguyện cầu (# Tọa Vọng) và khổ chế (# Tâm Chay), để trở thành như một thứ muối đất men bột (x Mt 5:13; 13:33).

## Phật Giáo

Nói đến Phật Giáo người ta thường nghĩ đến những vấn đề sau đây: "đời là bể khổ", tham sân si, Cõi Niết Bàn và Bát Chính Đạo. Những ý niệm này có một liên hệ mật thiết với nhau, ở chỗ, "đời là bể khổ" gây ra bởi tham sân si, nên muốn được vào cõi Niết Bàn cần phải thực thi Bát Chính Đạo hay cũng có thể hiểu một khi thành Phật (= Giác Ngộ), cần phải tỏ ra những tâm ngôn hành chân chính hay chính trực. Đó là những gì thuộc về 4 chân lý kỳ diệu được Phật Giáo gọi là Tứ Diệu Đế: "đời là bể khổ" thuộc về chân lý thứ 1 gọi là Khổ Đế; 2- "Tham sân si" thuộc về chân lý thứ 2 gọi là Tập Đế; 3- Cõi Niết Bàn là



chân lý thứ ba gọi là Diệt Đế; và 4- Bát Chính Đạo thuộc về chân lý thứ 4 gọi là Đạo Đế.

**Khổ Đế:** Chân lý thứ nhất - "đời là bể khổ", liên quan tới sự kiện không thể chối cãi về cuộc sống của con người trên trần gian này. Đích thân của vị giáo tổ Phật Giáo đã chứng kiến được đời sống của dân chúng bên ngoài cung điện của ngài như thế, với sinh, bệnh, lão và tử, nên ngài đã từ bỏ giàu sang phú quý vợ đẹp để tìm cách cứu nhân độ thế, cho đến khi chính bản thân ngài được Giác Ngộ (nghĩa là thành Phật = Buddha) ở dưới cây Bồ Đề (Bodhi = Giác Ngộ). Và vì được Giác Ngộ (= trở thành Phật), vị giáo tổ này đã thấy được rõ ràng đâu là căn nguyên sâu xa cho tình trạng "đời là bể khổ", một tình trạng khổ không phải chỉ theo thể lý là sinh, bệnh, lão, tử mà còn ở cả ngay cả trong tâm can của con người với đầy những trái ý, và phương cách để giải thoát con người khỏi "đời là bể khổ", nhất là trong tâm can của họ, nhờ đó con người có thể được giải thoát và cứu độ.

**Tập Đế:** Chân lý thứ hai - "tham sân si", liên quan tới nguyên nhân gây ra tình trạng đau khổ của con người, nhất là trong tâm can. "Tham" là tham lam, "Sân" là giận dữ, và "Si" là ngu si mê lầm. Con người đau khổ trước hết là vì tham lam, và vì lòng tham vô đáy nên thường không được như ý thì đâm ra giận dữ, đến độ tác hành như một kẻ ngu si điên độn mê

lầm về con người mình cũng như về vũ trụ. Chính vì mê lầm coi mọi sự là Thường Trụ (= không thay đổi), chứ không phải Vô Thường luôn biến thiên thay đổi, hay không thường hằng bất biến, và sống một cách Chấp Ngã (chứ không phải Vô Ngã, không có Cái Tôi, không còn Cái Tôi), ở chỗ coi mình khác với tha nhân, tức còn phân biệt và ngăn cách, mà con người thực sự vẫn còn ở trong cõi vô minh lầm lạc, từ đó họ mới bị chới với và đăm đuối đến độ bị chìm ngập trong "đời là bể khổ".

**Diệt Đế:** Chân lý thứ ba - Cõi Niết Bàn (Nirvana), liên quan tới tình trạng con người được giải thoát khỏi "đời là bể khổ". Thật vậy, vì con người mê lầm, vô minh, mà họ còn làm nhiều việc xấu xa và tội ác, nên bị những thứ Nghiệp (Karma), như ác nghiệp và nghiệp báo, cần phải đền bù theo luật nhân quả, được Phật Giáo liệt kê trong Thập Nhị Nhân Duyên (= chuỗi 12 vòng xích nhân quả), và nguyên nhân đầu tiên (1) được liệt kê đó là Vô Minh và hậu quả cuối cùng (12) đó là khổ (dưới dạng Lão, Tử), mà Khổ là do Sinh (11), Sinh là do Hữu (10), Hữu là do Thủ (9) tức do muốn có, Thủ là do Ái (8), tức do khát vọng, Ái là do Thụ (7), tức do hoan hưởng, Thụ là do Xúc (6), tức do tiếp xúc, Xúc là do Lục Nhập (5), tức do các giác quan, Lục Nhập là do Danh Sắc (4), tức do tâm thức và giác quan, Danh Sắc là do Thức (3), tức do ý thức, Thức là do Hành (2), tức do hành động, và Hành là do Vô Minh (1).

Bởi vậy, một khi con người tiến đến chỗ Giác Ngộ là họ được giải thoát khỏi "đời là bể khổ", trở thành Phật và ở trong Cõi Niết Bàn.

**Đạo Đế:** Chân lý thứ tư - Bát Chính Đạo, là chân lý thứ tư trong Tứ Diệu Đế, tức chân lý cao nhất trong 4 chân lý mà «đạo» ở đây cũng được hiểu là chính «con đường cứu độ», là «chính đạo», là đắc đạo. Và vì thế chỉ có những ai đã thực sự giác ngộ mới sống chính đạo, được thể hiện nơi Bát Chính Đạo, bao gồm tâm trí ngôn hành ngay lành đúng thật của một con người đã Giác Ngộ (thành Phật), đã vào Cõi Niết Bàn, một cõi theo phái Đại Thừa, có thể xảy ra ở ngay trên trần gian này, vì Phật tổ không hề để cập tới đời sau. Đúng thế, nếu nguyên nhân đầu tiên và chính yếu làm cho con người sống trong "đời là bể khổ", như trong Thập Nhị Nhân Duyên cho thấy, đó là vì Vô Minh, mê lầm, cần phải tỉnh ngộ, cần phải giác ngộ, thì một khi con người đã Giác Ngộ, họ phải trở thành một con người trong ngoài có một tâm trí ngôn hành của một thứ Bát Chính Đạo như sau: «tâm» phải muốn đúng, được gọi là chính định (8); «trí» phải suy tư đúng và hiểu biết đúng, bao gồm 3 chính đạo là chính kiến (1), chính tư duy (2), và chính niệm (7); «ngôn» phải nói năng cho đúng được gọi là chính ngữ (3); và «hành» phải làm việc cho đúng, bao gồm 3 chính đạo là chính nghiệp (4), chính mệnh (5) và chính tinh tiến (6). Như thế, trong Bát Chính Đạo trên đây, nói chung, có 4 chính đạo

liên quan đến tâm trí bề trong và 4 chính đạo liên quan đến ngôn hành bề ngoài.

## **Mầm mống thần linh nơi Phật Giáo**

*Đó là nhu cầu cứu độ đối với con người và điều kiện diệt dục cùng tình trạng giác ngộ cần phải có nơi con người được thể hiện nơi Bát Chính Đạo như được tôn giáo này chủ trương. Thật vậy:*

1- Nhu cầu cứu độ đối với con người nơi Phật Giáo: theo mạc khải Thánh Kinh Kitô giáo, sau khi hai nguyên tố của loài người sa ngã phạm tội, con người cần phải được cứu độ. Thế nhưng, cũng theo mạc khải thần linh này, chính vì con người sa ngã không thể nào tự cứu mình được nên Thiên Chúa đã tự hứa cứu độ họ nơi Con của Người là Đấng Thiên Sai được hạ sinh làm người bởi một người nữ (xem Gen 3:15; Gal 4:4).

2- Nhu cầu cứu độ được Phật Giáo nhận thấy này còn được thể hiện nơi Lịch Sử Cứu Độ của Dân Do Thái, một dân tộc được Thiên Chúa tuyển chọn cách riêng giữa các dân tộc trước Công Nguyên, một dân tộc đã được Ngài cứu khỏi cảnh làm tôi ở Ai Cập, nhưng liên li bất trung với lề luật của Ngài là Đấng luôn trung thành với họ, thậm chí Ngài đã giải cứu họ những khi họ chân nhận lỗi lầm của mình dưới ách thống trị của ngoại xâm và kêu cầu Ngài cứu độ ... Cho tới khi Ngài thực sự sai Đấng

Cứu Thế đến cho nhân loại, xuất phát từ dân tộc của họ, đúng như lời Ngài đã hứa với hai nguyên tổ và loan báo trong Lịch Sử Cựu Ước của họ.

3- Điều kiện diệt dục liên quan đến lòng người nơi Phật giáo, có thể nói, ở một nghĩa nào đó, cũng gần giống như vấn đề từ bỏ lòng quyến luyến thế gian, như được chính Chúa Giêsu kêu gọi những ai muốn theo Người phải bỏ tất cả những gì họ có, thậm chí cả chính bản thân mình (x Lk 14:26), và được Thánh Ký Gioan lập lại trong Thư Thứ Nhất của ngài về 3 thứ quyền rũ của thế gian (xem 1Jn 2:16).

4- Tâm mức Giác Ngộ (thành Phật) hay Bồ Tát (thánh nhân), thoát khỏi mê lầm và vòng luân hồi của "đời là bể khổ" ở Phật Giáo, nơi Kitô giáo được gọi là nhận biết để được sự sống thần linh: "*Thầy là ánh sáng thế gian, ai theo Thầy sẽ không đi trong tăm tối nhưng sẽ được ánh sáng sự sống*" (Jn 8:12), Người là «*Đấng đã kêu gọi (Kitô hữu) từ tối tăm vào ánh sáng lạ lùng của Người*» (1Pt 2:9), nhờ đó, con người được thông phần sự sống thần linh (x Jn 3:16), một sự sống được định nghĩa là và cũng chính là tác động nhận biết thần linh (x Jn 17:3).

5- Bát Chính Đạo của Phật Giáo liên quan đến tâm trí ngôn hành ngay thật đúng đắn của một Phật tử chân chính có thể được hiểu và sánh ví về hình thức như Tám Mối Phúc Thật của Kitô Giáo đối với thành

phần sống trọn lành thánh đức theo đường lối và tinh thần của Chúa Kitô mong muốn, làm gương và truyền dạy.

## Kitô Giáo

Kitô giáo được xếp vào một trong ba tôn giáo chủ trương độc thần. Nếu Do Thái Giáo chủ trương độc thần và tin thờ một Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất, Đấng đã chọn Moisen làm trung gian của Ngài trong việc cứu dân Do Thái khỏi Ai Cập, và Hồi Giáo chủ trương độc thần theo giáo huấn của một vị trung gian được họ coi là Tiên Tri Mohammed, thì Kitô Giáo chủ trương độc thần và tin thờ Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất là Đấng đã tỏ mình ra nơi Đức Giêsu Kitô, Vị Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người (1Tim 2 :5).

Và Kitô Giáo, theo giòng lịch sử của mình, đã bị phân rẽ làm hai, một ở Đông Phương và một ở Tây Phương. Ở Đông Phương, vào năm 1054, Giáo Hội Chính Thống Đông Phương tách khỏi Giáo Hội Công Giáo Rôma ; và ở Tây Phương, vào năm 1517, Phong Trào Thệ Phản do linh mục Dòng Âu Quốc Tinh là Luthêrô khởi xướng bị loại khỏi Giáo Hội Công Giáo Rôma, và sau đó vào năm 1535, cũng ở Tây Phương, Anh Quốc cũng tự tách mình khỏi Giáo Hội Rôma trở thành Anh Giáo.

Tuy Kitô Giáo bị tách phân như vậy, với những chủ trương khác nhau liên quan tới 3 yếu tố chính làm nên đức tin Kitô Giáo là Thánh Kinh, Thánh Truyền và Huấn Quyền: Giáo Hội Công Giáo Rôma vẫn tiếp tục với chiếc kiềng đức tin 3 chân này, Giáo Hội Chính Thống Đông Phương không công nhận quyền bính của Giáo Hoàng Rôma (Huấn Quyền), và Phong Trào Thệ Phản Tây Phương chỉ công nhận duy Thánh Kinh - sola scriptura, nhưng tất cả đều cùng có một niềm tin tưởng chính yếu như sau:

1- Con người được Thiên Chúa dựng nên theo hình ảnh thần linh và tương tự thần linh (x Gen 1:26-27) để có thể nhờ đó con người được hiệp thông thần linh với Ngài đúng như mục đích chính yếu của Ngài khi dựng nên con người trên trần gian này;

2- Tuy nhiên, bởi nguyên tội, qua hành động bất tuân phục mệnh lệnh tối cao của Thiên Chúa nơi lương tâm của mình (x Gen 3:1-16), con người đã làm méo mó đi hình ảnh thần linh của mình và do đó làm mất theo cả mối liên hệ thần linh với Thiên Chúa;

3- Vì thế, Thiên Chúa đã phải tự mình tỏ ra (mạc khải) cho con người thấy đâu là hình ảnh thần linh đích thực của Ngài, khi sai Con Một của Ngài đến trần gian là Lời Nhập Thể và Vượt Qua, để phục hồi hình ảnh thần linh nơi con người và cho con người;

4- Để rồi, nhờ hoa trái Cứu Chuộc là Thánh Linh được ban cho con người, nhất là cho thành phần tin tưởng và lãnh nhận phép rửa (x Mk 16:16), con người mới được tái sinh bởi trời (x Jn 3:3) và được hiệp thông thần linh với Thiên Chúa là Cha của mình.

Ở đây, căn cứ vào niềm tin chung và phổ quát này của Kitô Giáo, chúng ta thấy mầm mống thần linh của Tam Giáo ở Việt Nam có liên hệ với Kitô Giáo theo thứ tự 4 tín điểm trên đây như sau:

Tín điểm 1 và 2 liên quan đến nhân loại học siêu nhiên của Kitô Giáo, một phần nào, được thấy ở Khổng Giáo là đạo giáo chủ trương về "tu thân" làm người;

Tín điểm 2 liên quan đến Lời và tín điểm 3 liên quan đến Thánh Linh của Kitô Giáo, một phần nào, được thấy ở Lão Giáo là đạo giáo chủ trương "Đạo" là Nguyên Lý Tuyệt Đối và phải làm sao sống siêu thoát để được hiệp nhất nên một với "Đạo";

Tín Điểm 2 và 3 liên quan đến việc cứu độ (salvation) của con người, một phần nào, được thấy nơi Phật Giáo là đạo giáo chủ trương con người cần phải thoát khỏi "đời là bể khổ" với đây những "tham sân si" bằng cách "giác ngộ" nhận ra tất cả sự thật về con người và cuộc đời.



Đúng thế, căn cứ vào mạc khải Thánh Kinh, nhất là mấy đoạn đầu của Sách Sáng Thế Ký liên quan đến ơn gọi và thân phận của con người, thì *mâm mống thần linh nơi Khổng Giáo đó là vấn đề "tu thân"*, ở chỗ, con người sống trên đời phải làm sao cho cái mầm "nhân chi sơ tính bản thiện" nơi con người ở phần Lý (phần thượng) nhưng lại vốn thiên về sự ác ở phần Khí (phần hạ) được trở thành Minh Đức đúng với Lương Tâm chân chính của con người, nhờ đó con người mới có thể sống trọn đạo làm người theo Ngũ Thường là "nhân, lễ, nghĩa, trí, tín", và mới có thể "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ".

Căn cứ vào mạc khải Thánh Kinh, nhất là mấy câu mở đầu của Phúc Âm Thánh Gioan và những Mối Phúc Thật đầu trong Bài Giảng Trên Núi của Chúa Kitô, thì *mâm mống của Lão Giáo đó là vấn đề tu "đạo", "hợp thiên"*, ở chỗ, sống siêu thoát trên trần gian này, bằng đời sống tự do thanh thoát không bị ràng buộc, sống đời ẩn dật, đơn giản, thô sơ nghèo khó v.v., vì "Đạo" liên quan đến những gì là "vô/thường", "vô/hữu" và "vô vi". "Vô/thường", vì Đạo là Nguyên Lý Tuyệt Đối, vô hình, vô tượng, vô danh, vô thủy, vô chung, "thường" hằng bất biến. "Vô/hữu", vì tất cả mọi sự có (= "hữu") đều phát xuất từ "Vô", từ "Không", từ "Đạo" là Nguyên Lý Tuyệt Đối. "Vô vi", không có nghĩa là không làm gì, mà là ở giữa, là điều độ, là "Trung Hòa", như cái trục vô hình nơi quả lắc đồng hồ đóng vai trò ở giữa bất

động ("vô vi") nhưng lại nắm vai trò quân bình quan trọng cho việc chuyển động của quả lắc.

Căn cứ vào dự án cứu độ của Thiên Chúa và công cuộc cứu độ của Chúa Giêsu Kitô, thì *mầm mống của Phật Giáo đó là vấn đề cứu độ*, ở chỗ, Phật Giáo cũng chủ trương cứu độ con người chẳng những về phần xác cho khỏi "đời là bể khổ" – sinh, bệnh, lão, tử (*Khổ Đế* - chân lý thứ nhất trong Tứ Diệu Đế), mà còn về tâm thần cho khỏi "tham sân si", một thứ "tham sân si" (*tham* lam đến chỗ không được như ý thì *đâm giận* dữ một cách ngu *si*), khiến con người gây ra "ác nghiệp" trong tình trạng "luân hồi" (*Tập Đế* - chân lý thứ hai trong Tứ Diệu Đế), cho đến khi hoàn toàn "Giác Ngộ" (thành Phật) mới được vào cõi "Niết Bàn" (*Diệt Đế* - chân lý thứ ba trong Tứ Diệu Đế), một cõi sống có thể xảy ra ngay trên đời này về tâm linh (theo phái Đại Thừa), để tâm trí ngôn hành của con người có thể sống "Bát Chính Đạo" (*Đạo Đế* - chân lý thứ tư trong Tứ Diệu Đế).



Nếu cùng dạy ăn ngay ở lành mà "đạo nào cũng là đạo" thì có thể nói chỉ có một đạo duy nhất, đó là đạo tự nhiên, đạo sống theo lương tâm con người, vì lương tâm con người là vị giáo tổ đầu tiên và trên hết dạy con người phải làm sao phải ăn ngay ở lành.

Và như thế thì không cần một đạo nào khác nữa, như Ấn Giáo, Phật Giáo, Khổng Giáo, Lão Giáo, Do Thái Giáo, Kitô Giáo, Hồi Giáo v.v.

Thực tế cũng cho thấy, dù mỗi người được lương tâm dạy cho biết ăn ngay ở lành đấy, nhưng nhiều người vẫn theo một đạo nào đó: đạo duy nhân bản, thậm chí đạo phản nhân bản, nhưng cũng có đạo siêu nhân bản v.v.

Bởi vì, mỗi đạo đều có một niềm tin riêng, được thể hiện qua những gì phải tin tưởng và tuân giữ liên quan đến các chủ trương về luân lý khác nhau, để ai hợp với đạo nào thì theo đạo đó.

Chẳng hạn Khổng Giáo thiên về vấn đề nhân bản “tu thân” làm người cho xứng với Lương Tâm chân chính của con người; Lão Giáo lại ưu tiên về vấn đề tu “đạo” để làm sao có thể sống siêu thoát trên trần gian; và Phật Giáo lại chú trọng đến về vấn đề cứu độ con người vốn “tham, sân, si” cho khỏi “đời là bể khổ” để có thể sống “bát chính đạo”.

Tuy nhiên, theo tôi, thì vấn đề "đạo nào cũng là đạo" không phải như là ở chỗ đạo trở thành một món ăn hay món hàng tùy nghi chọn lựa theo thị hiếu và sở thích của con người, hợp với mình thì theo không thì bỏ.

Trái lại, đối với Kitô giáo, vì Đạo đây lại là chính Chân Lý, là chính Vị Sáng Lập của Kitô giáo, Đấng đã phán: "*Thầy là Đạo Lộ, là Sự Thật và là Sự Sống*" (Jn 14:6), mà tôi phải chấp nhận (Chân Lý) chứ không thể nào bắt chân lý là một thực tại khách quan tuyệt đối lại phải được bẻ cong hay uốn nắn theo ý nghĩ và ý muốn hạn hẹp đầy khả ngộ của tôi, và tôi phải *theo Đạo* (như thường tình vẫn nói), tức theo Đức Giêsu Kitô, chứ không phải là Đạo theo tôi một cách ngược đời.

Đó là lý do Đức Kitô đã khẳng định với các môn đệ được Người kêu gọi "*hãy theo Thầy*" (Jn 1:43, 21:19; Mt 4:19, 9:9) rằng: "*Không phải là các con đã chọn Thầy mà là Thầy đã chọn các con*" (Jn 15:16).

Theo lịch sử tôn giáo thì có một hiện tượng, đúng hơn là một sự kiện không thể chối cãi, đó là từ khi xuất hiện một tôn giáo được gọi là Kitô giáo, thì không còn một đạo nào khác giống như Phật Giáo, Khổng Giáo, Lão Giáo xuất hiện nữa, ngoại trừ Hồi Giáo, nhưng Hồi Giáo lại là một tôn giáo pha trộn và phỏng theo cả Do Thái Giáo lẫn Kitô Giáo, bởi hai yếu tố chính làm nên tôn giáo hậu Kitô giáo này là mạc khải thần linh và vai trò trung gian (được họ gọi là "tiên tri") đều đã có từ trong bộ Thánh Kinh cả Do Thái Giáo lẫn Kitô Giáo.

Thế nhưng, vấn đề được đặt ra ở đây là, nếu vậy thì tại sao Kitô giáo hiện nay nói chung và ở Tây

phương nói riêng đang ở trong tình trạng băng hoại, tình trạng bị phá sản đức tin, với nạn bỏ đạo hay rớt đạo, đặc biệt là nạn linh mục lạm dụng tình dục thiếu nhi v.v.

Câu trả lời có thể như sau: tình trạng mất gốc Kitô giáo đặc biệt ở Âu Châu nói riêng này không phải là vì niềm tin và đạo lý của Kitô giáo không còn hiệu nghiệm nữa, mà là vì thành phần Kitô hữu tân tiến đã không còn trung thành với đức tin chuyên chính tông truyền của mình nữa, một đức tin đã làm nên văn hóa và văn minh Tây phương huy hoàng về nhân bản ngay từ thuở ban đầu của Kitô Giáo, nhất là vào Thời Trung Cổ.

Phải chăng Thánh ký Gioan, tác giả cuốn Phúc Âm Thứ 4 trong bộ Thánh Kinh Tân Ước của Kitô Giáo, đã nói tiên tri đến sự kiện tôn giáo lạ lùng này khi nói về Đấng hằng có từ trước muôn đời và đã hóa thành nhục thể trong thời gian rằng: "*Ánh sáng thực chiếu soi hết mọi người đã đến trong thế gian*" (Jn 1:9). Chính vị Giáo Tổ Kitô Giáo cũng tự mình định và tuyên bố về bản thân của Người rằng: "*Thầy là ánh sáng thế gian, ai theo Thầy sẽ không bước đi trong tăm tối, nhưng sẽ có ánh sáng sự sống*" (Jn 8:12).

Như thế, có thể hiểu là các tôn giáo có trước Kitô giáo được coi như bình minh báo hiệu Mặt Trời Công Chính là Chúa Kitô. Đó là lý do, trong *Tuyên*

*Ngôn Nostra Aetate về Giáo Hội với các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo, đoạn 2, Công Đồng Chung Vaticanô II, chẳng những công nhận các tôn giáo đều có "ánh sáng của Chân Lý", mà còn nhấn mạnh đến sứ vụ truyền giáo nữa, bằng cách đối thoại liên tôn cũng như bằng chứng từ đức tin của mình, chứ không theo kiểu tôn giáo hòa đồng - "đạo nào cũng là đạo":*

- ❖ *"Giáo Hội Công Giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó.. tuy rằng có nhiều điểm khác nhau với chủ trương mà Giáo Hội duy trì, nhưng cũng thường đem lại ánh sáng của Chân Lý, Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người... Tuy nhiên Giáo Hội rao giảng và có bốn phận phải kiên trì rao giảng Chúa Kitô, Đấng 'là đường, sự thật và sự sống' (Gio 14,6)... bằng con đường đối thoại và hợp tác cách thận trọng và bác ái với tín đồ các tôn giáo ấy mà vẫn là chứng tá của đức tin và đời sống Kitô giáo".*

# Gợi Ý Học Hỏi Hằng Tháng trong Năm Đức Tin

*Tháng 11/2012*

**Vấn đề 1 - Tại sao tôi tin theo đạo Công giáo?**  
(xin xem gợi ý ở bài 4, trang 97-100)

*Tháng 12/2012*

**Vấn đề 2 - Hiểu rồi mới tin hay cứ tin rồi sẽ hiểu?**  
(xin xem gợi ý ở bài 4, trang 101-103)

*Tháng 1/2013*

**Vấn đề 3 - Kitô giáo là đạo bởi trời ở chỗ nào?**  
(xin xem gợi ý ở bài 4, trang 113-122)

*Tháng 2/2013*

**Vấn đề 4 - Đây là cốt lõi của đức tin Kitô giáo?**  
(xin xem gợi ý ở bài 1, trang 19-21)

*Tháng 3/2013*

**Vấn đề 5 - Làm thế nào để biết được nhân vật lịch sử  
Giêsu Nazarét chính là Đức Kitô?**  
(xin xem gợi ý ở bài 1, trang 21-33)

*Tháng 4/2013*

**Vấn đề 6 - Làm thế nào để biết được Đức Kitô là Con  
Thiên Chúa hằng sống?**  
(xin xem gợi ý ở bài 1, trang 33-50)

**Tháng 5/2013**

**Vấn đề 7 - Thánh Thể là Mầu Nhiệm Đức Tin bao gồm những ý nghĩa và chiều kích nào?**

*(xin xem gợi ý ở bài 3, trang 81-96)*

**Tháng 6/2013**

**Vấn đề 8 - Mẹ Maria đã tỏ hiện Đức Tin tuân phục của Mẹ ra sao?**

*(xin xem gợi ý ở bài 2, trang 56-71)*

**Tháng 7/2013**

**Vấn đề 9 - Mẹ Maria đã sống đức tin được thể hiện qua đức mến như thế nào?**

*(xin xem gợi ý ở bài 2, trang 71-80)*

**Tháng 8/2013**

**Vấn đề 10 - Làm thế nào để biết được mức độ đức tin của mình và làm sao để gia tăng đức tin của mình?**

*(xin xem gợi ý ở bài 5, trang 123-139)*

**Tháng 9/2013**

**Vấn đề 11 - Phải chăng ngoài Giáo Hội Công Giáo không có ơn cứu rỗi?**

*(xin xem gợi ý ở bài 6, trang 141-150)*

**Tháng 10/2013**

**Vấn đề 12 - Nơi các đạo giáo ngoài Kitô giáo có chân lý hay mầm mống thần linh hay chăng?**

*(xin xem gợi ý ở bài 7, trang 68-186)*

**Tháng 11/2013**

**Vấn đề 13 - Làm thế nào để chứng thực cho nhân loại biết Chúa Kitô là Đấng Cứu Thế duy nhất?**

*(xin xem gợi ý ở bài 6, trang 150-157)*